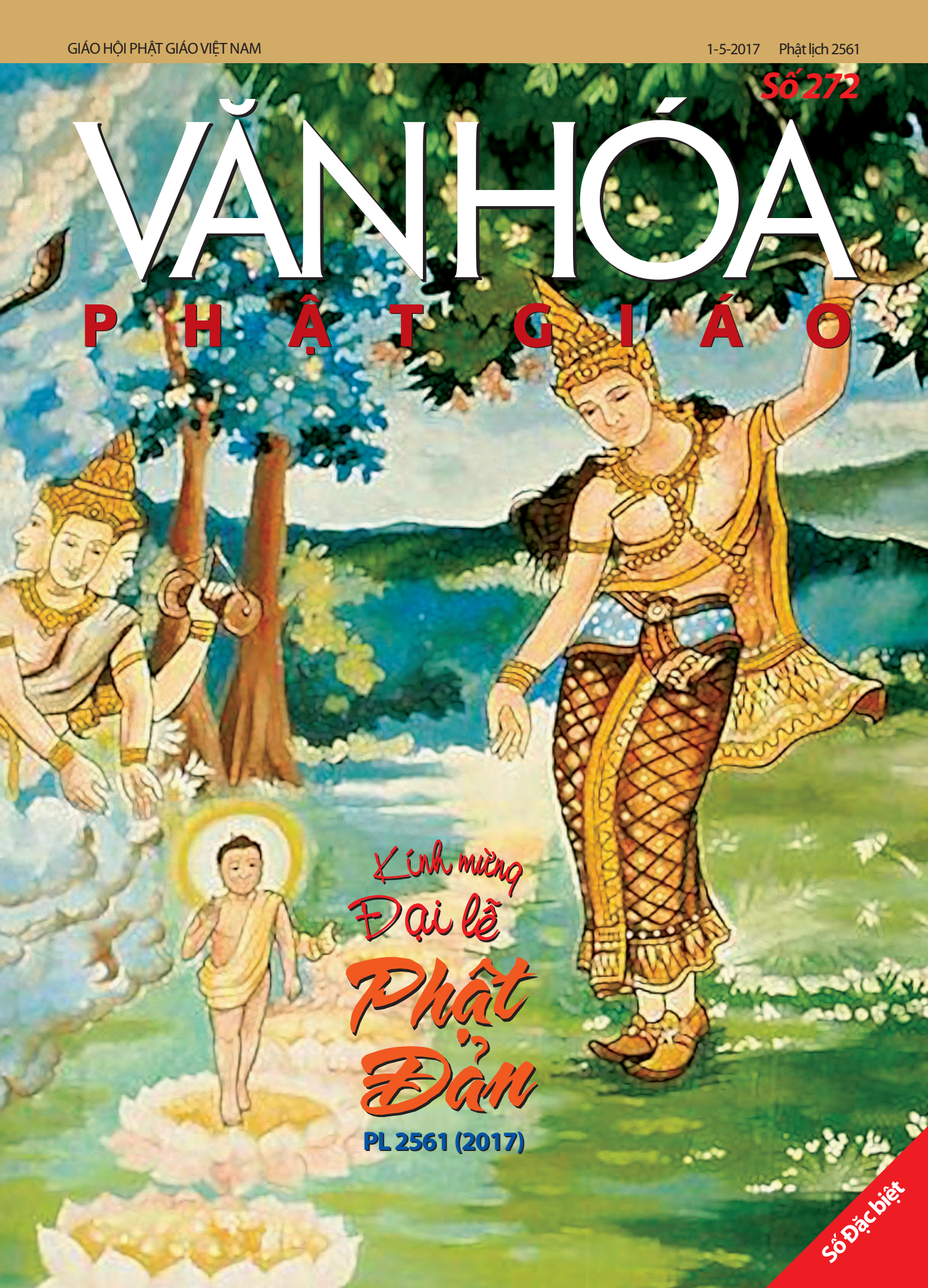


# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO



Kính mừng  
Đại lễ  
**Phật  
Đản**

PL 2561 (2017)

Số Đặc biệt

# Kính Mừng ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2017

Phật lịch 2561



**TÔN HOA SEN**  
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



**ỐNG NHỰA HOA SEN**  
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



**ỐNG KẼM HOA SEN**  
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



[www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)



TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI



# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Quyền Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MẢN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo  
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: toasoanvhp@gmail.com  
Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản:  
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thông điệp của Đức Pháp chủ	4
Diễn văn Phật đản của Hòa thượng Chủ tịch HĐTS	5
Ý nghĩa Phật đản... (HT Phó Chủ tịch HĐTS Thích Bảo Nghiêm)	6
Tuyên ngôn Đức Phật vào đời (Trần Quê Hương)	8
Thông điệp đầu tiên (Thị Giới)	10
Như Lai là người chỉ đường (Nghiêm Thanh)	12
Giới thiệu "Kiên Lạc tháp bi ký" (Thích Đồng Dưỡng)	16
Lời giới thiệu sách Tôn giả Angulimāla (Cao Huy Thuần)	18
Ba thân và mũ giáp (Nguyễn Thế Đăng)	20
Trầm tư về tính nhân bản nhân ngày Đại lễ Vesak (Thích Thiện Nhơn)	23
Liệu pháp muôn đời (Nguyễn Cẩn)	26
Vận hành thức A-lại-da trong thân tử ấm (Đức Hạnh)	30
Tim hiểu địa lý vùng cao qua sách Vũ Man tạp lục (Tôn Thất Thọ)	32
Nhục thân! (Trần Bảo Định)	35
Viết văn bằng ngôn ngữ thứ hai (Hồ Anh Thái)	38
Không gian, thời gian trong mỗi chuyến đi (Lê Hải Đăng)	40
Cái chổi (Cao Huy Hóa)	42
Việc nhỏ lợi to (Nguyễn Hữu Đức)	44
Hạnh phúc cuối đời (Hoàng Tá Thích)	46
Ở trọ (Song Ninh)	48
Thơ (Đỗ Hồng Ngọc, Trương Thị Kim Dung, Phan Thành Minh, Tịnh Bình, Nguyễn Nam, Trí Thành)	50
Người quen kẻ lạ (Nguyễn Trọng Hoat)	52
Nhạc vị vô thanh (Nguyễn Hiếu Tín)	54

**Bìa 1: Ảnh sáng Lâm-tỳ-ni. Nguồn: media.licdn.com**

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Mùa Phật đản lại về. Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin cùng với chư độc giả hân hoan đón mừng ngày Khánh đản của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni, Phật lịch 2561. Chúng ta cùng tưởng như được thắm nhuần kim quang từ vườn Lâm-tỳ-ni cách đây 2.641 năm. Mong sao Phật giáo trường tồn và thông điệp cứu khổ của Đức Bổn sư được thành tựu trên khắp hành tinh này.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin trả lời thắc mắc của một số độc giả về việc đăng tải những hình ảnh minh họa ngoài bìa và trên các trang báo VHPG. Có nhiều độc giả đặt vấn đề, vì sao những bài có nội dung quan trọng lại không được đưa ra bìa, trong khi nội dung những bài đưa ra bìa có thể là không quan trọng lắm. Lại nữa, hình ảnh minh họa đôi khi không tương thích với nội dung: có những bài quan trọng có hình ảnh không đáng kể mà những bài không quan trọng lắm lại có hình ảnh lớn hơn.

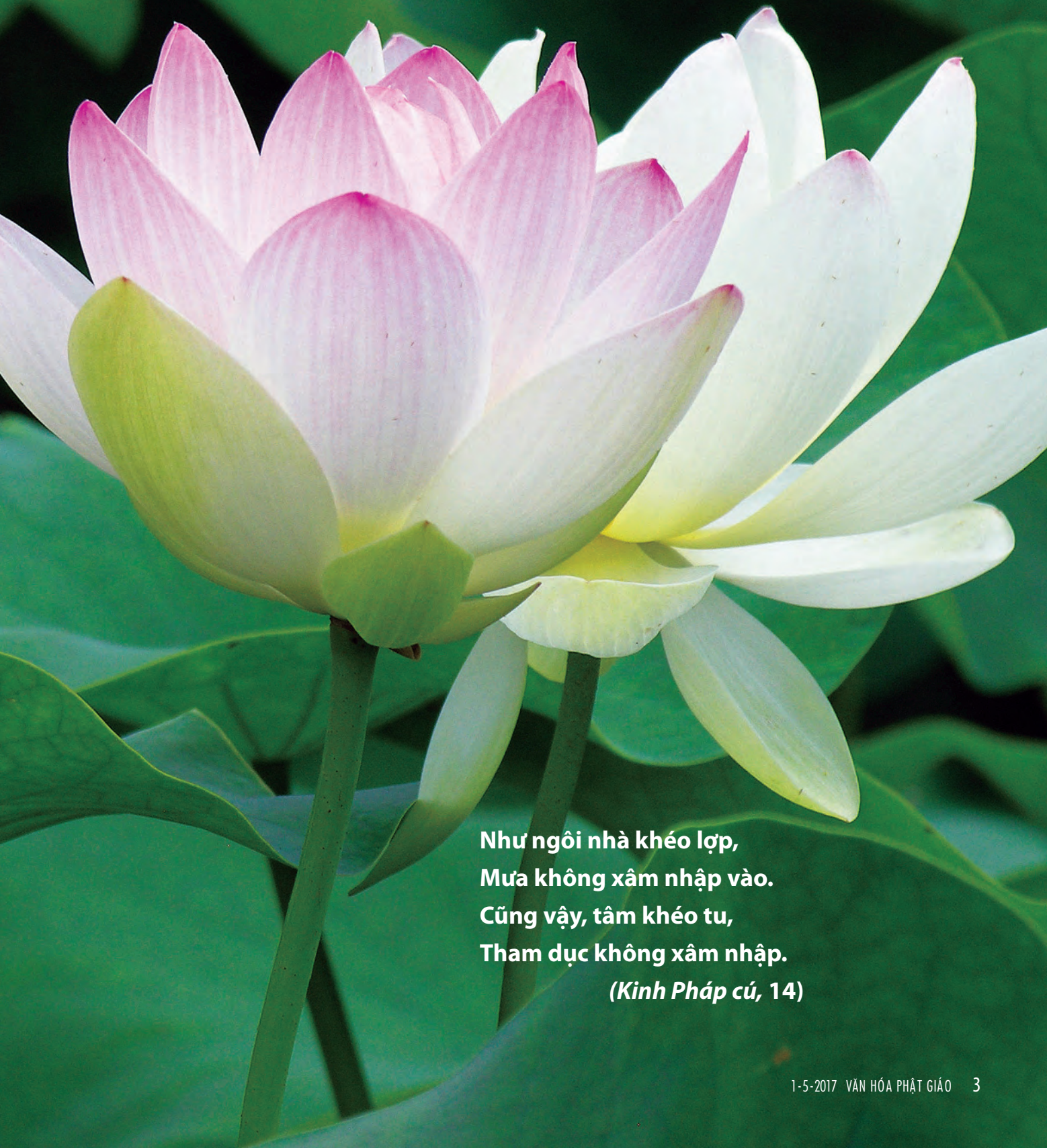
Chúng tôi vẫn chủ trương rằng bìa báo phải có hình ảnh đẹp, có dung lượng lớn, và có liên quan đến nội dung của một bài viết đăng tải trên số báo ấy. Thường khi những hình ảnh liên quan đến nội dung của những bài viết được cho là quan trọng lại không đáp ứng được những tiêu chí trên.

Chúng tôi cũng chủ trương rằng mọi bài viết đều kết thúc ở cuối một trang báo. Do vậy, hình ảnh minh họa lớn hay nhỏ là tùy theo độ dài ngắn của bài viết. Chúng tôi mong quý độc giả ủng hộ chủ trương trình bày của tạp chí.

Một lần nữa, nhân mùa Phật đản Phật lịch 2561, VHPG kính chúc quý độc giả được nhiều niềm vui tự nội. Thành tâm nguyện cầu chư Phật mười phương gia hộ thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Như ngôi nhà khéo lợp,  
Mưa không xâm nhập vào.  
Cũng vậy, tâm khéo tu,  
Tham dục không xâm nhập.  
*(Kinh Pháp cú, 14)*

# Thông điệp

# Đại lễ Phật đản

Phật lịch 2561

## của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hà Nội, tháng 05 năm 2017 - PL.2561

Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Kính gửi: Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesak cách đây 26 thế kỷ, có một bậc vĩ nhân xuất hiện ở đời; đó là Thái tử Sĩ-đạt-đa (Siddhartha), sau tu hành chứng ngộ, hiệu là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakyamuni Buddha). Cuộc đời của Ngài từ lúc sinh ra cho đến lúc nhập diệt là cuộc đời hết sức đặc biệt, đẹp đẽ và đầy ý nghĩa. Đó là sự hoàn thiện nhân cách con người mà nhân loại đã suy tôn Ngài là bậc Thầy của chư thiên và loài người, là bậc Đạo sư đại Giác ngộ tôn quý nhất trong thế gian này. Sự thành tựu đạo quả của Ngài là sự thành công lớn của cả nhân loại. Đức Phật đã tìm ra con đường giúp chúng ta xử lý được khổ đau, biết đối diện với hoàn cảnh và chế tác được hỷ lạc trong đời sống hằng ngày, vượt thoát được hệ lụy của danh vọng, tiền tài, quyền hành và sắc dục; đồng thời tiếp xúc được với thực tại tự tính vô sinh bất diệt của hiện hữu.

Phật đản là thời gian mỗi người con Phật có cơ hội ôn lại lịch sử của Đức Bản sư để chiêm nghiệm và hành trì, để sống theo lời Ngài chỉ dạy, đi theo con đường Ngài đã đi. Đó là con đường Bát Chánh Đạo, con đường Giới-Định-Tuệ. Mỗi chúng ta phải nỗ lực làm cho đạo Phật xương minh, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đem lại an lạc, hạnh phúc cho bản thân và gia đình, sự phồn vinh, thịnh vượng cho đất nước, và hòa bình cho nhân loại.

Mùa Phật đản Vesak thiêng liêng PL.2561 - DL.2017 trở về rộn ràng trong không khí Tăng Ni và Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đoàn kết, tập trung trí tuệ cùng nhau tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo các tỉnh, thành phố, tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VIII (2017-2022). Sự phát triển ổn định, bền vững của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở tất cả các cấp là nền tảng vững chắc cho sự nghiệp hoàng dương Chính pháp, gìn giữ và phát huy sự trong sáng, truyền thống hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Tôi đặt trọn niềm tin nơi Tăng-già hòa hợp và mong muốn rằng, kính mừng ngày Đức Phật đản sinh, mỗi Tăng Ni, Phật tử, tổ chức thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải nâng cao trách nhiệm và làm tròn bổn phận của mình trên tinh thần: Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển góp phần làm cho tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam không ngừng lớn mạnh để Giáo hội hoàn thành sứ mệnh trong bối cảnh đất nước ta đang trong quá trình đổi mới, xu hướng hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng của thời đại.

Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ, đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài mùa Phật đản an lành trong Chính pháp!

Nam-mô Thường Tinh Tiến Bồ-tát Ma-ha-tát.

Đức Pháp chủ  
Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ

(đã ký)



# Diễn văn Phật đản **PL. 2561 - DL. 2017**

## **của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Kính bạch Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni!  
Kính thưa Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!  
Thưa quý liệt vị!

Hôm nay, ngày Rằm tháng Tư năm Đinh Dậu - 2017, Phật lịch 2561, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam cùng với những người con Phật khắp nơi trên thế giới hân hoan thành kính đón mừng kỷ niệm ngày Khánh đản lần thứ 2641 của Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni. Chúng ta lắng lòng tưởng nhớ đến sự kiện hy hữu, đại sự nhân duyên mà Đức Phật đã ra đời đó là: "Khai thị chúng sanh, ngộ nhập Tri kiến Phật", cũng như trong *Kinh Tăng Chi* nói: "*Hỡi chúng sanh, có một bậc vĩ nhân, vì hạnh phúc cho chư Thiên, cho số đông, cho loài người mà xuất hiện ở đời, đó là Đức Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng Chánh giác*".

Từ kỷ nguyên bình minh của nhân loại, Đức Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni đã khai sáng đạo Phật và cống hiến cho nhân loại một tôn giáo, một nền triết học và một con đường sống. Phật giáo là tôn giáo của trí tuệ, tình thương yêu chúng sinh, đem lại hòa bình khắp muôn nơi. Đạo Phật là tôn giáo đạo đức sống động suốt hơn 26 thế kỷ qua và hơn bao giờ hết ngày nay vẫn đang là định hướng sống cho hàng triệu triệu người trên khắp hành tinh. Đạo Phật là triết học biện chứng pháp đưa con người đến một đời sống nhân bản hướng thượng. Đó là con đường sống hài hòa giữa thân và tâm, an lạc, hạnh phúc qua thực hành Giới-Định-Tuệ theo con đường Trung đạo.

Kỷ niệm ngày Đức Phật đản sanh, chúng ta thành kính tri ân Ngài đã vì hạnh phúc của nhân loại mà hiện sanh ra đời. Sức sống vĩ đại của Đức Bốn sư Thích-ca Mâu-ni chính là hình ảnh Tăng-già, đó là đoàn thể của các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, là sự hiện hữu của Đức Phật trên thế gian này. Phật pháp trường tồn là nhờ sự hiện hữu của Tăng-già, nhờ vào sức mạnh của trí tuệ và giới luật. Vì vậy, vì sự trường tồn của Tăng-già là trách nhiệm của mỗi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni từ thế hệ này đến thế hệ khác. Kính mừng ngày Đức Phật đản sanh, mỗi chúng ta phải tự ý thức vai trò, sứ mạng của mỗi Tỳ-kheo trong việc giữ gìn sự hòa hợp, thanh tịnh của Tăng-già. Đó chính là đóa hoa tâm thành kính dâng lên Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni trong ngày lễ Vesak trọng đại này.

Thưa Quý liệt vị!

Phật đản PL. 2561 - DL. 2017 đang tung bừng diễn ra khắp nơi trên cả nước từ các ngôi chùa ở làng quê hẻo lánh đến các ngôi chùa ở vùng hải đảo, miền núi biên cương xa xôi của Tổ quốc với nghi lễ tảo mộ Phật truyền thống trang nghiêm để cùng cầu nguyện quốc thái dân an. Kính mừng Phật đản năm nay cũng đúng vào thời gian Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố đang tập trung trí tuệ tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Phật giáo nhiệm kỳ 2017-2022 tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII sẽ được tổ chức vào tháng 11/2017 tại Thủ đô Hà Nội. Đây là năm cuối của nhiệm kỳ, tôi mong muốn Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước, cũng như ở nước ngoài nỗ lực hơn nữa phấn đấu hoàn thành xuất sắc chương trình Phật sự của nhiệm kỳ VII, phân tích đánh giá những bài học thành công, chỉ ra những nguyên nhân hạn chế trong điều hành Phật sự, nhằm xây dựng chương trình hoạt động sát thực tiễn thời đại cho các Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nhiệm kỳ VIII và các nhiệm kỳ tiếp theo định hướng tầm nhìn tới năm 2030 trong bối cảnh đất nước ta đang trong quá trình đổi mới, xu hướng hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng.

Mỗi chúng ta trong ngày Phật đản của đấng Từ phụ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni hôm nay hãy để tâm mình lắng đọng, thanh tịnh ghi nhớ lời dạy của Ngài trong Đại Tập kinh khi Đức Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất về thực hành Tứ nhiếp pháp: "Bố thí, cầu tài như pháp, thực hành bố thí thanh tịnh. Ái ngữ, dùng lời từ hòa hướng dẫn, an trú vào pháp thiện. Lợi hành, nói về tự lợi, là để lợi ích cho mọi người và xã hội. Đồng sự, khiến mọi người phát tâm tu tập thiện pháp, hướng đến Nhất thiết trí tức thành Phật". Và chúng ta cùng nhau khẳng định rằng: Nêu cao trí tuệ tập thể, nâng cao pháp Lục hòa cộng trú, Tứ nhiếp pháp để giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Giáo hội là điều kiện quan trọng quyết định sự thanh tịnh, hòa hợp và thành công của Đại hội và đó là tâm niệm của tất cả chúng ta.

Trong niềm cảm ứng vô biên như đang được đón nhận hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức Bốn sư, đấng Từ phụ, tôi chân thành kính chúc Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni; Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài một mùa Phật đản an lạc, vô lượng cát tường, thành tựu viên mãn các Phật sự lợi đạo ích đời, trong tinh thần xương minh Đạo Pháp, phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật nhân ngày Đại lễ Phật đản - Vesak năm nay.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh.

# Ý nghĩa Phật đản PL.2561

## Trí tuệ và kỷ cương là nền móng căn bản để GHPGVN hội nhập và phát triển bền vững

Hòa thượng **THÍCH BẢO NGHIÊM**  
 Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự,  
 Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN

Một sự kiện hy hữu trong đời sống nhân loại cách đây 2.641 năm, tại Thánh địa Lâm-tỳ-ni, nước Ca-tỳ-la-vệ của Ấn Độ cổ đại, Thái tử Sĩ-đạt-đa (Siddhartha) xuất hiện với ánh hào quang chiếu soi rực rỡ, đã mở ra một trang sử mới trong lịch sử loài người. Ngài đã đến cuộc đời từ tinh thức và thiên định, từ thể nhập chân lý và đại nguyện cứu khổ chúng sinh, Ngài đã trở thành bậc thầy của Trời, Người và soi sáng con đường giác ngộ cho nhân loại ngay trong đời sống hiện tiền.

Ngài thị hiện ở cõi đời này là vì một đại sự nhân duyên, đó là “Khai thị chúng sinh ngộ nhập Tri kiến Phật” nhằm mang lại hòa bình, an lạc cho con người, tạo lợi ích thiết thực đối với từng hành giả đã và đang nương theo giáo pháp của Ngài trên bước đường giải thoát và hoằng pháp lợi sinh. Từ đại sự nhân duyên này mà 2.641 năm qua, bằng tinh thức và chính niệm, bằng chính kiến và chính tư duy, các thế hệ những người con Phật đều liên tục tiếp nối thừa hành giáo pháp của Ngài, biết xả ly tham ái, đoạn trừ vô minh phiền não nên đã đạt được sự bình an và luôn tận hưởng nguồn chân hạnh phúc.

Điều căn bản của trí tuệ theo tinh thần Phật dạy là chính niệm và tỉnh thức. Có chính niệm và tỉnh thức, người con Phật có thể sống theo thời duyên mà không bị nhấn chìm trong dòng chảy của sự thụ hưởng tầm thường, sự cám dỗ của tiền tài danh vọng, không hoảng sợ trước sự mất mát, không xu nịnh để mưu cầu lợi lộc ích kỷ... Chính niệm là cốt lõi của nền tảng đạo đức Phật giáo. Bởi thế nên dù đã ra đời hơn 26 thế kỷ, nhưng tinh thần nhân văn và nhân bản của Phật giáo vẫn luôn phù hợp với mọi thời đại cũng như các nền văn hóa trên thế giới.

Trong kinh *Trường bộ*, bài kinh *Subha* - thuộc kinh điển Nikaya ghi lại những lời tán thán về Ngài của các đối tượng đến nghe pháp, từ giai cấp nô lệ cho đến giai cấp Bà-la-môn và vua chúa như sau: “Thưa Ngài Cổ-đàm, thật vi diệu, như người dựng đứng lại những

gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho ai có mắt có thể thấy”.

Phật đản năm nay, Phật giáo đồ cả nước một lần nữa hân hoan đón mừng đại lễ kỷ niệm Đản sinh của đấng Từ phụ. Những người con Phật trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam lại được điểm phúc tắm mình trong ánh hào quang trí tuệ và suối nguồn từ bi vô lượng vô biên của Đức Phật. Điều này cho thấy, nguồn sáng tuệ giác của Đức Phật vẫn mãi mãi hiện hữu, trường tồn trong đời sống thế gian; bức thông điệp về tình thương và hòa bình, về trí tuệ và tỉnh thức, cách đây hơn 26 thế kỷ vẫn còn vẹn nguyên chân giá trị.

Tưởng niệm ngày Đức Phật đản sinh, chúng ta hãy cùng nhau ôn lại những lời dạy của Ngài trong kinh *Hy hữu Vị tăng hữu pháp*, thuộc Trung bộ kinh: “Này A-nan! Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này A-nan, khi ấy có hào quang vô lượng, thần diệu, thẳng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, thế giới của các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thế giới loài người cho đến những cõi tối tăm không mặt trăng, không mặt trời hay ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... Này A-nan! Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sinh ra, này A-nan, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lông trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương rồi lên tiếng như ngưu vương, thốt lên rằng: “Như Lai là bậc tối thượng ở trên đời! Thiện Thệ là bậc tối tôn ở trên đời! Đấng Thế Tôn là bậc cao nhất ở trên đời, nay là đời sống cuối cùng không còn phải tái sinh ở đời này nữa...”.

Trong kinh *Phạm võng*, Đức Phật đã dạy: “Giới như đèn sáng lớn, soi sáng đêm tối tăm, giới như gương báu sáng, chiếu rõ tất cả pháp”. Do vậy một người xuất gia đang hướng đến chân trời giác ngộ giải thoát, đều cần phải nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành, đồng thời phát tâm phụng sự đạo pháp và dân tộc một cách vô điều kiện, vì đây là sứ là mệnh cao cả của một sứ giả Như Lai. Có như vậy, kỷ cương giới luật của nhà Phật mới được duy



trì. Giáo pháp và giới luật của Đức Phật luôn là thành trì để phòng hộ đạo tâm, là phương tiện thù thắng để mọi hành giả tiến đến cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh.

Đại lễ kỷ niệm ngày đản sinh của Đức Từ phụ năm nay diễn ra trong bối cảnh kinh tế xã hội ngày càng phát triển, an ninh trật tự ổn định, đất nước ngày càng vững bước trên tiến trình hội nhập, khẳng định vai trò, vị thế của dân tộc trong khu vực và trên trường quốc tế. Trước những điều kiện thuận lợi từ hoàn cảnh xã hội và sắc thái lạc quan của Phật giáo thời đại, với quyết tâm đổi mới vì sự nghiệp phát triển bền vững của Giáo hội và xương minh Phật pháp, trên tinh thần lấy trí tuệ làm phương châm cho sự nghiệp giải thoát, lấy kỷ cương, giới luật làm nền tảng đạo đức để ổn định tổ chức, lấy tinh thần tùy duyên bất biến của đạo Phật đi vào đời để hoàng dương Chính pháp nương theo sự hội nhập của xã hội, chắc chắn, ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ phát triển vững mạnh và ngày một tiến xa hơn.

Chúng ta được đón mừng Phật đản lần thứ 2.561 trên quê hương Việt Nam thanh bình, thịnh vượng, nhưng trên thế giới vẫn còn nhiều biến động, mâu thuẫn, xung đột, nhất là tình trạng biến đổi khí hậu mà Việt Nam là một trong những nước đang phải gánh chịu hậu quả nghiêm trọng. Vì thế, trên bước đường đồng hành cùng dân tộc, với truyền thống yêu nước, hộ quốc an dân và là một thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết dân tộc, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam cần phải sống có trách nhiệm với cộng đồng, luôn đặt quyền lợi Tổ quốc lên hàng đầu, lấy tư tưởng đoàn kết hòa hợp làm nòng cốt cho mọi hoạt động Phật sự, đồng lòng chung sức góp phần cho sự nghiệp phát triển phồn vinh của đất nước và sự ổn định của thế giới.

Trước thực tế này, hơn bao giờ hết, bốn yếu tố cực kỳ quan trọng cho sự nghiệp phát triển bền vững của Giáo hội là: Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển cần phải được thực thi một cách tích cực từ Trung ương đến địa phương, từ toàn xã hội đến mỗi người đệ tử Phật. Muốn Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững trong bối cảnh thời kỳ hội nhập, những tiêu cực chỉ có thể khắc phục bởi sự thay đổi tư duy, nhận thức đúng với tinh thần của người xuất gia học Phật, cụ thể là tinh thần tự giác nỗ lực công phu hành trì của mỗi thành viên trong ngôi nhà Giáo hội. Thiết nghĩ, để thực hiện được điều này, chỉ có giải pháp duy nhất là sống, làm việc, hành đạo và hoàng pháp lợi sinh trên nền tảng thực hiện một đời sống trí tuệ và gìn giữ giới luật. Đó cũng là yếu tố cần thiết để trang nghiêm Giáo hội trên con đường đồng hành cùng dân tộc, góp phần làm đẹp cuộc đời. Vì thế, chúng ta hãy phát huy một cách triệt để tinh thần này trong Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII. Đó cũng chính là việc làm thiết thực và ý nghĩa để những người con Phật kết thành những nén tâm hương dâng lên cúng dường đáng Từ phụ Bản sư Thích-ca Mâu-ni nhân ngày Khánh đản. ■





# Tuyên ngôn Đức Phật vào đời

TRẦN QUÊ HƯƠNG

**1.**

Từ hai ngàn sáu trăm bốn mốt (2641) năm xưa  
Đức Phật Tổ Thích-ca Mâu-ni vào đời  
mang tình yêu chân lý  
Ngài thương yêu con người,  
thương yêu cuộc đời...  
bằng trái tim Bi Trí,  
với cả tâm lực đại từ  
Ngài chỉ rõ cho con người phương cách  
nhận ra nguyên nhân của sanh tử khổ đau!  
Đồng thời,  
Ngài cũng chỉ rõ cho con người phương cách biết  
tìm lại chính mình  
Mà khởi đầu là tuyên ngôn ĐẢN SINH hy hữu:  
*"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn  
vô lượng sinh tử, ư kim tận hỷ"*

**2.**

Từng bước đi  
Từng bước đi  
Với tâm lực *bi trí dũng*  
Từ cung trời Đâu-suất,  
Ngài thị hiện vào đời  
Thọ sinh vào hoàng cung

Làm Thái tử Sĩ-đạt-đa  
Làm người con yêu quý của dòng họ Thích-ca.  
Trong cung vàng điện ngọc  
Với vợ đẹp con yêu,  
Với uy quyền danh dự,  
Với nhung lụa cao sang.  
Và từ đây,  
Ngài chỉ rõ cho chúng ta,  
cho con người trần thế  
Thấy biết, nhận ra thế nào là sự trói buộc của *Tập đế*  
- nguyên nhân tạo ra mọi hậu quả của khổ đau.  
Và cũng từ đây,  
Ngài vạch ra cho chúng ta,  
cho con người sự cảm nhận...  
- tự biết quay về với chính mình, biết tư duy nhận ra  
những gì thiện và ác do mình tạo ra, biết dừng lại,  
không cho thân - khẩu - ý gây thêm tội lỗi, khổ đau.  
Và cũng từ đây,  
Từ ngai vàng ngôi báu dòng Thích-ca  
Ngài vạch ra cho con người một hướng đi cao thượng.

Tự mình giác ngộ  
- *những hư huyền phù phiếm của thế trần.*  
Tự mình biết nhận ra

- tham sân si... nơi thân và tâm của mình  
là quyến thuộc của ma vương.  
Tự mình biết nhận ra  
- những cảm xúc của yêu thương, của danh vị  
là những ảo giác của vô minh.

Và từ đây,  
Giữa hoàng cung - nửa đêm mê mờ... bừng ngộ  
- Tấm lòng thương yêu con người dằng cao  
- Vững hào quang trí tuệ dằng cao  
- Tâm lực chí nguyện dững mãnh dằng cao  
Ngài rời hoàng cung,  
Ngài từ bỏ tất cả...  
Cưỡi ngựa Kiển-trắc, vượt dòng sông A-nô-ma...  
Nương thanh vắng đi tìm chân lý cho đời.

### 3.

Bằng tâm lực bi trí dũng,  
Bằng cả tấm lòng thương yêu con người và cuộc đời  
- 6 năm tìm cầu chân lý  
- 6 năm thọ học từ các vị đạo sư  
- 6 năm khổ hạnh rừng già  
- 6 năm hoà nhập cảnh tịnh thiên nhiên

Cuối cùng,  
- 49 ngày thiền định dưới cội Bồ-đề  
Ngài lần lượt chứng đắc, an trú quả vị  
Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đầy đủ thần thông.  
(Qua sự thân chứng của tự thân, sau này Ngài đã chỉ  
rõ cho con người con đường và phương pháp diệt tận khổ  
đau, tu tập đưa đến thành tựu, an trú Niết-bàn).

### 4.

Sau 45 năm hoàng hoá độ sinh  
Ngài dẫn thân từ làng này sang làng khác  
Từ quốc độ này sang quốc độ khác  
Từ thành thị đến thôn quê  
Từ phố xá náo nhiệt đến rừng vắng thanh u, thâm  
sơn cùng cốc...  
Từ vua chúa cao sang đến trưởng giả triệu phú và  
thứ dân nghèo khó...  
Không phân biệt nam nữ, ngữ ngôn...  
Ngài tiếp độ mọi giai cấp, mọi thành phần...  
hội đủ như duyên quy ngưỡng về nương cội giác.  
Ngài thành lập Giáo đoàn Tăng-già  
Quy tụ hàng ngàn vị Thánh tăng chứng quả Thanh  
Mà trong các kinh điển lưu truyền thường nêu danh  
tánh như các Trưởng lão:  
Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Da-xá, Châu-  
lợi Bàn-đà, Xá-lợi-phất, Mục-kiến-liên, Tu-bồ-đề, Ưu-ba-  
ly, Nan-đà, La-hầu-la...

Đồng thời, sau đó một thời gian, do yêu cầu tha  
thiết của Tôn giả A-nan, Giáo đoàn Ni giới cũng được  
hình thành do Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề dẫn đạo,

trong đó Công chúa Gia-du-đà-la và nhiều vị Thánh Ni  
noi gương Đức Phật quyết tâm dẫn thân hoàng hóa...

Trong hàng Thánh cư sĩ có:

Trưởng giả Cấp Cô Độc, Thái tử Kỳ-đà và tín nữ  
Visakha (Tỳ-xá-khư) cùng nhiều vị tín tâm thâm sâu  
nhất tâm hộ trì Phật pháp.

Hàng Vua chúa có:

Bình Sa Vương, Ba-tư-nặc, A-xà-thế... và nhiều Hoàng  
hậu, Công nương... chí thành, chí kính... hướng về Tam  
Bảo tín tâm tu học.

### 5.

Sau 45 năm hoàng hoá độ sinh  
Năm Đức Thế Tôn tròn 80 tuổi  
Đạo nghiệp viên thành  
Ngài thị nhập Niết-bàn dưới cội cây Sa-la... thành  
Câu-thi-na.  
Ngài an trú Pháp thân  
- Xả bỏ huyễn thân  
Hội nhập vô dư y Niết-bàn vô lượng thọ...!

Đến nay giáo pháp tròn hai ngàn năm trăm sáu  
mươi một (2561)  
Dù trải qua vô vàn suy thịnh  
Vô vàn biến đổi của thời gian  
Nhưng giáo pháp của Đức Thế Tôn vẫn ngày ngày  
gieo thêm hạt mới.  
Ánh đạo vàng Tăng-già luôn sinh động  
Tỏa hào quang tươi thắm khắp năm châu.

Ngày càng lan xa, lan xa...  
Khắp quốc độ, khắp quê hương...  
- Không phân biệt chủng tộc, màu da  
- Không phân biệt ngữ ngôn, tập quán

Tất cả gặp nhau  
Trong ánh sáng diệu kỳ  
Tất cả gặp nhau  
Trong giáo lý từ bi  
Giúp con người khai nguồn chân lý  
Giúp con người phá tan nghiệp thức vô minh  
Giúp con người soi sáng tâm linh

Tự giác quay về chơn tánh pháp thân  
Tâm là Phật, Phật là tâm mẫu nhiệm  
Đạo quả Bồ-đề Vô thượng thậm thâm.

"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn  
Vô lượng sinh tử... Ư kim tận hỷ!" ■

### Chú thích:

\*Theo thuyết Bắc tông cho rằng: Đức Phật du hóa độ sinh 49  
năm mới nhập Niết-bàn.

# Thông điệp đầu tiên

## THỊ GIỚI

**T**hông điệp đầu tiên của đạo Phật là hình ảnh một em bé bước đi trên bảy bông sen. Đó là hình ảnh những bước đi thanh tịnh vô nhiễm của một cái tâm không có sự phân biệt, chất chứa.

Và em bé đó đã thốt lên:

*"Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tôn quý".*

Vâng. Sự đản sinh của Đức Thế Tôn là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo. Ngài cũng là bậc tối thượng của hoàn vũ. Giáo lý của Ngài, tùy theo căn cơ của từng lớp chúng sinh mà thấm nhuần, là thuốc trị khổ, để mọi người được thanh thoi, an lạc, xa rời mọi chấp trước nhị biên. Mọi hữu vi đều vô thường, phải chịu sanh diệt, chỉ có Không, Vô vi, mới thoát Vô thường, thoát Sanh diệt, tức là thoát Khổ. Nhưng vô vi ở đâu? Vô vi ở ngay trong hữu vi. Do đó mà hữu vi cũng trọn vẹn, đầy đủ, toàn hảo. Chỉ cần quán sát sự vật thật cụ thể, không lý luận, không suy diễn, từ đó có thể đi vào Không tính, cả nội tâm và ngoại cảnh. Thế thì một sự vật, một thực tiễn, một thực tế tầm thường vốn toàn hảo, đầy đủ, trọn vẹn, không dư không thiếu...

Sự tôn quý mà Đức Phật tuyên bố là sự tôn quý của bậc giác ngộ và sự giác ngộ, của cái Tâm rỗng suốt thấy được tánh Không đồng thời thấy được tính toàn hảo của chính mình và thế giới, và hướng dẫn chúng sanh thấy được điều đó để giải thoát.

Thông điệp đó không khác với hai thông điệp quan trọng về sau của Phật giáo nói chung và Thiền Đông Độ nói riêng. Đó là hai thông điệp của Bồ-đề-đạt-ma và Lục tổ Huệ Năng.

Khi thỉnh Bồ-đề-đạt-ma vào cung, Lương Vũ Đế hỏi Tổ: "Thánh đế đệ nhất nghĩa là thế nào?". Đạt-ma trả lời: "Trống không không Thánh". Vua hỏi: "Ở trước ta là ai?".

Đạt-ma trả lời: "Không biết". Vua không lãnh hội. Sau đó Bồ-đề-đạt-ma qua sông đến Thiếu Lâm ngồi quay mặt vào vách núi chín năm.

Cái "trống không" và "không biết" đó là thông điệp chính thức của Thiền Đông Độ. Và phải chăng chỉ có tâm hồn trẻ thơ mới "trống không" và "không biết"?

Bồ-đề-đạt-ma ngồi chín năm quay mặt vào vách núi là ngồi chín năm với cái "rỗng không không biết" đó. Và chính cái "rỗng không không biết" đó đã tạo nên Thiền Đông Độ, thuốc chữa bệnh cho trời và người, cũng như cái ngã trẻ thơ nguyên sơ rỗng lặng và vô nhiễm trong thông điệp của Đức Phật đã là thuốc chữa bệnh cho trời, người và các loài chúng sanh.

Tịch tịch ngôi lạnh Thiếu Lâm  
Lặng yên toàn bày chính lệnh  
Thu trong, trăng chuyển vành sương  
Hà! lợt, sao đầu xuống thấp  
Không dùng y bát truyền con cháu  
Để thành thuốc chữa bệnh trời, người.

*Liêu liêu lãnh toạ Thiếu Lâm  
Mặc mặc toàn đề chính lệnh  
Thu thanh nguyệt chuyển sương luân  
Hà! đạm đầu thủy dạ bính  
Thẳng thẳng y bát phó nhi tôn  
Tùng thử nhân thiên thành dược bệnh.*

(Thung Dung lục)

Và đây là thông điệp của Lục tổ Huệ Năng. Trong bài kệ đối lại bài kệ của ngài Thần Tú trình Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, ngài Huệ Năng viết:

Bồ đề vốn không cây  
Gương sáng không có đài

Xưa nay không một vật  
Lấy gì dính trần ai.

*(Bồ đề bốn vô thọ  
Minh kính diệc phi đài  
Bổn lai vô nhất vật  
Hà xứ nhạ trần ai).*

*(Pháp Bảo Đàn kinh)*

Cái “gương sáng không có đài” rỗng không tịch tĩnh, tự tại không nương dính vào thứ gì đó được ngài Động Sơn Lương Giới của phái Tào Động gọi là Thiên Chân, là Gương Quý. Trong *Bảo Kính Tam Muội*, ngài Động Sơn viết:

Thiên Chân vi diệu, Không thuộc mê, ngộ.  
Theo thời theo duyên, Tịch tĩnh sáng láng.  
Nhỏ không chỗ trống, Lớn không chỗ chứa...

*(Thiên chân nhi diệu, Bất thuộc mê ngộ  
Nhân duyên thời tiết, Tịch nhiên chiêu trước  
Tế nhập vô gian, Đại tuyệt phương sở...).*

*(Bảo Kính Tam Muội Ca)*

Đó là cái ngã không ngã, rỗng không, sáng láng, trải rộng toàn khắp, thâm nhập toàn khắp... Đó là tánh Phật.

Người Phật tử sống tách rời với thông điệp đầu tiên của Đức Phật thì không thể gần Phật. Hành giả Tổ sư Thiên tách rời hai thông điệp của Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma và Lục tổ Huệ Năng nêu trên thì không thể đến gần Tổ sư Thiên.

Thêm nữa. Như trên đã nói, mọi sự vốn đã tự hoàn hảo từ đầu. Ta, người, rừng tre, bụi trúc, cây tùng trong sân... vốn đã tự hoàn hảo. Một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Ý của Tổ sư từ Tây qua là gì?”. Triệu Châu trả lời: “Cây tùng trong sân”. Cái hoàn hảo đó được gọi là Chân như, là Tánh Không...

Khi Đức Phật chứng ngộ, tức lúc Ngài nhận ra chính ngài, Ngài thốt lên: “Tất cả mọi chúng sanh, mọi sự vật, và đại địa ngay lúc này đều giác ngộ và toàn hảo”.

Vâng, mọi sự vật vốn đã hoàn hảo, toàn vẹn từ đầu. Và cái hoàn hảo đó là cái tự nhiên nhất, bình thường nhất. Đó là nền tảng, là sự toàn vẹn trong mọi lúc mọi nơi. Mọi thứ là toàn bộ và toàn vẹn, chúng ta là toàn bộ và toàn vẹn. Và cái đó thì không gì hơn. Một tâm hồn trẻ thơ bước đi trên bông sen thấy và sống với cái đó.

Nói về cái “trống không”, cái “ta”, cái “tôi”, Gerry Shishin Wick viết:

“Nó không phải là khoảng không thăm thẳm hay hư vô hay không có gì hết. Nó cũng không phải là cái trống rỗng khi chúng ta phàn nàn *tôi cảm thấy trống rỗng*.”

Mọi sự đều vô thường, không có gì cố định. Nhận ra sự trống không này, thể nghiệm nó một cách trực tiếp, là một trong những điều quan trọng nhất trong việc tu tập của chúng ta.

Không có cái cố định được gọi là ‘tôi’ - không có gì để bám, không có cái nền bền vững để đặt chân, không có tri kiến đúng để đạt. Ngay khi nghĩ rằng đã nắm bắt được nó, thì đã mất nó. Khi trực tiếp nhận ra nó, cửa tự do rộng mở.

Khi những phóng đại về cái ngã khởi lên, những xác lập ảo tưởng về một cái tôi độc lập, chúng ta chụp giữ chúng. Vì sao chúng ta chụp giữ chúng? Chúng ta sẽ là gì nếu không ảo tưởng về một cái ngã cố định? Cái gì sẽ còn lại?

Có một câu trong trong Thiên thích hợp ở đây: *‘Ngay cả nước tan ra từ những đỉnh tuyết cũng tìm đường về đại dương’*. Nó tìm con đường cho nó ngay cả khi không biết phương hướng và những chướng ngại. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta cần kiểm soát mọi thứ. Vì ngu muội, chúng ta xác định cái ngã sai lầm này để cảm thấy an toàn và cảm thấy rằng chúng ta điều khiển đời sống của chúng ta.

Chúng ta tin rằng chúng ta là kho chứa những tư tưởng, quan niệm, cảm nhận, phản ứng... của chúng ta. Chúng ta ngăn chặn cái thấy rằng chúng ta là ‘Cái Trống Không Lớn’, chối bỏ bản chất sâu xa vô hạn của chúng ta” (*The Book of Equanimity*, Gerry Shishin Wick).

Vâng. Chúng ta hãy ngồi xuống và rỗng không. Chỉ như một vật rỗng. Thiên đàng có thể hiện ra, địa ngục có thể hiện ra, đại không có thể hiện ra, các cảnh có thể hiện ra... Hãy chỉ là cái rỗng. Rỗng không, không biết, không thêm, không bớt, không theo, không bỏ... Rỗng không không biết đó là cái ngã vô ngã, là tâm hồn trẻ thơ bước đi trên bông sen.

Sawaki Kôdô Rôshi viết: *“Trong đời sống thế gian, luôn luôn có thắng và bại, cộng và trừ. Nhưng trong tọa Thiền thì là ‘Không’. Điều tốt nhất chính là ‘Không’. Đó là lý do nó là cái lớn nhất và bao trùm nhất”* (To You, Sawaki Kôdô Rôshi).

Kinh Kim Cang nói *“Không quá khứ, không hiện tại, không tương lai”*. Và chính cái “không” đó cho chúng ta sự trưởng thành. Trưởng thành có nghĩa là tự làm chủ, là không nương tựa vào bất cứ điều gì hay nơi chốn nào.

Các vị Thầy dạy về “tại đây bây giờ”, về “thực tại”, về “nền tảng”... thật sự chỉ là trò đùa của các vị để dẫn học trò dần dần vượt qua. Một trò đùa nghiêm túc.

Tam tổ Tăng Xán nói: *“Đừng cầu chơn, chỉ cần dứt sở kiến”*. Chỉ để cho những đám mây hư dối tan đi. Nếu không ôm giữ hư dối, trí tuệ sẽ tự nhiên chiếu.

Kinh nói *“Nếu có một chút tri kiến về chân, sẽ rơi vào lầm lỗi”*. Nếu tạo ra một sự hiểu biết về chân lý, liền bị kẹt trong vũng nước bùn. Ngay lúc biết, cái biết trở thành nhị nguyên, và ngay lúc trở thành nhị nguyên, nó không còn là thực tại.

Chỉ “rỗng không, không biết”. ■

### Chú thích:

1. Hà ở đây là Thiên hà.



# Như Lai là người chỉ đường

NGHIÊM THANH

**K**inh Pháp Cú, kệ số 276, ghi lời đấng Giác ngộ nhắn nhủ các học trò mình:  
*“Người hãy nhiệt tình làm,  
Như Lai chỉ thuyết giảng;  
Người hành trì Thiên định,  
Thoát trói buộc ác ma”<sup>1</sup>.*

Đó là lời khuyên của Đức Phật dành cho những ai quyết tâm đi theo con đường của Ngài với mục đích đoạn tận các phiền não lậu hoặc, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi. Phải nhiệt tâm tinh cần tu tập đạo lý giác ngộ, phải siêng năng thực hành Thiên định (Giới-Định-Tuệ) thì mới thoát khỏi mọi trói buộc của ác ma (tham-sân-si). Đó cũng là lời khẳng quyết của Đức Như Lai về vai trò của mình là một bậc Đạo sư. Ngài chỉ thuyết giảng con đường giác ngộ đưa đến Niết-bàn, còn người khác phải tự mình bước đi trên con đường ấy.

## Sao gọi Như Lai là người chỉ đường?

Có vị Bà-la-môn tên là Ganaka Moggallāna chuyên làm nghề kế toán đến thưa với Đức Phật về quy trình đào tạo các học trò của mình và hỏi bậc Giác ngộ có thể nói cho ông ta về trình tự huấn luyện các đệ tử theo giáo pháp của Ngài. Đức Phật tuần tự trình bày cho Bà-la-môn Ganaka về quy trình huấn luyện các đệ tử và xác nhận

mục tiêu giảng dạy của Ngài là giúp cho các đệ tử thành tựu Niết-bàn, đoạn tận các phiền não lậu hoặc, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi. Nghe xong toàn bộ con đường đưa đến Niết-bàn, Ganaka bạch hỏi Đức Phật phải chăng được khuyến giáo và giảng dạy như vậy, tất cả đệ tử của Phật đều chứng Niết-bàn? Đức Phật xác nhận một số chứng được Niết-bàn, một số khác không chứng được.

Ganaka Moggallāna lấy làm thắc mắc: *“Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?”<sup>2</sup>.*

Bậc Giác ngộ xác nhận Như Lai chỉ là người chỉ đường; những ai theo đúng con đường do Như Lai giảng dạy thì đến được Niết-bàn, những ai không bước đi trên con đường ấy, lại đi theo một con đường khác thì không đến được Niết-bàn: *“Này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường”<sup>3</sup>.*

Nguyên văn cuộc đàm đạo giữa Đức Thế Tôn và Bà-la-môn Ganaka Moggallāna:

"Thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: 'Một, một lần; hai, hai lần; ba, ba lần; bốn, bốn lần; năm, năm lần; sáu, sáu lần; bảy, bảy lần; tám, tám lần; chín, chín lần; mười, mười lần'. Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.

Có thể trình bày chẳng, thưa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?"

"Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác; cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy giữ giới hạnh, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới'.

Này Bà-la-môn, khi vị Tỳ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy hộ trì các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỳ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn'.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỳ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chớ chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: 'Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn'.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỳ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác! Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi

đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp'.

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỳ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác; khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kẹp, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác'.

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: 'Hãy đến Tỳ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, hãy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc; từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp'.

Khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm với tứ. Vị ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, đối với những Tỳ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta đối với những vị ấy. Còn đối với những vị Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã đạt chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác'.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

"Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải

tất cả đều chúng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chúng được?”.

“Này Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được”.

“Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được?”.

“Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Ràjagaha (Vương Xá)?”.

“Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Ràjagaha”.

“Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Ràjagaha, người này đến Ông và nói như sau: ‘Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Ràjagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Ràjagaha’. Ông nói với người ấy như sau: ‘Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Ràjagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Ràjagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu’. Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.”

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Ràjagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: ‘Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Ràjagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi’. Rồi Ông nói với người ấy như sau: ‘Được, này Bạn, đây là đường đi đến Ràjagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Ràjagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu’. Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Ràjagaha một cách an toàn.”

“Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Ràjagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Ràjagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Ràjagaha một cách an toàn?”.

“Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama”.

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi

có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường”<sup>4</sup>.

Câu chuyện đàm đạo giữa Đức Thế Tôn và Bà-la-môn Ganaka Moggallāna cho chúng ta câu trả lời đích xác về con đường giác ngộ do Như Lai thuyết giảng và về vai trò bậc chỉ đường của Ngài. Đó là con đường Giới-Định-Tuệ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc, chúng đắc Thánh quả A-la-hán, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi. Và Như Lai chỉ là người nói lên con đường ấy.

Như Lai là người chỉ đường, nghĩa là Đức Phật là người đã tự mình nỗ lực đạt đến Niết-bàn nhờ bước đi trên con đường Bát Thánh đạo hay Giới-Định-Tuệ và dùng nhiều cách thức khác nhau làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị con đường đi đến Niết-bàn<sup>5</sup>. Như Lai không thể làm gì khác, ngoài việc chỉ bày, khuyến khích, làm cho tin tưởng và khích lệ người khác bước đi trên con đường giác ngộ hướng đến Niết-bàn. Ngài chỉ có thể nói cho người khác con đường đi đến Niết-bàn, nhưng không thể công người khác vào Niết-bàn. Ngài là hiện thân của con đường giác ngộ, của trí tuệ giải thoát, soi sáng cho mọi người con đường đi đến Niết-bàn; không phải là hiện thân của Thượng đế nhằm cứu rỗi nhân thế hay hóa hiện của thần thánh để cho con người thờ lạy và cầu khẩn. Nói cách khác, muốn dứt trừ phiền não khổ đau, thành tựu hạnh phúc an lạc, mỗi người phải tự mình nỗ lực tu tập, phải từ bỏ điều ác, làm các việc lành, phải giữ tâm thanh tịnh, thoát khỏi tham-sân-si; Như Lai chỉ là người thầy chỉ dạy cho mọi người cách thức làm sao dứt trừ mọi điều ác, thành tựu các hạnh lành, giữ tâm ý thanh tịnh. *Kinh Pháp Cú* nhấn mạnh:

“Tự mình, điều ác làm,  
Tự mình làm nhiễm ô;  
Tự mình, ác không làm,  
Tự mình làm thanh tịnh.  
Tịnh, không tịnh, tự mình,  
Không ai thanh tịnh ai”<sup>6</sup>.

Xác định rõ Như Lai là người chỉ đường tức là nhận ra ý nghĩa và vai trò chân chính của Đức Như Lai, cũng có nghĩa là xác định rõ trách nhiệm giải thoát đối với tự thân. *Kinh tạng Pāli Nikāya* nói rõ công hạnh của Như Lai:

“Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh”<sup>7</sup>.

“Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây



chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống hành đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu (con đường ấy) về sau<sup>18</sup>.

Các vị A-la-hán đã tự mình nỗ lực đoạn tận tham-sân-si, dứt sạch các lậu hoặc, biểu lộ lòng tôn kính đối với Đức Như Lai: “Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ (người khác). Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để (người khác) chứng Niết-bàn<sup>19</sup>.”

Như vậy, Như Lai là người chỉ đường, vì:

- Như Lai là bậc đã giác ngộ, đã trở nên thức tỉnh đối với sự thật vô thường, khổ, vô ngã của hết thảy hiện hữu, và nói lên kinh nghiệm giác ngộ của mình cho người khác thực tập để đạt đến giác ngộ giống như Ngài.

- Như Lai là bậc đã điều phục tâm thức thoát khỏi tham-sân-si và nói lên kinh nghiệm điều phục của mình cho người khác thực tập điều phục.

- Như Lai là bậc đã tịch tĩnh, nội tâm đã trở nên vắng lặng sạch trong, không còn phiền não cấu uế, và nói lên kinh nghiệm tịch tĩnh của mình cho người khác thực tập tịch tĩnh.

- Như Lai là bậc đã vượt qua vô minh, tham ái, chấp thủ, đã vượt qua biển khổ sinh tử luân hồi, và nói lên kinh nghiệm vượt qua của mình cho người khác thực tập vượt qua.

- Như Lai là bậc đã chứng Niết-bàn, nội tâm đã hoàn toàn vắng bật các phiền não tham-sân-si, và nói lên kinh nghiệm thực chứng Niết-bàn của mình cho người khác thực tập chứng đạt Niết-bàn.

Do Như Lai chỉ là người chỉ đường nên đạo giáo của Ngài được mệnh danh là “Ehipassiko”, nghĩa là “mời bạn đến và thấy”. Phải trực tiếp nghe lời Phật dạy, học lời Phật dạy, hành trì lời Phật dạy thì tự thân mới có được sự hiểu biết và chuyển hóa, mới có được những kinh nghiệm cụ thể và rõ ràng về khổ đau và hạnh phúc, về phiền não và an lạc, mới thấy rõ thế nào là trói buộc, thế nào là giải thoát. Những vị chuyên tâm sống theo lời Phật dạy nói lên những kinh nghiệm lợi lạc cảm thán công đức giáo hóa của Đức Như Lai: “Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta<sup>20</sup>.”

Rõ ràng, với công hạnh và tâm từ bi của một bậc Giác ngộ, Đức Phật đã làm những gì cần làm, vì hạnh phúc và an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người. Trong suốt 45 năm, Ngài đã thuyết giảng Chánh pháp cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cho hàng trăm hội chúng Sát-đế-ly, hàng trăm hội chúng Bà-la-môn, hàng trăm hội chúng Gia chủ, hàng trăm hội chúng Sa-môn, hàng

trăm hội chúng Tứ thiên vương, hàng trăm hội chúng Tam thập tam thiên, hàng trăm hội chúng Màra, hàng trăm hội chúng Phạm thiên<sup>21</sup>. Vào mấy tháng trước ngày nhập Niết-bàn, Thế Tôn tuyên bố với thị giả Ānanda rằng Ngài đã giảng Chánh pháp một cách đầy đủ, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo, và không phải mật giáo), vì Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm gì trong tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy)<sup>22</sup>.

Với vai trò bậc Đạo sư chỉ thuyết giảng con đường giác ngộ, Ngài khuyên các đệ tử hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác<sup>23</sup>. Ngài nhắc nhở các đệ tử: “Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát<sup>24</sup>.”

Trước khi vào Niết-bàn, Đức Phật khuyên các đệ tử phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền bá rộng rãi Chánh pháp do Ngài chứng ngộ và giảng dạy, tiếp tục thay Ngài làm người chỉ đường giác ngộ cho chúng sinh: “Này các Tỳ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các thầy, các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Này các Tỳ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người? Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỳ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người<sup>25</sup>.”

Như Lai là bậc giảng dạy con đường đi đến Niết-bàn; các đệ tử của Như Lai đi theo con đường do Như Lai chỉ dạy, đạt đến giác ngộ, trở thành Như Lai sứ giả, tiếp nối sứ mạng cao quý của Như Lai làm người chỉ đường giác ngộ cho chúng sinh. Chư Như Lai đã đến và đi như thế. Chỉ có con đường còn lại tiếp tục làm lợi lạc cho muôn loài. ■

#### Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 276.
- 2;3;4. Kinh Ganaka Moggallāna, Trung Bộ.
5. Kinh Thi thiết, Tương Ưng Bộ.
6. Kinh Pháp Cú, kệ số 165.
7. Đại kinh Đoạn tận ái, Trung Bộ.
8. Kinh Gopaka Moggallāna, Trung Bộ.
9. Tiểu kinh Saccaka, Trung Bộ.
10. Kinh Ví dụ Con chim cáy, Trung Bộ.
11. Đại kinh Sư tử hống, Trung Bộ.
- 12;13;14;15. Kinh Đại bát Niết-bàn, Trường Bộ.

## Giới thiệu

# “Kiên Lạc tháp bi ký”

Bài & ảnh: THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

**C**hùa Bảo Sinh tọa lạc thôn Thịnh Cầu, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Cuối năm 2016, nhân chuyển ra Bắc sưu tầm tư liệu bia tháp tổ, chúng tôi đến thăm bốn tự mà lúc đó chùa đang tu bổ tòa Tam bảo<sup>1</sup>. Chùa còn diện tích khá hẹp, bên phải tòa Tam bảo là ngôi tháp gạch, mới được trùng tu cách đây mấy năm. Trong lòng tháp có bài vị đá để:

*Phụng sắc tướng sĩ thứ lang Tăng lục ty Tăng phó kiêm hậu Phật tế độ thượng thừa đại pháp Nguyễn tự Tính Từ thụy Huyền Cơ chân nhân.*

奉敕將仕庶郎僧錄司僧副兼候佛濟度上乘大法阮字性慈謚玄机真人。

Giải minh bài vị đá cho thấy, người được an lập trong tháp là Thiền sư Tính Từ, được ban chức Tăng phó nằm trong Tăng lục ty, tức cơ quan quản lý về đạo Phật lúc bấy giờ. Đi tìm các văn bia có liên quan về ngài thì phát hiện trong tòa Tam bảo có một bia đá cỡ nhỏ với tiêu đề “Kiên Lạc tháp bi ký”. Bia thuộc loại bia đẹp, kích thước chiều ngang 19cm, chiều dọc 59cm, xung quanh trang trí hoa văn vân mây. Lòng bia có 13 hàng chữ Hán lớn, tỷ lệ số hàng có chữ dài lên tương đương với những hàng thông thường. Hàng lạc khoản thì khắc chữ lớn và chính là năm lập bia. Đó là năm Đinh Hợi Cảnh Hưng thứ 28 (1767). Bia không để người soạn mà chỉ ghi tên Tịch Lục thuộc hàng tông môn đứng ra chép chữ khắc đá. Phía bên dưới mé phải đã bị vỡ một góc không đáng kể,

không làm hư mất nội dung. Hàng chữ nhỏ môn đồ thì thấy đục mất hai chữ, không rõ lý do.

Theo nội dung bia tháp Kiên Lạc, Thiền sư Tính Từ vốn thuộc dòng quan lại, quê tại Vịnh Cầu huyện Đông Ngàn. 16 tuổi phát nguyện xuất gia học Phật với Thiền sư Như Tùy Vô Trụ và được bản sư giao cho chức tông trưởng, nắm giữ đèn pháp. Theo *Viên Không tháp ký*, năm 1733 Thiền sư Như Tùy viên tịch, đã xuất hiện ngài đứng tên dựng tháp. Vì thế, ngài xuất gia trước đó.

Ngài được triều đình mời dự trai đàn và được ban chức Tăng phó, một chức trong Tăng lục ty. Ngài có công đối với các xã Can Vũ, Nghiêm Xá, Vũ Dương nên được dân làng bầu hậu và được phụng thờ tại chùa Kim Đồi. Năm 1753, ngài chính thức sáng lập chùa Bảo Sinh, làm cơ sở hành đạo sau này. Năm Giáp Thân (1764), trưởng tọa là Tỳ-kheo Hải Diễn đứng ra lập tháp cho ngài, tức lúc ấy ngài vẫn tại thế. Có lẽ, đây là lòng hiếu kính của chúng đệ tử xuất gia, muốn báo đáp công ơn giáo dưỡng. Mãi đến năm Đinh Hợi (1767), môn đồ mới dựng bia tháp Kiên Lạc, ghi chép sơ lược hành trạng bản sư.

Theo bản in *Hương Sơn bảo quyển* (A.1439), văn khắc thực hiện năm Nhâm Thìn (1772) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33, phần công đức có hai đại sư có cùng pháp tự là Tính Từ. Một vị là “Bảo Sinh tự Huyền Cơ Tăng phó Tỳ-kheo tự Tính Từ” và một vị là “Vương phủ phụng ban trụ trì Tiên Tích tự đặc tứ Chuẩn ứng Hòa thượng Sa-di tự Tính Từ”. Vị thứ nhất chính là Tăng phó Tính Từ mà Kiên Lạc tháp bi ký ghi chép, còn vị kia đương thời khá hiển hách, trụ trì một ngôi chùa do phủ chúa Trịnh lập mà trong sách *Tang thương ngẫu lục*, Kính Phủ có kể lại sự tích của chùa<sup>2</sup>. Vì vậy, năm 1772, Đại sư Tính Từ vẫn còn sống và đóng góp các Phật sự. Theo *Viên Không tháp ký* thì “Ngày ấy tháng 11 năm Quý Tỵ (1773) Tỳ-kheo Tính Từ, Tính Triêm, pháp tôn Hải Diễn vừa thấy tháp tổ lâu năm nên móng hư, sợ khó kiên cố, báo khắp tông môn trùng tu, sửa cũ làm mới mãi còn chỗ báu. Tông môn vui vẻ xuất lực hoàn thành tốt đẹp<sup>3</sup>”. Gần cuối năm 1773, ngài vẫn còn tham gia trùng tu lại tháp bản sư.

Ngài viên tịch có lẽ trong những năm sau. Chùa Bảo Sinh hằng năm thường tổ chức kỷ niệm húy nhật ngài, có cả mộc tượng phụng thờ tại nhà tổ. Sau đây, xin trưng dẫn tư liệu tấm bia.

### Nguyên văn chữ Hán:

堅樂塔碑記

慈山府桂楊縣干羽社凍改村保生寺堅樂塔銘文師東岸詠求人。

前緣阮族生之承祖德宗功，公卿繼世貴職文官。



自幼習詩書。師十六歲自覺悟辭身投為佛種，空寺比丘大德禪師授受戒品傳燈仆囑宗長。會逢聖主禱祈，特頒僧副職。遊至茲土緣遇干羽嚴舍武楊等社尊保為候佛奉祀在金灰<sup>4</sup>寺乃見原前朝舊有佛。癸酉始開創保生寺。甲申功成年至長老門徒恭仰願建寶塔奉祀萬代，勒石碑記將來永垂。仰皇天后土龍神照知茲後人特權涕雄長毀失其石碑願皇天后土龍神形憲此人宗族子孫夷滅。上祝國家長治天下太平等社村民康寧益盛。佛法增崇山門永鎮。

真諦大眾嗣祖燈宗門長場正法子比丘海演奉祀供古錢三貫。法子沙彌字海[0]。法子沙彌僧正字海清真人供使以三貫。法子沙彌字海[0]。景興二十八年歲在丁亥三月初一日建立宗門寂錄奉寫

#### Phiên âm:

Kiên Lạc tháp bi ký

Từ Sơn phủ Quế Dương huyện, Can Vũ xã, Đống Cải thôn, Bảo Sinh tự Kiên Lạc tháp minh văn.

Sư Đông Ngạn Vịnh Cầu nhân dã. Tiên duyên Nguyễn tộc, sinh chi thừa tổ đức tông công, công khanh kế thế, quý chức văn quan. Tự ấu tập học thi thư. Sư thập lục tuế, tự giác ngộ từ thân, đầu vi Phật chủng, kiến Không Tự Tỳ-kheo Đại đức Thiên sư thụ thụ giới phẩm, truyền đăng phó chúc tông trưởng, hội phùng Thánh chúa đảo kì, đặc ban Tăng phó chức. Du chí tư thổ, duyên ngộ Can Vũ, Nghiêm Xá, Vũ Dương đẳng xã tôn bảo vi hầu Phật, phụng tự tại Kim Bôi, tự nãi kiến nguyên tiền triều cựu hữu Phật tích. Quý Dậu thủy khai sáng Bảo Sinh tự. Giáp Thân công thành niên chí, trưởng lão môn đồ cung ngưỡng nguyện kiến bảo tháp phụng tự vạn đại, lập thạch bi ký, tương lai vĩnh trụ. Ngưỡng hoàng thiên hậu thổ long thần chiếu tri, tư hậu nhân đặc quyền thế hùng, hủy thất kì thạch bi, nguyện hoàng thiên hậu thổ long thần hình hiển tử nhân tông tộc tử tôn di diệt. Thượng chúc:

Quốc gia trường trị, thiên hạ thái bình, đẳng xã thôn dân Khang Ninh ích thịnh. Phật pháp tăng sùng, sơn môn vĩnh trấn.

Chân đế: đại chúng tự tổ đăng tông môn trưởng tràng chính pháp tử tỳ kheo tự Hải Diển phụng tự, cúng cổ tiền tam quan. Pháp tử sa-di tự Hải [0], Pháp tử Sa-di tăng chánh Hải Thanh chân nhân cúng sử dĩ tam quan. Pháp tử Tỳ-kheo tự Hải [0].

Cảnh Hưng nhị thập bát niên, tuế tại Đinh Hợi tam nguyệt sơ nhất nhật kiến lập.

Tông môn Tịch Lục phụng tả.

#### Tạm dịch:

Bài ký bia tháp Kiên Lạc

Bài minh văn tháp Kiên Lạc, chùa Bảo Sinh, thôn Đống Cải, xã Can Vũ, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn

Sư người Vịnh Cầu, Đông Ngàn<sup>5</sup>. Tiên duyên tộc Nguyễn, sinh ra thừa ân đức tổ tiên, kế thừa bậc công khanh quan văn chức quý. Từ nhỏ đã theo học thi thư. Sư được 16 tuổi, tự mình hiểu biết, rời bỏ người thân, xuất gia đầu Phật<sup>6</sup>, thấy Tỳ-kheo Đại đức Thiên sư [hiệu]

Không Tự<sup>7</sup> xin trao nhận giới phẩm, truyền đèn giao phó làm bậc tông trưởng<sup>8</sup>, hội gặp bậc thánh chúa<sup>9</sup> [mở trai đàn] cầu đảo, đặc ban chức Tăng phó. Đi đến đất này, duyên gặp các xã Can Vũ, Nghiêm Xá, Vũ Dương bầu làm hậu Phật vàng thờ tại chùa Kim Bôi. Chùa ấy vốn thuộc triều trước, xưa có dấu Phật [linh ứng]. Năm Quý Dậu (1753), ngài bắt đầu khai sáng chùa Bảo Sinh. Năm Giáp Thân (1764), công thành tuổi lớn, bậc trưởng lão trong hàng môn đồ cung kính trông xây bảo tháp phụng thờ muôn đời, dựng đá khắc bia để lại tương lai sau này. Ngưỡng mong hoàng thiên hậu thổ long thần chiếu biết. Nay, người sau dựa vào thế lớn làm hư hoại mất bia văn, kính mong hoàng thiên hậu thổ long thần hiện hình bắt con cháu trong tộc người ấy tru diệt. Trên chúc quốc gia thịnh trị, thiên hạ thái bình, dân các xã thôn an Khang thịnh vượng. Đạo Phật tôn sùng, sơn môn vĩnh chấn.

Hàng chân đế<sup>10</sup>: đại chúng, nối tổ kế tông trưởng tràng chính Pháp tử là Tỳ-kheo Hải Diển phụng thờ, cúng cổ tiền 3 quan. Pháp tử Sa-di tự Hải [0]<sup>11</sup>, Pháp tử Sa-di giữ chức Tăng chánh là chân nhân Hải Thanh cúng tiền 3 quan. Pháp tử tự Hải [0].

Ngày mồng 1 tháng 3 năm Đinh Hợi, Cảnh Hưng thứ 28 (1767) kiến lập. Tông môn Tịch Lục vàng chép chữ. ■

#### Chú thích:

1. Trong chuyến đi dã ngày 24 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đến thăm chùa Kem, chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang). Buổi chiều ghé lại chùa Bảo Sinh để rập tấm bia. Nhân đây, xin cảm ơn Sư cô Từ Hậu trụ trì chùa đã cho phép chúng tôi rập bia cũng như cung cấp tư liệu và Đạo hữu Lê Đình Thành (Hà Nội) đã tạo điều kiện đưa đón đi lại.

2. Phạm Đình Hổ, Nguyễn Ân, *Tang thương ngẫu lục*, bản Việt ngữ của Đạm Nguyên, quyển nhất, Bộ Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr.63-65.

3. Theo *Viên Không tháp ký* do Tỳ-kheo Hải Khâm Thân soạn. Bia tháp được dựng tại chùa Bụt Mọc (Bắc Ninh) chúng tôi sử dụng thác bản từ sách Pháp Đăng).

4. 金灰寺 Kim Bôi tự: chữ “Bôi” theo Hán Việt tự điển của Thiều Chửu thì đọc hai âm: Hôi và Khôi. Nhân dân địa phương đọc quen thành Kim Bôi nên chúng tôi phiên âm theo lối đọc địa phương. (dẫn theo Thiều Chửu, *Hán Việt tự điển*, Nxb TP.HCM, 1998, tr.366).

5. Xã Vịnh Cầu thuộc tổng Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc.

6. *Đầu vi Phật chủng* tức đến xin làm giống Phật, có nghĩa xuất gia tu học nên chúng tôi dịch thoát cho dễ hiểu.

7. Biệt hiệu thiên sư Như Tùy Vô Trụ. Tham khảo bia *Viên Không tháp ký*, thác bản từ sách Pháp Đăng.

8. Tức làm trưởng pháp tử hay trưởng tọa, bậc đệ tử đầu trong thiền môn.

9. Ở đây hiểu là chúa Trịnh, chứ không phải vua Lê. Chưa rõ năm lập trai đàn cầu đảo để chúa Trịnh ban tặng chức cho các thiên sư.

10. Chân đế: ở đây chỉ hàng đệ tử xuất gia, còn tục đế chỉ đệ tử tại gia.

11. Trong bia chữ bị đục, không rõ lý do.

# Tôn giả Angulimāla

Lời tòa soạn: Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tập sách Tôn giả Angulimāla do tác giả - Hòa thượng Lệ Như Thích Trung Hậu - gửi tặng. Chúng tôi xin đăng bài Lời giới thiệu của Giáo sư Cao Huy Thuần được in ở đầu sách, thay vì giới thiệu sách.

## Lời giới thiệu

CAO HUY THUẦN

**A**ngulimala là một chuyện tiêu biểu của Phật giáo về sám hối. Chuyện đã đi vào dân gian, ai cũng biết và ai cũng nói: ngay cả tên tướng cướp giết người không góm tay mà khi đã vất dao sám hối thì ác nghiệp cũng có thể chuyển thành thiện nghiệp.

*Tội từ tâm khởi đem tâm sám*

*Tâm đã diệt rồi tội liền tiêu*

*Tội tiêu tâm diệt thấy đều không*

*Thế mới thật là chân sám hối.*

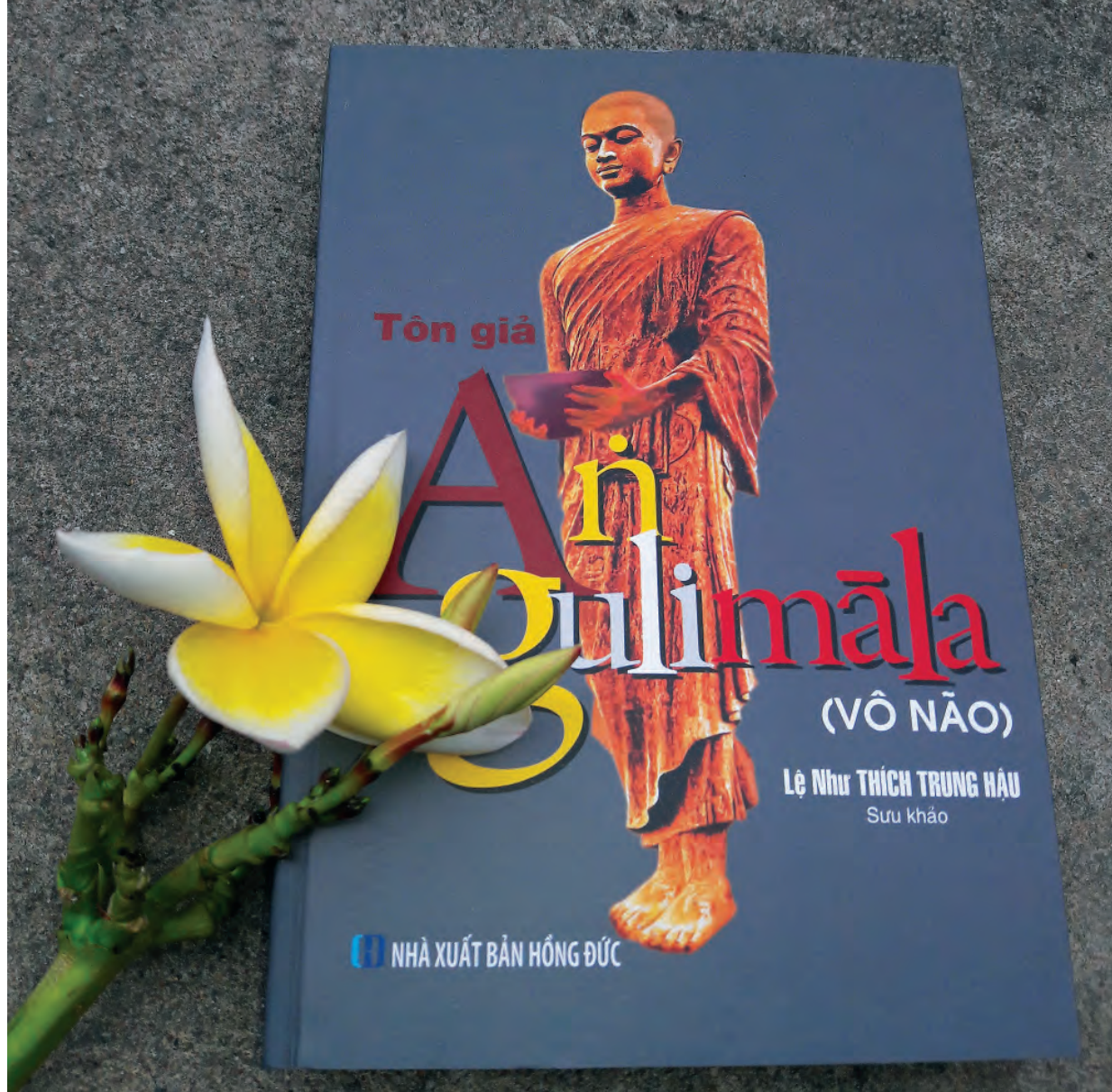
Cái “tâm đã diệt” là tâm của tên tướng cướp khi tay còn dao. Cái độc đáo của Phật giáo là khi con dao đã vất ra khỏi tâm rồi thì dao ấy không còn dấu vết nữa vì chính cái tâm ấy cũng không còn dấu vết nữa. Cái độc đáo của Phật giáo là ở chỗ ấy: hãy xem bình minh của trời đất sau cơn phong ba, chỉ còn bình minh tươi sáng như mọi bình minh tươi sáng, phong ba đâu nữa. Cái độc đáo của Phật giáo là ở chỗ ấy: phong ba trong lòng không còn dấu vết nữa, Phật tính vẫn tươi sáng như Phật tính bao giờ cũng tươi sáng như thế, trong tâm người đã thật tình sám hối cũng như trong tâm của bất cứ ai. Cái độc đáo của Phật giáo là ở chỗ ấy: sám hối xong rồi thì ngay cả sám hối cũng không còn, vì tội đâu nữa mà cứ phải dằn vặt khổ sở hoài cả đời về một cái tội đã tiêu? Cái độc đáo của Phật giáo là ở chỗ ấy: cuối cùng, cái phải diệt chính là đau khổ. Mà đau khổ, không phải chỉ là con dao trong tâm chưa vất, mà còn là ý niệm về con dao đã vất rồi: phải vất luôn cả cái ý niệm ấy, cái ám ảnh ấy, vất hết, không còn gì nữa cả, chỉ còn Phật tính với cái ta bình yên. Chỉ còn bình minh tươi sáng.

Angulimala là chuyện của bình minh chưa bao giờ có dấu vết phong ba. Chuyện của sám hối chân chính. Với dân gian, chuyện hay như cổ tích. Với con mắt nghệ thuật, chuyện đẹp như tranh thiên. Tướng cướp

Angulimala giết người khét tiếng cả vùng, không ai dám qua lại. Y giết người không phải để cướp mà để chặt ngón tay, phơi khô một lóng, xâu thành chuỗi, đeo vào cổ như đeo vòng hoa. Vòng hoa của y phải có đủ một ngàn lóng tay. Y đã xâu được 999 lóng, còn thiếu một. Không ai dám qua lại ven rừng ấy nữa, chỉ có bà mẹ của y đi tìm con. Mẹ của y? Không, với y, đây là người thứ một ngàn. Không có địa ngục nào khủng khiếp hơn địa ngục ấy.

Nhưng ở đâu có địa ngục thì ở đấy có Niết-bàn. Bởi vì địa ngục và Niết-bàn không phải là hai. Không có khổ làm gì có giải thoát? Giải thoát nằm trong khổ chứ nằm ở đâu? Sấp nằm ở đâu, ngửa nằm ở đâu, nếu không phải trong cùng một bàn tay? Xoay bàn tay là sấp thành ngửa, là hết khổ, là giải thoát, là Niết-bàn. Đức Phật biết tên cướp kia có khả năng xoay bàn tay. Có khả năng đi đến, không phải cửa địa ngục, mà là cửa Niết-bàn. Cho nên Phật đi đến phía trước tên cướp, đi bình thường như Phật vẫn đi khẩn thực. Hay quá, tốt quá, người thứ một ngàn bây giờ là ông sa-môn này. Phật đi bình thường. Tên cướp đuổi theo. Dao hươi lên. Nhưng đuổi hụt hơi, ông sa-môn vẫn cứ bình thường đi trước mắt. Tên cướp la lên: “Ông kia, dừng lại!”. Lập tức, cánh cửa Niết-bàn mở ra. Bởi vì cánh cửa ấy chính là hai chữ “dừng lại”. Hai chữ ấy, chính tên cướp thốt ra. Tên cướp thốt ra hai chữ ấy mà y không biết là đã nằm sẵn trong lòng từ bao giờ, có thể là từ bao nhiêu kiếp trước. Y không biết nhưng Phật biết. Cho nên Phật chỉ cần nhắc lại: “*Ta đã dừng lại từ lâu, chỉ có người là chưa dừng*”.

*Dừng lại.* Tất cả tinh túy của đạo Phật nằm trong hai chữ ấy. Dừng lại, không sát sanh. Dừng lại, không trộm cướp. Dừng lại, không tham. Dừng lại, không sân. Dừng lại, không si. Dừng lại, không vô minh, tưởng sự vật là thường, tưởng ta là có. Và dừng lại, không làm người khác khổ. Và dừng lại, không làm



chính ta khổ. Dừng lại, chấm dứt đau khổ. Chấm dứt đau khổ là Niết-bàn.

*Dừng lại.* Ta đã học hai chữ ấy từ thuở nhỏ mới đến chùa, quỳ trước chuông mõ tụng bài kinh vỡ lòng:

*Thề tránh điều dữ  
Nguyện làm việc lành.*

Ta đã học hai chữ ấy từ nhỏ, vì ta có cái may mắn biết Phật. Tránh điều dữ: ta biết đó là cửa địa ngục. Làm việc lành: ta biết đó là cửa Niết-bàn. Angulimāla lúc ấy chưa biết Phật nên dốt thua ta. Nhưng Angulimāla có cái may mắn hơn ta là có hai Đức Phật: Phật ở trong lòng giống như ta, nhưng còn Phật ở trước mắt, Phật đang đi trước mắt, với bình bát trong tay và chân bước bình thường nhưng đuổi theo không kịp. Phật trước mắt y chỉ cần nhắc lại một tiếng là Phật trong lòng y hiện ra và y vất dao, quỳ xuống trước cửa Niết-bàn. Khi đó y không còn là tên cướp nữa, y là bình minh, và bình minh mở đầu với giọng nói ôn tồn của Đức Phật: *"Lại đây, ông Tỳ-kheo"*.

Ngày nay, mỗi lần tụng lại bài kinh vỡ lòng hồi nhỏ, "điều dữ", "việc lành", đẹp bao nhiêu nếu ta tưởng

tượng bức tranh đẹp vô ngần ấy trước mắt: tên cướp vất dao quỳ xuống chân Đức Phật. Tôi ước mong chuyện nên kể cho mỗi em bé, không phải chỉ khi bước chân vào chùa, mà cả khi bước chân vào trường. Kể lại đơn giản, ít lời nhiều ý, vì chuyện hay thì nên để dành cho tưởng tượng, và trẻ em thì tưởng tượng đầy ắp hai cánh.

Người lớn đời sau kể lại chuyện lắm khi có khuynh hướng tiểu thuyết hóa, bình dân hóa, chi tiết hóa, làm ly hóa, rườm rà giải thích, xa với ngôn ngữ cô đọng, chất lọc của kinh kệ, chẳng hạn ngôn ngữ vừa phải của bài kinh Angulimāla trong *Trung Bộ kinh*. Dù sao, cũng xin ghi nhận, trong những chuyện kể của người đời sau về cuộc đời tu chứng của Tỳ-kheo Angulimāla, vài bài học về nhân quả, nghiệp báo, công năng của sám hối, năng lực của thiền định. Quyển sách này nói rõ những điều đó.

Chân thành cảm tạ Hòa thượng tác giả và Thầy Trung Hậu kính mến đã cho tôi hân hạnh viết mấy lời giới thiệu đơn sơ này.

*Paris, đầu Xuân Đinh Dậu (2017), PL.2560  
GS.Cao Huy Thuần ■*



# Ba thân và mũ giáp

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

**M**ũ giáp gồm trong nó cả ba thân. Bồ-tát mặc mũ giáp là mặc cả ba thân của Đại thừa: Pháp thân, Báo thân, và Hóa thân.

## 1. Pháp thân tức tánh Không, được kinh diễn tả như sau:

“Nơi mũ giáp này chẳng có được mảy mún pháp nào, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc xa hoặc gần, hoặc quá khứ hiện tại vị lai, hoặc hữu vi vô vi, hoặc trụ hoặc chẳng trụ”.

Mũ giáp ấy là Pháp thân tánh Không, trong đó về không gian thì không có một hạt bụi, về thời gian thì không có một khoảnh khắc. Tánh Không ấy là sự giải thoát dẫu ở bất cứ thời gian không gian nào, vì vô nhiễm với tất cả.

“Vì thế nên đạo ấy gọi là đạo vô nhiễm, dùng bất khả đắc mà tiến lên, dùng bất khả nhiếp mà nhiếp giữ. Đạo

ấy rất sâu xa, không sanh không khởi, không xuất không tác, không đắc không hành, không xứ không trụ, không chướng không sự. Nơi tất cả sự mà có thể hiển hiện rõ ràng. Nơi tất cả sự mà không sai biệt, chẳng xoay chuyển theo sự. Do vì vô sự mà đến chỗ vô thượng”.

Mũ giáp ấy là tánh Không Pháp thân nên không có gì phá hoại được, không gì có thể đánh bại được:

“Mũ giáp ấy không có hình sắc hiển bày, không tướng không đối, xả tướng lìa tướng, không có danh tự vậy.

Này Vô Biên Huệ! Giả sử có mũi tên bén nhọn lớn như núi Tu-di, bắn đến đâu không thể trúng. Giả sử tất cả chúng sanh trong cõi Đại thiên đều làm ma, mỗi chúng sanh đều có đầy đủ quyền thuộc quân ma, tất cả đồng thời bắn tên lớn như núi Tu-di, cũng chẳng thể làm hư hoại giáp trụ của các Đại Bồ-tát, dẫu làm trăm hư chùng bằng sợi lông.

Đối với các Đại Bồ-tát, còn chẳng thể làm cho các ngài có ý niệm khác, huống là làm động tới thân. Các Đại Bồ-tát nếu có một tâm niệm trừ dục chúng thì có thể làm cho quân ma ấy tan nát tiêu diệt”.

Tất cả mọi quan điểm, mọi quan kiến đều chẳng thể xâm phạm mũ giáp này, bởi vì mũ giáp này là Pháp thân “Không”, “Vô tướng”, “Vô nguyện”:

Đối với mũ giáp như vậy, tất cả quan kiến về pháp đều bất khả đắc. Sắc kiến bất khả đắc, thọ kiến bất khả đắc, đến thức kiến bất khả đắc, cho đến không có một mây may pháp kiến nào có thể đắc cả. Mũ giáp như vậy chẳng cùng tất cả các pháp tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng cùng sắc thọ tướng hành thức tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, lia xa tất cả sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tất cả pháp”.

Người mặc giáp tánh Không thì ngộ nhập tánh Không, vì không có ta, người, chúng sanh, thọ giả:

“Mũ giáp như vậy không có tạo tác vì không có tác giả vậy, không có tướng vì chẳng phải tướng vậy, không có tướng xứ sở, không có tướng hòa hiệp, không có phân biệt không có động lay, không có dựa duyên, không có tánh để thấy được. Người mặc mũ giáp cũng bất khả đắc”.

Mặc mũ giáp là tu hành tánh Không, tự giác giác tha trong tánh Không, dần dần đi lên các địa của Pháp thân:

“Lúc mặc mũ giáp, Đại Bồ-tát mặc mũ giáp chẳng sanh tướng là chúng sanh, chẳng khởi tướng là ngã, mặc mũ giáp lia tướng chúng sanh, mặc mũ giáp diệt hết tướng ngã, mặc mũ giáp biết rõ tất cả pháp không có tướng tạo tác, là tướng Không, tướng vô niệm, là tướng vô nguyện, mặc mũ giáp biết tất cả pháp là tướng vô sanh vô diệt, mặc mũ giáp biết tánh tướng sai biệt và vô sai biệt của tất cả các pháp.

Này Vô Biên Huệ! Nếu trụ nơi sự tướng mà mặc mũ giáp thì rốt chẳng gọi là mặc đại mũ giáp. Vì các Đại Bồ-tát chẳng trụ nơi sự tướng mà cầu đại trí huệ, thế nên gọi là mặc đại mũ giáp”.

Tóm lại, mặc đại mũ giáp tức là tu hành tánh Không Pháp thân, “cầu đại trí huệ” thấu rõ tánh Không Pháp thân. Đây là con đường Mười địa Pháp thân cho đến thành Phật.

## 2. Báo thân

“Các Đại Bồ-tát dùng lực đại trí huệ, ở nơi tất cả pháp có ranh giới biên bờ, có thể chẳng đoan chẳng phá mà phương tiện thiện xảo nhiếp lấy chỉ quán tu tập vô tướng. Chúng được vô tướng thì được chư Phật trao cho ánh sáng pháp. Do ánh sáng pháp mà tất cả ranh giới biên bờ được trừ dứt. Với tất cả pháp, phương tiện thiện xảo an trụ chỉ quán bèn được vô biên ánh sáng đại pháp. Vì ánh sáng đại pháp nên lia dứt tối tăm sợ hãi mà vì chúng sanh diễn nói ánh sáng pháp. Vì ánh sáng pháp có thể làm cho chúng sanh mặc đại mũ giáp ngồi Đại thừa này”.

Các pháp được thấy trong sanh tử là có ranh giới, biên bờ, do đó tách biệt nhau, xung đột nhau. Ánh sáng pháp là ánh sáng của các pháp, ánh sáng này xóa đi những ranh giới biên bờ của các pháp, đưa các pháp trở lại “Một tướng Vô tướng”. Ánh sáng pháp chính là ánh sáng của vô tướng, của tánh Không và không hề lia khỏi tánh Không:

*Vi lia các phân biệt*

*Được ánh sáng đại pháp*

*Vi các pháp vô tánh*

*Ánh sáng cũng vô tánh*

*Do quán sát như vậy*

*Lại được ánh sáng pháp.*

*Chẳng thấy trí năng quán*

*Thấy ấy cũng chẳng thấy*

*Vi thấy pháp hư vọng*

*Gọi đó là quán thấy.*

*Ánh sáng chẳng nghĩ bàn*

*Vô biên và vô lượng*

*Thấy các pháp đều Không*

*Gọi là chẳng phân biệt.*

Các pháp vô tánh, nghĩa là các pháp là tánh Không. Ánh sáng đại pháp cũng vô tánh, nghĩa là ánh sáng của các pháp cũng là tánh Không, không lia khỏi tánh Không. Ánh sáng của các pháp ấy “chẳng thể nghĩ bàn, vô biên và vô lượng” bao trùm tất cả các pháp. Ánh sáng của các pháp chính là Báo thân, và Báo thân ánh sáng này không hề lia khỏi, tách biệt khỏi Pháp thân tánh Không. Ánh sáng của các pháp chính là ánh sáng Báo thân của Pháp thân tánh Không. Ánh sáng ấy là sự soi chiếu, sự quán thấy “thật tướng của tất cả các pháp”.

Ánh sáng đại pháp ấy là cái có sẵn ở nơi các pháp và bao trùm dung nhiếp các pháp, đưa chúng trở lại với thật tướng của chúng là tánh Không vô phân biệt:

“Ở nơi ánh sáng đại pháp không có chút pháp gì có thể thấy. Các Đại Bồ-tát không có chút tu hành, không có tu hành cao cấp, chẳng tùy tu hành, chẳng tu hành rộng lớn, mà có thể được vô biên ánh sáng đại pháp”.

Công hạnh ánh sáng pháp chẳng phải công hạnh số lượng, chẳng phải công hạnh tùy tướng thì từ đâu mà thi thiết tất cả các công hạnh. Nhưng chỗ tu hành dầu chẳng phải thi thiết công hạnh mà cũng chẳng rời lia.

Này Thắng Huệ! Lúc an trụ nơi hạnh ấy, các Đại Bồ-tát xả bỏ tất cả hạnh, không có chỗ chấp lấy. Người đủ công hạnh ấy, chẳng phải công hạnh số lượng, chẳng phải công hạnh tùy tướng, không có tướng, không có hành mới có thể được ánh sáng đại pháp ấy”.

Ánh sáng tự nhiên vốn có của các pháp là Báo thân, từ đó xuất hiện mọi hiện tượng bằng ánh sáng như trong các kinh thường nói, được Bồ-tát dùng để hóa độ chúng sanh:

“Ở trong chúng trời, người, a-tu-la diễn tả ánh sáng pháp, không có ai tranh luận mà thắng được. Có thể dùng ngón chân phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô



biên thế giới. Các chúng sanh gặp ánh sáng ấy đều được an lạc, sẽ chứng Giác ngộ”.

Ánh sáng tự nhiên vốn có của các pháp không lìa khỏi tánh Không vô tướng và vô tướng của các pháp. Và tánh Không thì ở khắp tất cả mọi không gian thời gian nên ánh sáng ấy cũng ở khắp tất cả, được kinh gọi là “Vô biên quang”, “Vô lượng quang”. Như thế Báo thân ánh sáng không lìa Pháp thân tánh Không. Do đó, khi mặc mũ giáp, Bồ-tát càng lúc càng đi sâu, càng chứng ngộ Pháp thân và Báo thân.

### 3. Hóa thân

Để tiếp xúc trực tiếp và hóa độ chúng sanh, Bồ-tát mặc lấy hóa thân. Hóa thân là do từ bi mà mặc lấy sanh tử (“dầu thọ lãnh sanh tử nhưng ở đâu cũng chẳng bị ô nhiễm”), mặc lấy đất nước lửa gió (“chuyển hình thái tạng, thọ thân hóa sanh”).

“Trong vô lượng kiếp, Đại Bồ-tát mang những gánh nặng, mặc mũ giáp lớn... mà không có mệt mỏi, không có lo buồn”.

“Vi thương xót tất cả chúng sanh mà các Đại Bồ-tát mặc đại mũ giáp, có thể dùng mũ giáp gia trì địa thủy hỏa phong giới, tùy theo chỗ thích ứng mà phát khởi hiệu năng”.

“Lúc mặc mũ giáp vô thượng vô lượng tối đại, các Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng: Tôi vì tất cả chúng sanh thiếu thốn, đó là những kẻ thiếu giới, thiếu nghe, thiếu huệ, thiếu giải thoát, thiếu giải thoát tri kiến, nên đem pháp báu lớn này để làm cho họ được đầy đủ...”

Các Đại Bồ-tát mặc đại mũ giáp như vậy rồi lại vì thương xót giữ gìn tất cả chúng sanh mà ngồi Đại thừa ấy”.

Chính vì “thệ nguyện khởi tâm từ bi với chúng sanh”, mà trên nền tảng Pháp thân tánh Không và báo thân ánh sáng, Bồ-tát mới khởi hiện ra hóa thân để có mặt ở trái đất này, mới có thể gần gũi chúng sanh nhờ hóa thân. Hóa thân ấy chính là sự hóa hiện của nguyện lực từ bi thành sắc thân vật chất.

“Lại vì bốn nguyện lực của các Đại Bồ-tát, bốn nguyện lực của chư Phật, đối với tất cả chúng sanh chẳng làm náo, chẳng làm hại, chẳng làm tổn, chẳng làm oán, chẳng làm thù, chẳng lẫn hiếp, chẳng bức ngặt, vì muốn chúng sanh được an lạc, nên mặc đại mũ giáp, ngồi Đại thừa, an trụ trong đạo ấy mà hướng đến Giác ngộ Vô thượng...”.

Bồ-tát mặc đại mũ giáp lòng bi để vào sanh tử, sống cùng chúng sanh, tùy nhập tất cả nơi chốn:

“Vi có thể tùy nhập tất cả xứ vậy. Vi muốn tùy nhập tất cả pháp vậy. Vi mặc đại mũ giáp là muốn tùy nhập tất cả pháp vậy. Vi an trụ Đại thừa thì được bình đẳng nơi tất cả pháp vậy”.

Nhưng hóa thân đại bi này chẳng bao giờ lìa với tánh Không Pháp thân nên hóa thân đại bi để tùy nhập sanh tử và sanh tử đều không có thật, như huyễn:

*Các uẩn không có thật  
Tự tánh bốn lai Không  
Tánh Không nên vô tướng  
Tất cả không có khởi.  
Các uẩn xa lìa tướng  
Lìa tướng thì vô sanh  
Không sanh thì không diệt  
Tướng các uẩn như vậy.  
Không tướng vọng có tướng  
Tướng ấy không đâu có  
Vi các pháp vô thể  
Uẩn ấy cũng vô tánh  
Giới và xứ cũng vậy.*

Mặc mũ giáp đại bi hợp nhất với tánh Không này thì “sanh tử chẳng thể làm ô nhiễm” vì chúng sanh và các pháp đều như huyễn bất khả đắc:

“Mặc mũ giáp biết không có chúng sanh, mặc mũ giáp biết không có ngã, mặc mũ giáp biết tự tánh của chúng sanh, mặc mũ giáp biết tự tánh của ngã... Mặc mũ giáp biết tất cả pháp vô sở đắc, mặc mũ giáp biết tự tánh tất cả các pháp vô sở đắc”.

Tóm lại, Ba Thân nơi mũ giáp là Pháp thân tánh Không, Báo thân Ánh sáng Đại pháp và Hóa thân Đại bi Như huyễn.

Người mặc mũ giáp Ba Thân này là Bồ-tát tu hành trong Mười Địa, và vì tu ba thân không lìa nhau nên chúng ngộ Pháp thân tánh Không đến đâu thì chúng ngộ Báo thân Ánh sáng Đại pháp và Hóa thân Đại bi Như huyễn đến đó. ■





# Trầm tư về tính nhân bản nhân ngày Đại lễ Vesak

THÍCH THIỆN NHƠN

Vào ngày Rằm trăng tròn tháng 4 âm lịch (Lễ Vesak - Tam hợp: Đức Phật đản sanh, Thành đạo, nhập Niết-bàn), cách đây hơn 26 thế kỷ, có một bậc vĩ nhân xuất hiện ở đời, tại vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini) nay là Rumindai gần Bhairawha vùng Terrai Népal (Ấn Độ cổ). Ngài sinh vào Hoàng cung vua Tịnh Phạn (Sudhodana) và hoàng hậu Ma-gia (Maya), năm 624 trước Tây lịch, đó là Thái tử Tất-đạt-đà (Sidhatta), hậu thân của Bồ-tát Hộ Minh, về sau tu hành thành Phật dưới cây Tất-bát-la (Pipala) cội Bồ-đề, hiệu là Thích-ca Mâu-ni hay là Gotama. Cuộc đời của Ngài từ lúc Đản sanh cho đến khi Nhập diệt, là một cuộc đời tuyệt đẹp và nhân bản kỳ diệu, có một ý nghĩa toàn diện và tuyệt vời. Ngài đã đi vào quá khứ, nhưng ân đức và trí tuệ của Ngài vẫn còn sống mãi với con người và cuộc đời hôm nay và mãi về sau. Qua đó, ý nghĩa ra đời của Đức Phật là một biểu thị nhân bản tuyệt đối bằng sự nỗ lực tự tu, tự ngộ, tự giải thoát, như chính bản thân

Ngài đã hành động từ vô lượng kiếp cho đến khi giác ngộ thành Phật và nhập Niết-bàn.

Tính nhân bản ấy đã được thể hiện như sau:

## 1. Tính hướng thượng

Sự ra đời của Đức Phật, hay nói khác hơn là sự hiện thân của một con người hoàn thiện tuyệt đối về nhân cách, đạo đức, điều này không phải tự nhiên có hoặc ai ban cho, mà chính tự thân Ngài đã nỗ lực thăng hoa, từ phạm vi con người bình thường, tiến lên thanh tịnh hóa tâm hồn, đạt đến mức độ cứu cánh viên mãn thành Phật, thì đối với tất cả chúng sanh cũng thế. Cho nên, Đức Phật đã ví dụ: “Cũng như ở trong ao bùn, có ba loại hoa sen, loại một còn nhũn dưới bùn, loại hai đã ra khỏi bùn và vươn lên trong nước, loại ba đã ra khỏi nước, không thấm nước và nở hoa tươi thắm. Loại một dụ cho chúng sinh còn bị sanh tử luân hồi, loại hai dụ cho chúng sinh đã biết tránh ác làm lành, biết tu tập



thiện pháp, biết qui y Tam bảo..., loại ba dụ cho những chúng sanh đã đoạn trừ hết phiền não, chấm dứt sanh tử luân hồi, giác ngộ giải thoát (*Trường 1, Tăng 19*).

Tóm lại, ba loại hoa sen là dụ cho ba hạng chúng sanh dù ở trong sinh tử, phiền não, trần lao, nhưng không bị phiền não trần lao, sinh tử làm đắm nhiễm, mà tất cả đều cố vươn lên để được giác ngộ, giải thoát. Như kế kinh nói: Từ vũng bùn ô uế, vất bỏ bên lề đường, một đóa sen xuất hiện, làm đẹp ý mọi người. Từ vũng bùn sanh tử, phiền não của thế gian, xuất hiện một bậc Thánh, với trí tuệ siêu phàm, làm lợi lạc quần sanh (*PC 58-59*).

Mặt khác, kinh *Hoa Nghiêm* phẩm Phổ Hiền nhấn mạnh: “Bỏ tát gieo trồng hạt giống Bồ-đề, không thể gieo ở hư không. Trái lại phải gieo trên đất chúng sanh. Lấy nước Từ bi để tưới, cây Bồ-đề sẽ đơm hoa kết trái, hoa là hoa trí tuệ, trái là quả Bồ-đề, tức Phật quả. Cũng vậy, từ sa mạc hoang vắng, sinh tử trần lao, Bồ-tát hóa độ chúng sanh, khuyên chúng sanh nỗ lực tu tập, chứng quả Bồ-đề trong sanh tử phiền não của thế gian, không thể ngoài cảnh giới ấy mà có quả Bồ-đề, Niết-bàn riêng”.

## 2. Tính tự tu tự độ

Trong suốt 49 năm nói pháp, làm Phật sự giáo hóa chúng sanh..., Đức Phật chỉ tóm tắt một lời: “Tất cả những gì Như Lai làm chỉ là vị Đạo sư dẫn đường. Còn sự nỗ lực tu tập, đi hay không là do ở các người”. Điều đó cần thấy rõ hơn, khi Đức Phật hỏi Ngài A-nan: “Này A-nan, Tôn giả Xá-lợi-phất nhập diệt có mang theo Giới thân, Định thân, Huệ thân, Giải thoát thân và Giải thoát tri kiến thân không?”. A-nan đáp: “Thưa Thế Tôn, không”. Đức Phật dạy: “Vậy, Pháp hãy còn đó, sao không nỗ lực tập, mà còn đợi ai nữa?”. Pháp đó là gì? Chính là Ngũ phần Pháp thân - Giới pháp thân, Định pháp thân, Huệ pháp thân, Giải thoát pháp thân, Giải thoát tri kiến pháp thân. Và pháp ấy ở đâu? Dĩ nhiên không phải ở trên trời hay dưới đất, mà nó ở ngay nơi mỗi người và trong từng con người một, chúng sanh một (*Tăng 26*).

Qua đó, không làm các điều ác, thực hành các điều thiện, chế ngự sáu căn, nhiếp tâm, đoạn trừ lục dục là Giới thân thanh tịnh; giữ tâm thanh tịnh, không tham, sân, si, không chạy theo ngũ dục, lục trần, ấy chính là Định pháp thân. Bằng trí huệ thanh tịnh vô nhiễm, thấy rõ các pháp Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, bất tịnh nỗ lực tu tập Giới định huệ, tu tập bốn Chân lý, thành tựu ba sự sáng suốt, bốn thứ trí huệ, sáu năng lực tự tại, ấy chính là Huệ pháp thân. Tâm hoàn toàn thanh tịnh, vô nhiễm, không còn phiền não, không còn cấu uế, ví như tấm vải đã giặt sạch, Tâm là giải thoát. Như cổ đức nói: “Lửa lòng đã tắt từ lâu. Tự tâm thanh tịnh một bầu thanh lương. Mưa Từ, nước pháp cảnh dương. Chúng sanh lợi lạc bốn phương đơm nhuần”. Đó chính là Giải thoát pháp thân.

Biết rõ không có năm uẩn, năm uẩn là Vô ngã, do đó không có ta, của ta. Không còn chấp Ngã và Ngã sở. Như kế kinh nói: “Con ta tài sản ta. Người ngu cứ nghĩ sai ngoa. Ta còn không có, huống tài sản ta?” (*PC 62*). Đó là Giải thoát tri kiến Pháp thân. Đồng quan điểm, kinh *Pháp Bảo Đàn* nói: “Tự tánh thanh tịnh là Giới thân, Tự tánh vắng lặng là Định thân, Tự tánh chiếu soi vạn pháp là Huệ thân, Tự tánh không phiền não tham sân si là Giải thoát thân. Tự tánh không chấp thủ là Giải thoát tri kiến thân, hãy y cứ theo đây mà tu tập, sẽ chứng ngũ phần pháp thân sẵn có của các người”.

## 3. Tự tính hóa giải

Phiền não, Bồ-đề là hai khái niệm tâm lý, thực chất không tách rời nhau và không ngoài tâm mà có, cho nên Vĩnh Gia Đại sư nói: “Thật tánh vô minh là Phật tánh, thân huyền hóa này là chỗ y cứ của Pháp thân” (*Chứng đạo ca*). Nói rõ hơn, như vua Ba-tư-nặc hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn, đệ tử Như Lai tu pháp môn gì mà có uy đức, được an lạc giải thoát cao thượng như thế?”. Đáp: “Không có chi lạ, chỉ là chuyển hóa năm triền cái tham lam, sân hận, trạo hối, thù miên và nghi ngờ, thành tựu Pháp thân thanh tịnh. Do chuyển hóa tham lam



thành tựu Giới thân thanh tịnh. Do chuyển hóa sân hận thành tựu Định thân thanh tịnh. Do chuyển hóa ngu mê mà thành tựu Huệ thân thanh tịnh. Do chuyển hóa trạo hối mà thành tựu Giải thoát thân thanh tịnh. Do chuyển hóa nghi ngờ, mà thành tựu Giải thoát tri kiến thân thanh tịnh” (Tập 1145, Trung 3).

Nói thế có nghĩa là chuyển phiền não, năm triền cái thành tựu Bồ-đề và Pháp thân giải thoát. Tại sao? Vì thật tánh phiền não là thật tánh Bồ-đề. Do đó, kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Mê thì Bồ-đề là vọng tưởng. Ngộ thì vọng tưởng là Bồ-đề”. Hay như Vĩnh Gia đại sư nói: “Khi mê thì có sáu nẻo luân hồi, khi ngộ thì đất trời không có” (Mê lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không vô đại thiên) (*Chứng đạo ca*) và kinh *Chiên-sát* cũng nhấn mạnh: “Niệm trước nghĩ ác như mây mù che mặt trời, niệm sau nghĩ thiện như gió thổi xua tan mây mù mặt trời xuất hiện”. Có nghĩa là Giác ngộ, Giải thoát.

#### 4. Tính trách nhiệm

Bằng tâm chủ động, do đó, con người phải chịu trách nhiệm về hành vi tạo tác của mình. Vì thế, mình tạo cũng do mình chuyển hóa, không thể ai chuyển hóa thế cho mình. Và cũng không ai có quyền ban phước giáng họa cho mình. Vì tất cả do mình quyết định. Như Đức Phật dạy: “Tự mình làm cho mình nhiễm ô; Tự mình làm cho mình thanh tịnh; Thanh tịnh hay nhiễm ô là do ở chính mình, không do ai khác” (*Tăng 13 (5), PC 165, Trung 13*).

Nói khác đi, như cổ đức nói: “Việc làm giả thật tự mình hay; họa phúc do mình chớ hỏi ai. Thiện ác cuối cùng quả phải đến. Chẳng qua đến sớm hay đến chầy” (Long Tế hòa thượng). Như vua A-xà-thế phạm tội giết cha, do ăn năn, sám hối trước Đức Phật, nên không còn tội Vô gián địa ngục, mà chứng được Vô căn Tín, tức trước bậc Kiến đạo Sơ quả Tư-đà-hoàn. Nàng kỹ nữ Liên Hoa Sắc, do sám hối xuất gia, chứng quả A-la-hán. Ương-quật-ma-la giết người khủng khiếp, nhưng sau khi xuất gia tu hành chứng quả A-la-hán, hiệu là Kiến Đế Tỳ-kheo. Đề-

bà-đạt-đa phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, đọa Vô gián địa ngục, về sau tu hành chứng quả Bích chi Phật; theo *kinh Pháp Hoa* thì thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai. Nàng công chúa Mâu-ni do cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai một chung dầu đốt mà được thụ ký thành Phật... Quả thật, như kệ kinh nói: “Ai dùng các hạnh lành, xóa mờ các nghiệp ác. Chiếu sáng rực đời này, như trăng thoát mây che” (Tập 1077, PC 173).

#### 5. Tính thiết lập

Theo lời Phật dạy: Ba cõi do chúng sinh tạo, do chấp các dục nên có chúng sinh cõi Dục, do chấp có sắc nên có chúng sinh cõi Sắc. Do chấp Thức tưởng không, nên có chúng sinh khái niệm về không là Vô sắc. Do chúng sinh tạo nghiệp nên có sáu loài chúng sinh hay 25 loài chúng sinh. Do tạo nghiệp nên có địa ngục, khổ đau, nhưng cũng do tu thiện, mà có thiên đường.

Như một triết gia nói: “Con người có thể tạo thiên đường cũng như tạo ra địa ngục”. Qua đó, Đức Phật dạy: Do tu thiện pháp, thiện nghiệp, bốn Tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả; Mười nghiệp thiện: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời ly gián, không nói thêu dệt, không nói lời hung ác, không tham, không sân, không si mà thành tựu thế giới thanh tịnh, trang nghiêm, một thế giới hoàng kim như là Tịnh độ, có ao sen, cây báu, lầu đài cung điện nguy nga, thanh bình an vui tuyệt đối, con người thuần thiện, đồng thời có Đức Phật Di-lặc ra đời (*Trường 6,30; Trung 66, Tăng 48*). Và Đức Phật Di-lặc giáng sanh ở đâu? Ở Ấn Độ. Như vậy, Tịnh độ không chỉ giới hạn ở Ấn Độ, mà cả thế giới Ta-bà, vì Đức Phật Di-lặc sẽ là Giáo chủ cõi Ta-bà thay thế cho Đức Phật Thích-ca trong tương lai. Như kinh *Duy-ma-cật* nói: Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh (Tùy theo tâm chúng sinh thanh tịnh thì thế giới Phật cũng thanh tịnh).

Tóm lại, qua những trầm tư về tính Nhân bản nhân ngày Đản sinh Đức Phật, bằng hình ảnh tự nỗ lực thăng hoa, tiến tới giác ngộ, giải thoát của Ngài cho phép khẳng định rằng: Hơn bao giờ hết, tính nhân bản trong ý nghĩa giáo dục của đạo Phật mang tính độ đo và cụ thể không thể đảo ngược, để từ đó xây dựng nền tảng vững chắc cho con người, từ phạm phu đến thánh nhân, hiền triết, từ phạm vi người thường trở thành người hữu ích cho chúng sanh và xã hội. Một nền đạo đức nhân bản và giáo dục trực quan hướng nội và xã hội ngày càng tiến xa hơn, thanh thoát hơn trong ý nghĩa và hành động, trong sự hiện hữu và giá trị của sự hiện hữu, mà con người là nhân tố cho mọi tác nhân thành tựu kết quả tối thượng tại thế gian này.

Như Đức Phật nói: “Khi Tỳ-kheo không còn chấp thủ, không còn chấp xả, thì chúng vô thủ trước Niết bàn, không đi Đông, đi Tây, đi Nam, đi Bắc, đi lên đi xuống, mà giải thoát tại thế gian và giữa chúng sinh” (*Trung 6, 75*). ■

# Liệu pháp muôn đời

NGUYỄN CÂN

## Lời người viết

*Trong tập san Tư Tưởng, bộ V, phần Lời ngỏ có viết: “Đấng Thế Tôn không phải chỉ ra đời cách đây mấy nghìn năm vào một thời gian xác định, vào một địa điểm xác định nào đó. Không. Đấng Thế Tôn ra đời mỗi ngày và mỗi giây phút trong đời sống chúng ta: Chúng ta là những kẻ đương thời với Ngài, ra đời với Ngài, lớn lên với Ngài, đau đớn với Ngài, sống với Ngài, lên đường với Ngài và cùng đi về với Ngài trên con đường giải phóng, con đường của vì Sao Mai tuyệt đối, hình ảnh bất diệt của Chân Như: đó cũng là dấu hiệu của Pháp thân bất sinh bất diệt...”.*

*Hôm nay đây, nhìn lại, kiểm điểm lại, chúng ta thấy dường như hình ảnh Ngài đang chìm khuất đâu đó giữa màn sương của những tham vọng trong từng con người, trong cuộc tranh đoạt quyền lợi vật chất với nhau và xã hội vô tình trở thành mảnh đất màu mỡ cho cái ác xâm thực hàng ngày hàng giờ... Làm sao đánh thức được Phật tính trong mỗi chúng sinh khi chính chúng ta, nếu không cảnh giác, có khi cũng vong thân trong những dự phóng viễn vông vì những động lực thấp hèn của mình. Hãy thử nhìn lại để tìm cơ may mà cứu vãn như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng hát “Con tình yêu thương vô tình chợt gọi, Lại thấy trong ta hiện bóng con Người”.*

## Bài toán con người: lỗi hệ thống?

Một vị tiến sĩ, con của một vị lãnh đạo cao cấp trước đây, trong một buổi phỏng vấn của báo *Tuổi trẻ và Đời sống* đã trần trở trước những biến đổi của lòng người, tình đời hôm nay so với trước đây. Ông cho rằng “Nhưng con người Việt Nam (trước đây) không chỉ có những anh hùng. Con người Việt Nam ngày ấy có sự yêu thương và chia sẻ. Và tôi nghĩ, đó mới là cội nguồn của sức mạnh. Ngày bé, tôi từng phải về nông thôn sơ tán. Những người nông dân ở nông thôn nghèo hơn gia đình chúng tôi. Dù đau lòng, tôi không thể không thẳng thắn nói rằng, chúng ta đã mất đi rất nhiều nguồn tài nguyên ấy!...”

Trong những năm vừa rồi, điều rõ nhất tôi cảm nhận được là chưa bao giờ cái xấu và tội ác đến với chúng ta bình thân như thế này. Người ta nhìn nó thân nhiên, như là điều tất yếu. Đó là buổi sáng, khi tôi đọc tin về một cậu thanh niên cửa cổ đưa bé 8 tháng tuổi. Đó

là khi tôi đọc tin về những người dân cùng xông vào đánh chết một kẻ trộm chó... Có những người trong chúng ta hôm nay dùng cái ác và cái xấu để sinh tồn. Có những người nhìn nó thân nhiên một cách lạ kỳ...

Tôi luôn nghĩ, có thể con người Việt Nam hôm nay dường như đang gặp phải một sai lầm nào đó trong tổ chức cuộc sống, khiến cho tình cảm, lòng thương người, sự vị tha... đang bị biến dạng một cách ghê gớm. Đó là điều quá lạ lùng với xã hội này. Có lẽ chưa từng có một giai đoạn nào trong quá khứ mà người Việt Nam phải trải qua tình cảnh như ngày hôm nay.

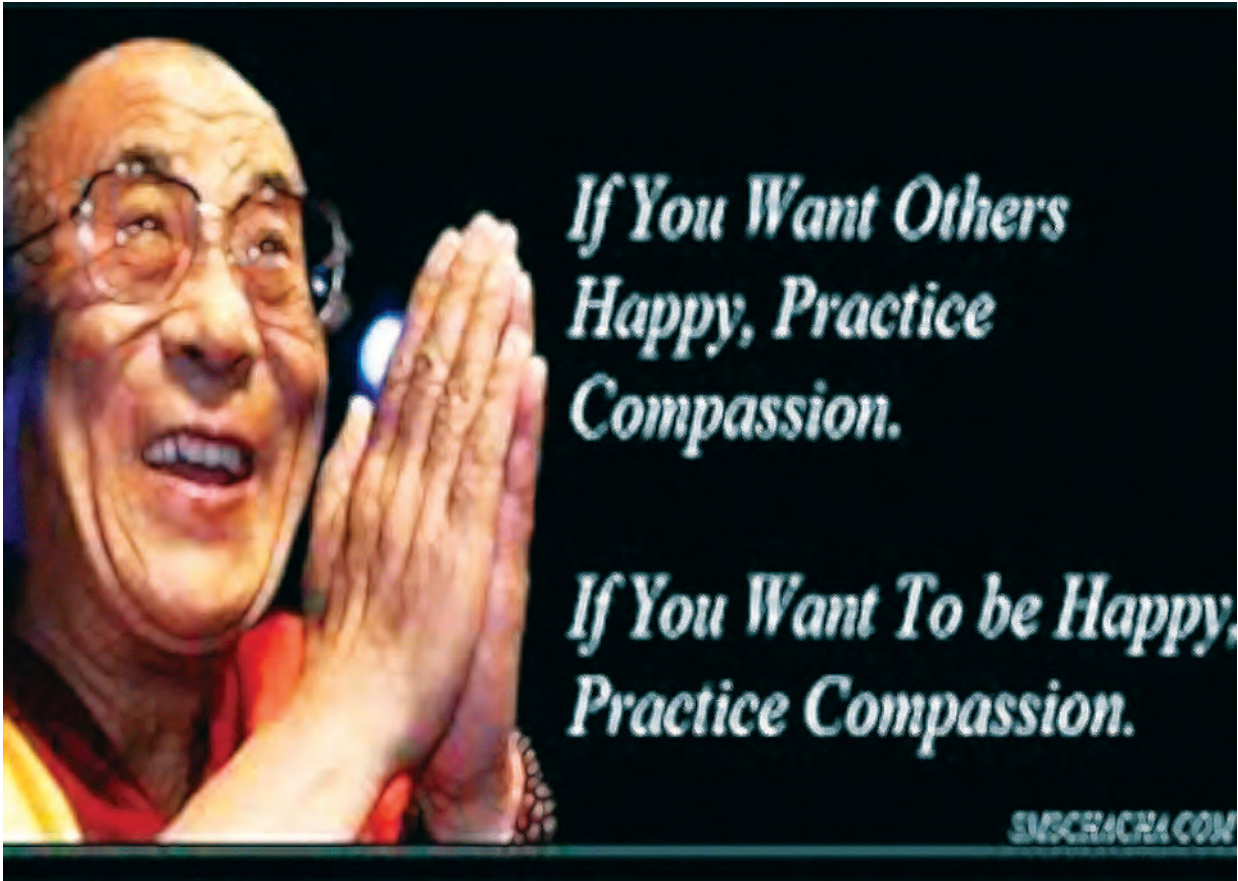
Người Việt từng sống dưới ách nô lệ cả nghìn năm của các triều đại phương Bắc, từng bị đế quốc, thực dân đô hộ, chịu đựng đủ sự tàn ác, bóc lột từ ngoại bang. Nhưng chưa bao giờ, khi tìm hiểu về lịch sử, tôi nghe được về chuyện người Việt tàn ác với chính đồng bào của mình”.

Rồi ông lại trần trở, tự cất vấn: “Chúng ta không nghèo như ngày xưa, không đói như ngày xưa. Tại sao chúng ta lại ác hơn ngày xưa?”

Và đặt câu hỏi: “Thế mà những người có trách nhiệm chưa bao giờ nghĩ đến việc nghiên cứu, cắt nghĩa, để tìm ra được điều gì đang bị lỗi trên đất nước này, cái gì đang sai trong hệ thống này... Những gì đang diễn ra ở đất nước ta hôm nay, có lẽ cần phải được suy nghĩ cho thật kỹ. Ví dụ, tại sao nhiều người có tiền mà vẫn tham những khủng khiếp như vậy?”

Có lẽ đó không phải văn hóa. Người ta hay nói *bần cùng sinh đạo tặc* - nhưng nhìn vào xã hội mình, đúng là đạo tặc có một phần từ bần cùng đi lên, nhưng một phần rất đông đạo tặc lại sinh ra bởi những người không bần cùng.

Hãy nhìn qua những vụ án gần đây nhất sẽ thấy rằng những người hiểu pháp luật, bảo vệ pháp luật; họ vi phạm pháp luật một cách nghiêm trọng và đầy tính toán để khi người ta bị bắt, người ta chỉ nói một câu rất nhẹ nhàng là: chứng minh đi. Tức là người ta đã chuẩn bị cho tình huống đó. Người ta đã nhạo báng và thách thức cả xã hội... Những người không biết động lòng, không biết xót xa trước sự đau khổ của người khác thì không thể nào chờ đợi tình yêu đất nước từ họ. Thế thì chúng ta phải nghiêm túc nhìn thẳng vào nó trước khi quá muộn.



Tôi cho rằng, có lẽ chúng ta đang gặp *một lỗi lầm nghiêm trọng về hệ thống*".

### **Liệu pháp của Đức Phật**

Lỗi hệ thống ấy là hệ thống nào: giáo dục hay xã hội? Kinh tế hay pháp luật? Chắc mỗi hệ thống sai một ít chẳng? Chúng ta hiểu con người theo học thuyết nào cũng luôn là nguyên nhân và là kết quả của toàn bộ tổ chức xã hội, kinh tế, giáo dục. Nói theo học thuyết Xã hội chủ nghĩa, con người là kết quả tổng hòa của ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hóa tư tưởng. Thế con người đó hiện nay đang ở đâu? Con người là chủ động, là trung tâm đối với tự nhiên và xã hội, là nơi phát sinh và cũng là cứu cánh của mọi hoạt động tư tưởng.

Phải chăng chúng ta đã đi quá xa về lý thuyết mà đánh mất thực tiễn? Hệ thống giáo dục thiếu phần Nhân học, hay dạy chữ nghĩa nhiều hơn học làm người, hệ thống kinh tế tôn vinh những kẻ làm giàu bất chấp phương pháp, và lại thiếu sáng tạo, không đặt nặng phần "chất xám" mà chủ yếu là xuất khẩu tài nguyên và nguyên liệu thô hay gia công... Hệ thống pháp luật không đủ mạnh và hiệu quả để răn đe bọn buôn lậu, bọn làm hàng gian hàng giả, gây ngộ độc thực phẩm, băng hoại tinh thần...

Đức Phật từ hơn 2.500 năm trước đã nêu cao chủ trương rèn luyện huân tập từ thân đến tâm từng cá nhân đệ tử và tín đồ vì con người là chủ thể của mọi thay đổi.

Tăng thân hay đoàn thể chỉ có tác dụng tăng cường trợ lực chứ không quyết định thay cho khả năng tu chứng của từng người. Đức Phật dạy về Thất Bồ-đề phần, trong đó chỉ riêng Tứ chánh cần và Bát chánh đạo là đã đủ để một cá nhân, nếu thực hành và tu tập, thay đổi bản thân triệt để rất ráo.

Phật dạy chúng ta "Tự thấp đuối lên mà đi" nghĩa là tự mình thấp lý tưởng có chủ đích cao đẹp và tiến về phía đó. Ngoài ra phải cùng sống cùng tiến với mọi người chung quanh; đồng thời gây nhân lành và tích lũy công đức. Bằng cách nào?

Bằng Tứ chánh cần, Sanskrit gọi là Catvāri prahāṇāni, là hành phẩm thứ hai trong bảy hành phẩm trợ đạo của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, là bốn phương tiện siêng năng tinh cần trong nỗ lực hằng ngày. Dùng bốn pháp này trong việc siêng năng tinh tấn (cần) để có thể đoạn trừ ác cùng mọi sự giải đãi biếng nhác của chúng ta trong việc hành thiện. Theo kinh *Trung A-hàm* Hán tạng, kinh *Thuyết Xứ 86*, Đức Đạo sư dạy cho người đệ tử thân cận của mình rằng:

*"A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn chánh đoạn, Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì để*



*đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn cụ túc, nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. A-nan, bốn chánh đoạn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn chánh đoạn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh”.*

Tóm lại, tinh tấn đoạn trừ các điều ác đã sanh, tinh tấn ngăn ngừa các điều ác chưa sanh;

Tinh tấn làm tăng trưởng những điều thiện đã sanh, tinh tấn làm phát sanh những điều thiện chưa sanh.

Nỗ lực như thế thì các điều ác được đoạn trừ; còn các điều thiện được phát sanh và tăng trưởng.

Ở đây, Đức Đạo sư cũng đứng trên lập trường nhân quả “Chỉ ác hành thiện” mà Ngài dạy cho chúng đệ tử của mình phương pháp nỗ lực siêng năng tinh tấn đoạn trừ: Tứ chánh cần: chế ngự các căn, xa lánh ác kiến, an trú trong thiện pháp, gìn giữ giới hạnh.

Ngài cũng dạy năm pháp nuôi dưỡng:

1. Thiếu dục tri túc: giảm bớt, tiết chế các ham muốn, đồng thời chế ngự các căn: sắc, thanh, hương, vị, xúc).

2. Bồi dưỡng đức tin: Tin vào nghiệp, vào quả, vào nghiệp quả của mình và vào bậc giác ngộ toàn trí.

3. Sống chân thực: gìn giữ Giới, Định, Huệ, không dối gạt.

4. Tinh tấn bất thối: luôn trau dồi phẩm hạnh, không lùi bước trước khó khăn, gian khổ. Thực hành Tứ niệm xứ: Quán thân, thọ, tâm và pháp.

5. Minh mẫn trí tuệ: trực nhận pháp tướng giải thoát, tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã).

Tứ chánh cần thật ra là “chánh tinh tấn” trong Bát chánh đạo hoặc Bát Thánh đạo là giáo lý căn bản của Đạo để (trong Tứ đế). Con đường tu tập Bát chánh đạo cũng là con đường tu tập của ba mươi bảy phẩm trợ đạo (Đạo để):

Trong bài pháp Tứ đế đầu tiên Đức Phật giảng tại vườn Lộc Uyển về phương pháp hành trì, hay Đạo để, con đường dẫn đến an vui Niết-bàn, Đức Phật đã giảng Bát Thánh đạo cho năm bạn đồng tu là nhóm Kiều-trần-như. Đó là con đường thánh gồm tám chi: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Với Chánh kiến, chúng ta nhận thức sáng suốt và hợp lý trên căn bản của trí tuệ, không còn vương tà kiến, mê lầm vọng chấp, hiểu biết tất cả sự vật hiện hữu trên thế gian này đều do nhân duyên sanh, không trường tồn và luôn luôn biến diệt, nhận thức rõ tất cả chúng sanh cùng một bản thể thanh tịnh.

Với Chánh tư duy, chúng ta suy nghĩ không trái với lẽ phải, có lợi cho mình và cho người; nghĩ đến nguyên nhân đau khổ của mình và chúng sanh, ở đó vô minh là nguồn gốc của mọi tội lỗi, để biết mà tu tập hầu tìm được giải thoát cho mình và cho người; trong khi những kẻ không có Chánh tư duy sẽ chỉ suy nghĩ đến lợi dưỡng, tài sắc, danh vọng tìm trăm mưu nghìn kế để gạt người hay hại người.

Với Chánh ngữ, chúng ta nói lời chân thật không hư dối, công bình, ngay thẳng và hợp lý, không làm tổn hại đến đời sống cùng danh dự của người khác, tuyệt đối không gây chia rẽ, hay nói không đúng sự thật, xuyên tạc, thiên vị, dua nịnh, nguyên rủa, mắng nhiếc, vu họa và thô tục.

Với Chánh nghiệp, chúng ta hành động tác ý trong đời sống cần phải sáng suốt chân chánh, theo lẽ phải, biết tôn trọng quyền sống chung của mọi người, mọi loài. Hành động chân chánh là hành động có lương tâm, đạo đức trong địa vị của mình, biết gìn giữ tánh hạnh; tuyệt đối tránh các hành động không gìn giữ các phép tắc, giới điều, chỉ vì lợi mình mà hại người.

Với Chánh mạng, chúng ta sống một cách chân chánh bằng nghề nghiệp lương thiện, chính đáng không bóc lột, xâm hại đến lợi ích chung của người khác; sống thanh cao, đúng chánh pháp không mê tín.

Với Chánh tinh tấn, như đã nói, chính là Tứ chánh cần, chúng ta siêng năng chuyên cần thẳng tiến đến mục đích và lý tưởng mà Phật đã dạy.

Với Chánh niệm, chúng ta ghi nhớ, và suy nghĩ chân chánh. Chánh niệm có hai: Chánh ức niệm và chánh quán niệm. Ưc niệm là nhớ nghĩ đến quá khứ, những chuyện đã qua. Quán niệm là quán sát cảnh hiện tại và bắt đầu của tương lai. Nghĩa là phải nhớ đến tứ ân, nhớ đến những lỗi lầm xưa, đừng để tái phạm trong hiện tại và tương lai, nhưng không được nhớ oán thù xưa, hay thù đoạn xảo trá đã sử dụng để đắc lợi. Thực hành quán niệm Từ bi: thấy nỗi khổ của chúng sanh trong luân hồi sanh lòng thương xót, tìm nhiều phương tiện để giúp đỡ họ. Quán niệm Trí huệ: quán niệm nguyên nhân sanh hóa vũ trụ, quán niệm thực tướng của các pháp để vững tiến trên con đường giải thoát; loại bỏ những quán niệm không chân chánh như nghĩ đến dục lạc, khoái cảm, hay kế sách, âm mưu và phương tiện giết hại lẫn nhau, văn tự xảo trá để gạt người.

Với Chánh định, chúng ta tập trung tư tưởng tu tập thiền định, quán các pháp không thanh tịnh, để trừ tham dục, si ái... thực hành Từ bi quán là quán sát tất cả chúng sanh đồng thể tánh thanh tịnh, không hơn không kém để tôn trọng, kính quý và đoạn trừ tâm hận thù; thực hành Nhân duyên quán, thấy tất cả pháp đều do nhân duyên mà thành, không có một pháp nào riêng biệt trong thế giới tương tức tương nhập (kinh *Hoa Nghiêm*), không chân thật, không trường tồn, để đoạn trừ ngu si thiên chấp. Ngoài ra còn có Giới phân biệt quán, là phân biệt và quán sát sự giả hợp của 18 giới (6 căn, 6 trần, 6 thức) để thấy không thật có ngã pháp và diệt trừ ngu si cố chấp; và Sở tức quán, quán hơi thở, để đối trị tâm tán loạn đi sâu vào thiền định. Chúng ta biết rằng con đường tu tập Bát chánh đạo cũng chính là con đường tu tập của Giới-Định-Huệ.

Đó là *liệu pháp muôn đời* mà Đức Phật đã để lại cho hậu thế. Dù có thuộc giai cấp nào, tin theo chủ thuyết nào thì cũng không qua khỏi những bước phát triển tư duy, nhận thức về bản thân, xã hội và vũ trụ qua những gì Phật dạy. Hình ảnh gã Tề Thiên với 72 phép thần thông tượng trưng cho những kẻ theo đủ loại học thuyết Duy XYZ gì đó cũng không nhảy qua bàn tay Phật tổ. Đó chính là Biện chúng Bát-nhã, hay Biện

chúng Duy Nhân, vì con người, do con người và của con người mà thôi. Con người ấy phải là Thắng nhân (self-made man) thời đại, nghĩa là một chiến sĩ biết tu dưỡng, nói theo ngôn ngữ đời thường thì tu dưỡng thắng nhân là:

1. Bắt đầu nếp sống tỉnh thức, tự chủ; quan tâm ghi nhận và phân tích mọi mặt trong đời sống hàng ngày nơi bản thân.

2. Quan tâm ghi nhận và phân tích mọi mặt đời sống hàng ngày của những người chung quanh.

3. Quan tâm theo dõi và phân tích những sự kiện xã hội, chính trị của thời đại.

4. Quyết tâm gột rửa nếp sống sai lầm cũ.

5. Gột rửa những bệnh thái tâm lý.

6. Tinh tiến về mặt tri thức và nhận thức.

7. Thiết lập một nhân sinh quan nhân chủ.

8. Quan niệm cùng sống, không tranh chấp (live and let live).

9. Cùng toàn dân tạo nên nghiệp lớn, thực hiện tiến bộ xã hội, và kiến lập văn minh mới, thành nhân để thành công.

Con người ấy đã có lúc được hiện thực hóa như dưới triều đại nhà Trần với những vị vua và tướng lãnh cũng như tầng lớp sĩ phu kiệt xuất, sống hào hùng hiên ngang đúng lý tưởng đạo pháp, không màng quyền chức, xong việc lớn, rủ áo làm sư... xem ngai vàng như đôi dép rách!

Được như thế, người Hành giả hay Tỳ-kheo kia trở thành một vị Bồ-tát tự thân, một chiến binh thay mặt cho Chân Thiện Mỹ chống lại cái giả dối, cái ác. "Nói cách khác, vì lòng bi càng lớn khi trí huệ càng cho thấy sự mê lầm gây ra khổ đau của thế gian. Bồ-tát mặc mũ giáp để chiến đấu với những cái gì làm hạ phẩm giá của con người và đưa con người đến chân, thiện, mỹ. Bồ-tát chống lại cái xấu, ác nơi tâm con người, chiến đấu chống lại sự biểu lộ của những xấu, ác ấy nơi xã hội và môi trường, những tệ nạn xã hội, nạn phá hoại môi trường, nạn giết hại, nạn trộm cướp, nạn tà dâm, nạn dối trá lừa gạt, nạn nghiện ngập... Tóm lại, Bồ-tát là một chiến sĩ của chân, thiện, mỹ chiến đấu chống lại cái giả, cái bất thiện và cái xấu xí. (Nguyễn Thế Đăng - *Áo giáp của Bồ-tát* - VHPG số 271).

Để kết luận, chúng ta hiểu con người là một phạm trù đối lập nhưng thống nhất với tự nhiên và xã hội. Con người toàn diện phải bao gồm các mặt tâm lý, sinh lý và xã hội, tu dưỡng để trở thành toàn diện với tâm hồn luôn hướng thiện và hướng thượng. Với những "thắng nhân" như thế thì lý tưởng xây dựng một xã hội mới, nếp sống nhân chủ, xây dựng nếp sống chung hài hòa, an vui và sung túc sẽ không còn là chuyện "đường xa vạn dặm".

Hãy dựa vào liệu pháp muôn đời của Đức Phật và cùng chấp tay nguyện cầu trong ngày Phật đản Phật lịch 2561 này để thấy Ngài đang Đản sinh ngay giây phút này, trong mỗi chúng ta! ■

# Vận hành thức A-lại-da trong thân tử ấm

ĐỨC HẠNH

**K**hi nhịp đập của con tim bị ngừng lại và cùng lúc năm giác quan của toàn thân con người không còn biết cảm giác gì nữa, thì trạng thái đó gọi là chết. Nhưng thức A-lại-da bên trong vẫn còn hằng chuyển liên tục và hoạt động một mình. Sự hoạt động đơn phương của nó y như lúc con người còn sống đang ngủ say. Thức A-lại-da hoạt động một mình, không có năm giác quan của cơ thể bên ngoài cộng tác. Vì vậy mà Tâm lý học gọi là Vô thức, Tiềm thức hay là Đà sống, tức là thức A-lại-da hằng chuyển liên tục không ngừng nghỉ, dù cho thân xác con người có chết đi, nó vẫn hoạt động. Cho nên ở thân xác con người còn sống, sau khi ngủ dậy, người ta ngó nhớ lại những cảnh vui, buồn, hãi hùng... trong giấc chiêm bao vừa qua.

Ở đây, thân xác con người chết cũng như thế, thức A-lại-da cũng hoạt động một mình; nhưng trạng thái hoạt động của nó có vẻ nhẹ nhàng và bay bổng, không giống như trạng thái nằm mộng của thân xác còn

sống. Cho nên thân xác con người vừa chết, tâm thức con người thấy nhẹ nhàng và thấy mình bay bổng, tức là thức A-lại-da lia khỏi xác. Chính sự thấy nhẹ nhàng đó là thức A-lại-da thấy, chứ đâu phải thân xác thấy, vì thân xác đã chết rồi, không còn có cảm giác nữa! Từ chỗ này ta càng thấy rõ *ta* là *thức A-lại-da*, chứ không phải thân xác còn sống và chết là ta.

Vì hai giấc mộng lúc sống và chết đều là do thức A-lại-da hoạt động. Hoạt động là sự diễn lại, nhớ lại chuyện xưa, tích cũ từ quá khứ cho đến hiện tại. Sự biết và nhớ của thức A-lại-da sau khi thân xác chết cũng giống như lúc con người còn sống nằm gác tay lên trán nhớ nghĩ việc này việc nọ, hay ngồi một mình tư duy về các việc đời, việc đạo được sắp xếp thành chương trình, kế hoạch... để tuân tự thực hiện, nhưng thỉnh linh bị đau bệnh làm cho bản thân tứ đại chết đi. Hoặc là những việc mà người ta đã dự trù thực hiện trước đó vài ngày, vài giờ như có ý định đi thăm thân nhân, đi đến trường đại học, đi đến nhà thờ để tập hát cho ca đoàn, nhưng chưa thực hiện kịp thì cơ thể bị chết.

Nói tóm lại, lúc con người đang sống, tâm thức sanh khởi ý tưởng muốn thực hiện một, hoặc nhiều sự việc ngay hiện tại, nhưng thân thể bị chết thành linh. Vì vậy xác thân đã chết mà tâm thức người chết cứ ngỡ rằng mình đang sống, nên chi tâm (thức A-lại-da) của họ nhớ đến các việc rồi muốn đi thực hiện ngay. Do sức mạnh của tâm thức ước muốn, thức A-lại-da liền tự tạo cho nó một xác thân vô hình mờ ảo, nhỏ bằng đứa trẻ lên năm, hoàn toàn bằng những chất liệu tinh thần do những giác quan tinh thần của nó. Rồi nó ra khỏi xác là con đường hầm tối tăm, sau đó nó nghe, thấy, biết... các hình ảnh, âm thanh... của con người và vạn vật hiện hữu chung quanh nó trên bước đường đi thực hiện những việc gần nhất trước đó vài ngày, vài giờ khi chưa chết được sắp xếp trong tư tưởng. Thân này gọi là thân *Tử ấm* còn gọi là thân *Vọng ước* do các giác quan tinh thần của nó tự cấu tạo, nên nó có thể đi qua bất cứ chướng ngại nào như núi cao, biển rộng, các tòa cao ốc, vào tận nơi các cung điện thâm sâu của nhà vua, hoặc là đến bất cứ nơi nào như rạp hát... không cần







phải mua vé, cứ vào thoải mái và ra lại tự do mà không bị ai hỏi han xét vé gì cả.

### **Thời gian thọ mệnh của thân tử ấm**

Thân tử ấm và thức A-lại-da là một. Sở dĩ được gọi là thân tử ấm là vì thức A-lại-da tự nó cấu tạo cho nó có những giác quan tinh thần giới hạn được nghe và thấy sự vật và con người đang sống. Riêng về sự thấy, trên cơ sở nguyên lý về ánh sáng mà thân tử ấm thấy mờ mờ, nhá nhem như chiếu chạng vạng hay rực rỡ sau khi ra khỏi con đường hầm u tối của thể xác là tùy theo mức độ thiện, ác có trong tâm thức con người lúc còn sống.

Thân tử ấm được có từ lúc xác thân con người chết, nó nằm im trong một khoảnh khắc vài mươi phút, rồi thoát ra khỏi thân xác sau khi các giác quan tinh thần chết hẳn, thân tử ấm đi chu du một hồi tùy theo sở thích của nó. Thân tử ấm quay trở về xác cũ, gặp lại bà con và cảnh vật tại nhà, mà chưa biết mình đã chết.

Trong khoảng thời gian gặp gỡ thân nhân và nhìn thấy thân xác cũ, thân tử ấm có thể nhập lại vào xác cũ, tức là hồi sinh mà y khoa gọi là cái chết lâm sàng (chết đi sống lại) nếu cơ thể còn tươi và nóng. Trường hợp này thường xảy ra không ít trên thế giới hiện nay.

Cũng trong khoảng thời gian gặp gỡ mọi người và tại vị trí xác thân cũ như thế này, mà thân tử ấm không được hồi sinh (sống lại) coi như thân xác đã chết hẳn. Từ đó, sau những giờ phút lẩn quẩn bên xác cũ, cũng như chung chạ với bà con, thân nhân, nhưng thấy mình bị cô đơn, bởi vì hỏi ai, ai cũng làm ngơ, rờ vào đâu cũng thấy

như rờ hư không, nhìn thấy người thân trong gia đình khóc lóc, mới biết rõ rằng mình đã chết. Liên tức khắc, những giác quan tinh thần của thân tử ấm bị rối loạn hay tự an trú vào sự tĩnh lặng là tùy theo thức A-lại-da của nó có sự hiểu biết hay không, rồi bị chìm lặn vào ánh sáng riêng biệt của nó. Thân tử ấm được chấm dứt ngay từ lúc này. Sau đó các giác quan tinh thần của thức A-lại-da vươn lên trở lại rồi tự cấu tạo một thân Trung ấm và tự chìm lặn vào ánh sáng trong vắt, sáng rực hay u ám, mờ đục tùy theo quả báo nghiệp thiện, ác nhiều ít của con người lúc sống trên đời đã tạo.

### **Vị trí thân tử ấm đi ra trên cơ thể xác chết**

Tùy theo căn bệnh hay tai nạn làm cho cơ thể con người chết lạnh mau hay chậm. Và sự chết lạnh dần trên cơ thể con người không nhất thiết là từ chân đến đầu hay từ đầu đến chân. Có thể bắt đầu lạnh từ hai tay hay hai chân trước, nhưng điều đó không có gì quan trọng. Điều quan trọng là còn một điểm ấm nhỏ trên cơ thể xác chết con người, đó là điều quan trọng mà ta phải để ý, vì nơi đó được đánh giá về trọng lượng nghiệp quả thiện, ác của thức A-lại-da đi ra mà con người lúc sanh tiền ăn ở hiền lành hay tàn ác. Điểm ấm sau chót là chỗ thức A-lại-da (còn gọi là *thần thức*) đi ra, có thể là ở chỗ cao nhất là đỉnh đầu là con đường về Cực lạc và Niết-bàn. Ở trán là đường về các cõi Trời. Ở ngực là con đường về Người. Ở bụng là đường vào loài Súc sanh. Ở đầu gối là đường vào Ngạ quỷ. Ở bàn chân là con đường vào Địa ngục. ■



## Tìm hiểu địa lý vùng cao qua sách *Vũ Man tạp lục*

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

**N**guyễn Tấn tên đầy đủ là Nguyễn Công Tấn, tự Hạ Vân và Tử Vân, hiệu Ôn Khê, thụy Trang Khải, người làng Thạch Trụ (nay thuộc xã Đức Lân), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông sinh năm Nhâm Ngọ (1822) tại phủ Kiến Xương (nay thuộc tỉnh Thái Bình) nơi ông nội là Tri phủ Nguyễn Công Tuy đang trấn nhậm.

Lúc còn nhỏ ông nổi tiếng thông minh. Năm Quý Mão (1843), thi đậu cử nhân tại trường Thừa Thiên. Khởi đầu hoạn lộ bằng chức học quan là Huấn đạo, đến năm Ất Tý (1845) ông làm về làm việc tại Quốc Tử Giám, rồi chuyển sang Hành tẩu Cơ mật viện. Từ năm Canh Tuất (1850) đến năm Quý Hợi (1863), Nguyễn Tấn lần lượt giữ các chức Hậu bổ Hưng Yên sung chức Hàn lâm viện, Tri phủ An Khánh, Ấn sát Hưng Yên và cuối cùng là thự Ấn sát Thái Nguyên.

Cuối năm 1863, khi đang ở Thái Nguyên, nghe tin vùng cao ở miền núi Quảng Ngãi có nhiều biến động,

các viên quan trấn nhậm nơi đây không sao bình ổn được, Nguyễn Tấn dâng sớ về triều tự nguyện gánh vác trọng trách này. Vua Tự Đức chuẩn y, thăng hàm Thị độc sung chức Tiểu phủ sứ, ban cấp ấn Quan phòng cho ông. Chức Tiểu phủ sứ được đặt ra từ đây và ông là người đầu tiên đảm nhận.

Chỉ trong một thời gian ngắn ông đã bình định được các cuộc nổi loạn khiến các sắc dân Quảng Ngãi phải quy phục và coi ông như thần thánh. Theo gia phả của họ tộc, triều đình Huế nhiều lần triệu ông về để phong cho ông chức tước lớn hơn, nhưng ông không chịu nhận và chỉ xin trấn nhậm một chỗ tại vùng sơn cước này.

Trong thời gian giữ chức Tiểu phủ sứ ở đây (1863-1871), ông tỏ ra là người rất thanh liêm. Gia phả ghi chép là khi ông mất (năm 1871), trong tráp chỉ còn ba nén bạc, nhưng nhờ dân quân quý mến nên mọi tang phí đều được người dân lo liệu. Trước sự thanh liêm của ông, vua Tự Đức đã ra lệnh cấp nguyệt bổng cho mẹ ông mỗi tháng ba quan tiền và ba phương gạo. Đây là điều ít thấy

ở triều đình nhà Nguyễn đối với một viên quan có phẩm hàm tương đối lớn. Năm 1898, ông được truy tặng hàm Binh bộ Hữu Tham tri, sau đó là Lễ bộ Thượng thư.

Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép về ông có những đoạn:

“Nguyễn Tấn vốn người tài năng trí thức, dũng cảm thao lược. Tuy Viễn quận công Trương Đăng Quế thường khen ông là khi lâm sự biết xử trí. Việc trở về dẹp Man, người ta nói là có hai điều khó: một là rừng sâu khí nặng là điều kỵ của việc hành quân. Hai là tính người Man bất thường, đối thì đến, no thì đi, vô vẻ khó. Thế mà trong sáu năm, năm nào đánh dẹp cũng dễ dàng cả...”

“Ngày Tấn mất những người Man được tin, cùng nhau than tiếc. Tướng sĩ sáu cơ và người trong châu dựng đền ở Hoàn Sơn để thờ. Cung bảo Nguyễn Chính và Tham chính Lê Lượng Bạt làm bài minh (khắc lên bia đá) để nêu công đức...”

“Tấn ốm chết, vua thấy ông làm quan thanh bạch nhà nghèo, cấp cho mẹ ông mỗi tháng ba quan tiền, ba phương gạo, sau lại cấp thêm 50 quan để làm ma” (ĐNLT T4, sđd, tr.238).

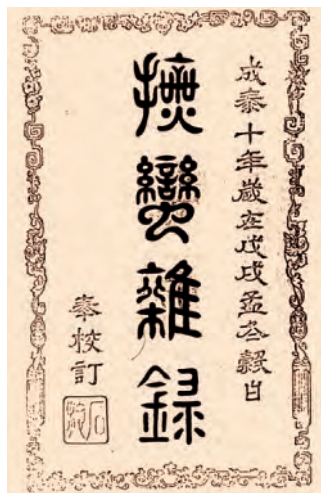
Cũng trong thời gian nhậm chức ở vùng thượng du này, ông đã ghi lại những điều mắt thấy tai nghe về địa lý, lịch sử, cá tính, phong tục, ngôn ngữ của các sắc dân thiểu số tại địa phương để viết nên

sách *Vũ Man tạp lục*, chủ yếu để phổ biến và truyền lại cho con cháu cất giữ. Một thời gian dài, toàn văn tập sách được hậu duệ lưu giữ nằm trong tập *Thạch Trì Tàng Bản*.

Tác phẩm *Vũ Man tạp lục* viết bằng chữ Hán, được in năm Thành Thái thứ 10 (1898). Bản in để “Thành Thái thập niên tuế tại Mậu Tuất Mạnh đông cốc nhật - Phủ Man Tạp Lục - Phụng hiệu đính”. Sách gồm bốn bài tựa; một của chính tác giả và của các ông Hoàng Cao Khải, Trương Quang Đản và Cao Xuân Dục.

Dưới đây là đoạn trích lời tựa sách của ông Trương Quang Đản, Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn:

“Tập sách này nói về núi sông, cương vực, đường sá, phong tục, đất đai, tô thuế, cùng với kế hoạch đánh dẹp võ về, phương sách phòng ngự, sự xây dựng đổi thay dần dần qua các triều đại, sự tích đánh dẹp của các vị danh tướng, phân định từng loại, gồm có mười khoản. bổ túc vào mục *Tĩnh chí* còn khiếm khuyết, làm rõ thêm điều chưa được tỏ tường, sau này nếu có kẻ viết đến cũng không thể theo kịp vậy.



*Ra làm tướng võ, vào làm tướng văn, ông Thạch Trì (tức Nguyễn - TTT chú) làm nên được công nghiệp lớn lao như ngày nay há không phải là nhờ trong nhà có học mà ra hay sao? ...” (Lịch sử vùng cao qua VMTL, sđd, tr.106).*

Nội dung sách khái quát chia thành ba quyển:

Quyển I là các mục nói về núi sông, cương vực, đường sá, phong tục (ngôn ngữ, nhà cửa, y phục, đồ dùng, tên làng, lễ tết, nhạc khí, tế tự, lệ phạt, kỵ húy).

Trong phần mục này tác giả ghi chép kỹ càng tất cả các ngọn núi lớn nhỏ, các sông suối ao đầm, thác, bến sông, cùng diễn tiến các cuộc hành quân do Nguyễn Tấn cùng các vị tướng dưới quyền đảm trách với nhiều chi tiết lý thú. Theo những điều mà tác giả ghi chép thì địa bàn cư trú của các tộc người ở Tây Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định... là những vùng núi non hiểm trở, nhiều núi đá dựng đứng như Thạch Bích sơn tức núi Đá Vách, là những vùng rừng nguyên sinh nhiều cây

cối rậm rạp. Đây cũng là vùng có nhiều sông suối, thác nước, đường đi hiểm trở, khí hậu độc địa... khiến cho quân lính triều đình gặp nhiều khó khăn trong việc bình định, chinh phục các bộ tộc ít người. Về cương vực, phạm vi rộng hẹp của “miệt nguồn” Quảng Ngãi dựa trên tổ chức hành chánh lúc bấy giờ là Lục Cơ (sáu Cơ). Tác giả đã định vị trí từng Cơ một, kê tên

từng Sách của mỗi Cơ.

Mục *Lý lộ* viết về các đường giao thông, đi lại giữa các Cơ với nhau. Thời gian đi từ Cơ này đến Cơ khác được tính trên đơn vị ngày. Đây là cách ước lượng thường thấy trước đây. Mục *Ngôn ngữ* được ghi chép khá nhiều, có lẽ tác giả muốn lưu lại một số tài liệu để giúp cho những người sau này muốn giao dịch với các sắc dân tại đây

Quyển II chép về đất đai, tô thuế, kế hoạch đánh dẹp, phương sách phòng ngự. Ở mục *Thuế khóa*, tác giả biên chép khá chi tiết bằng cách ghi lại chế độ thuế khóa ở các nguồn từ dưới thời các chúa Nguyễn cho đến đời Tự Đức. Các chức vụ đốc thuế cùng số lượng tiền bạc, hoặc sản vật thu được hàng năm tại mỗi nguồn, các sự cải tổ theo thứ tự thời gian được ghi chép rõ ràng.

Quyển III tác giả đề cập đến công cuộc xây dựng và cải tổ qua các triều đại, cùng quá trình bình định của các vị tướng trong lịch sử. Trong quyển này, mục *Kế hoạch đánh dẹp* phản ánh sách lược hành quân

của một vị tướng. Những chiến thuật thực hiện trên địa bàn rừng núi hiểm trở. Binh pháp ở đây quy định đường lối tiến thoái, cách phục binh, dụ chiến, tấn công và một vài điều khoản căn bản mà một vị tướng cầm quân không thể thiếu được; đó là mưu lược, được lòng thuộc hạ, thưởng phạt nghiêm minh, am hiểu tình hình, cẩn thận khi ra quân. Diễn tiến công cuộc đánh dẹp của Nguyễn Tấn cùng các vị tướng được trình bày rõ ở đây, cũng như các sách lược phủ dụ đối với người Thượng. Phần cuối sách còn ghi thêm lịch sử và công trạng chinh phục các dân tộc ít người của một số nhân vật nổi tiếng như Bùi Tá Hán, Nguyễn Cư Trinh, Đặng Đại Lược, Trần Phước Thành, Lê Văn Duyệt...

Ngoài ra, nội dung sách còn cung cấp tư liệu rất đáng chú ý. Đó là việc xây đắp Trường Lũy. Đây là một thành lũy vào loại lớn và kiên cố ở Việt Nam từ trước đến nay. Theo sách viết, thì vào *"Năm Kỷ Mão (1819) niên hiệu*



*Gia Long thứ 18, quan khâm sai Chương Tả quân Lê Văn Duyệt tâu cho xây dựng Trường Lũy Quảng Ngãi, phía Nam từ ranh giới bắc huyện An Lão - Bình Định, phía Bắc từ ranh giới Nam huyện Hà Đông - Quảng Nam. Dọc theo Trường Lũy có hào trồng rào tre gai... mặt sau lũy xây dựng 115 đồn bảo...".* Di tích Trường Lũy này hiện nay vẫn còn dấu tích ở nhiều địa phương thuộc Quảng Ngãi.

Qua các nội dung được ghi chép trong sách, ta thấy rằng ngay sau khi nhậm chức tại đây, Nguyễn Tấn đã cho tiến hành khảo sát, lập bản đồ vùng thượng du Quảng Ngãi, đồng thời nghiên cứu phong tục người Thượng ở đó. Từ đó, ông tổ chức công cuộc phòng thủ, ngăn chặn sự xâm lấn của các bộ tộc ít người ở vùng cao vào các làng xóm người Việt. Ông còn tiến hành các cuộc tuần thám vào một số buôn làng người Thượng, vừa giải tán các cuộc chuẩn bị đi đánh phá, vừa phủ dụ họ qui phục triều đình, chung sống hòa hợp với người Việt và các dân tộc anh em khác. Nhiều nhà nghiên cứu sử học cho rằng những cố gắng của Nguyễn Tấn và quân dân ở địa phương đã đạt được nhiều kết quả mỹ mãn, không chỉ ngăn chặn các cuộc xung đột giữa các tộc người miền núi với người Việt, tạo sự ổn định trật tự ở vùng đất mới, mà hơn nữa đã góp phần vào sự hòa hợp chung sống giữa các dân tộc ở miền núi Quảng Ngãi. Song song với các hoạt động bảo vệ an ninh, Nguyễn Tấn còn tổ chức lại guồng máy cai trị tại vùng núi cao này mà trước đây đã bị phế bỏ vì tình hình bất ổn tại địa phương này. Ông đã đề đạt và được triều đình chấp thuận để quân lính trong thời gian rảnh rỗi được khẩn đất hoang làm ruộng rẫy, lập

đồn điền, trồng hoa màu để có thêm phương tiện chi dụng trong quân ngũ và có thêm mối lợi cho nhà nước.

Nhìn chung, những chi tiết về vùng đất và con người các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Ngãi được ghi chép rất tỉ mỉ, cụ thể, chứng tỏ sự am hiểu sâu sắc của tác giả về địa phương này. Điều đó cũng là mục đích của quyển sách như tác giả nhấn mạnh *"Người làm tướng chỉ huy việc chinh tiểu người Thượng phải khảo sát nắm vững hình thế núi sông, để biết được tính khí của từng nhóm người..."*.

Có thể nói rằng, cuốn sách chứa đựng khá nhiều tư liệu dành cho các nhà nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau khi nghiên cứu về vùng núi cao ở Quảng Ngãi. Những ghi chép về các chính sách của chúa Nguyễn và vua Nguyễn đối với các dân tộc ít người ở xứ này là những sử liệu quan trọng phản ánh một giai đoạn lịch sử của xứ Đàng Trong. Những ghi chép khá tường tận về những cuộc chinh phạt của quan quân triều Nguyễn, mà Nguyễn Tấn là một người trong số đó, nói lên thực trạng khách quan ở một vùng đất xa xôi hoang vắng thời bấy giờ.

Quan trọng hơn là nội dung sách đã cho ta thấy chính sách vừa kết hợp giữa vũ lực và chính trị, nhằm thu phục các tộc người vào sự quản lý của nhà nước. Các chính sách của triều đình một mặt kiên quyết trấn áp các cuộc nổi dậy, hoặc xung đột vũ trang của các sắc tộc nhằm chống lại triều đình; vì điều đó có thể gây tổn hại trật tự xã hội, gây ra mất ổn định vùng biên cương hoặc nơi hiểm yếu. Mặt khác, tiến hành kết hợp việc chinh phạt với việc tuyên truyền, thu phục các tộc người thiểu số về thần phục, tạo dựng mối quan hệ hiểu biết và thân ái giữa các tộc người, giữa các tộc người với người Việt cư trú láng giềng. Tất cả những điều đó chứng tỏ, rằng sự quan tâm đến những sắc dân vùng núi của các vương triều Nguyễn đều nằm trong chính sách lâu dài của các triều đại trong việc mở mang và an định lãnh thổ, kể từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa (1558) cho đến năm 1904 là năm bãi bỏ Nghĩa Định Sơn Phòng.

Tóm lại, *Vũ Man tạp lục* là một tư liệu có giá trị, đúng như trong lời tựa cuốn sách mà cụ của Cao Xuân Dục đã khẳng định: *"Bổ túc cho các sách sử trước đây chưa đầy đủ, soi rõ thêm các điều trước đây chưa tường tận"*. Hơn một thế kỷ trôi qua, tác phẩm này vẫn là một tư liệu không thể thiếu trong danh mục tài liệu tham khảo của các công trình nghiên cứu về vùng cao Quảng Ngãi, điều đó phần nào khẳng định giá trị đích thực của tư liệu mà Nguyễn Tấn đã viết ra... ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. *Đại Nam liệt truyện* T4, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr. 775-776.
2. *Lịch sử vùng cao qua Vũ Man tạp lục thư*, Nguyễn Đức Cung, Nhật Lệ (USA) xuất bản 1998.

# Nhục thân!

TRẦN BẢO ĐỊNH

**L**á cờ ba sắc (cờ Pháp) không thể phát phới bay trên một thành lũy mà ở đó Phan Thanh Giản còn sống...  
(Trích thư của Chánh sứ Phan Thanh Giản gửi Tổng đốc các tỉnh An Giang và Hà Tiên)

“... Minh tinh chín chữ lòng son tạc!”  
(Nguyễn Đình Chiểu,  
Thơ điệu Phan Thanh Giản)

**1**. Ba Tri, vùng đất nghèo ven biển thuộc tỉnh Bến Tre, vùng đất nuôi dưỡng, đùm bọc những danh sĩ yêu nước ở Nam Kỳ đến tận địa, lúc sống cũng như khi chết<sup>1</sup>, vùng đất đã sản sinh người con hàn sĩ Phan Thanh Giản làm rạng rỡ quê nghèo Bảo Thạnh, vị *Tiến sĩ đầu tiên của đất Nam Kỳ!*

Người Ba Tri hãnh diện về người con từ thời niên thiếu đã toát lên phẩm chất làm người, biết đặt chữ hiếu trên hạnh phúc của riêng mình. Chàng thiếu niên ấy, là Phan Thanh Giản, đã “*đệ đơn lên Hiệp trấn Lương ở Vĩnh Long xin được thay cha vào tù*” lúc cha lâm vào vòng lao lý<sup>2</sup> thì chẳng thể “*Phan, Lâm mãi quốc...*” Một sự “*lộng giả thành chân*” của kẻ bề trên nào đó, trù úm rồi úp chụp cho cái gọi là câu ca dân gian? Mấy ai tin? Nhất là người làng ông. Người làng không hiểu lòng dạ đứa con của mình thì ai hiểu? Từ cổ chí kim, có những kẻ đi làm quan triều đình hoặc làm thượng quan xứ người thì được, nhưng đến lúc trở về làng làm dân thì chắc gì dân chẳng đuổi đi; bởi họ sợ lây nhục làng nước!? Phan Thanh Giản thì không, dân làng Bảo Thạnh ôm đứa con của họ vào lòng, khi đứa con đó tuyệt thực mười bảy ngày và dùng chén thuốc độc tuần tiết. Nếu hiểu tuần tiết theo nghĩa vì nghĩa lớn, thì họ Phan chỉ mong dùng cái chết của mình để thức tỉnh Tự Đức trước cái nhục nước, cái họa mất nước!

Bởi vậy, lệnh phán sau nghị án kết tội Phan Thanh Giản của vua Tự Đức: “*Xét phải tội chết, chưa đủ che được tội... Truy đoạt lại chức hàm và đeo bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi mãi cái án trăm giam hậu*” đã lộ rõ chân tướng “*được của ta, mất của người*” núp dưới vỏ bọc “*chủ*



hòa” nếu không muốn nói là “hèn nhát” của vua Tự Đức trước quân thù xâm lược đất nước. Tự Đức cay nghiệt với bề tôi bao nhiêu, người Nam Kỳ và dân Ba Tri càng thương cảm, tiếc nhớ Phan Thanh Giản bấy nhiêu!

\*\*\*

Những ngày cuối tháng Sáu<sup>3</sup>, mưa tầm tã thành Vĩnh Long. Bầu trời đầy mây ám khói đen. Phan Thanh Giản đóng kín thư phòng, nhịn ăn nhịn uống...

- Thưa cha! Con...

Lời thưa rụt rè và rất khê của đứa con bị người cha ngăn lại bằng cái khoát tay. Không gian buổi chiều im

ắng, tiếng côn trùng hòa điệu theo giọng ễnh ương buồn vọng về lê thê!

- Cha đã quyết, con đừng nói thêm lời nào nữa!

Lòng ông lúc nầy ngổn ngang trăm mối, ông nhớ da diết người thầy khai tâm: Nhà sư Nguyễn Văn Noa ở chùa làng Phú Ngãi; sư dạy ông đạo lý làm người, cầm tay ông dẫn đường nét chữ đứng thẳng của kẻ sĩ cầm bút. Rồi, ông nhớ thấy Võ Trường Toản, nhớ cụ Đồ Chiểu đang sống ở quê nhà, thương Dương Bình Tâm người dũng sĩ đánh đồn Chợ Rẫy, khâm phục Nguyễn Văn Lịch đốt tiểu hạm Espérance, tiếc Trương Định "mãnh hổ nan địch quân hổ" đành tự sát...<sup>4</sup>. Ông không thể quên những ánh mắt rực lửa của đồng bào Nam Kỳ cầm thù giặc Pháp và những nụ cười khinh bỉ triều đình Tự Đức bỏ rơi họ, trong đó có ông.

Đánh! Với ông, việc ấy chẳng chi do dự và hệ trọng. Ông sẵn sàng trả cân đai áo mào về cùng dân chống giặc Pháp như bao đấng anh hùng và nghĩa sĩ Nam Kỳ đã làm, nhưng rồi tránh sao khỏi thảm cảnh đầu rơi máu đổ của đồng bào. Ông quyết định trao thành cho giặc với điều kiện giặc không được sát hại đồng bào<sup>5</sup>. Ông chấp nhận thà nhục thân cứu dân lành thoát cơn lửa đỏ, cũng như thà "Nghĩ tội đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho quân phụ"<sup>6</sup>.

Trời chưa kịp rặng đông, ông thủ lễ trọn đạo quân thần rồi ung dung uống cạn chén độc dược...<sup>7</sup>. Và, "Trời đất từ rày mặc gió thu!" (Nguyễn Đình Chiểu).

**2** . Những cánh cò đáp đồng chiêm Bảo Thạnh, báo hiệu ngày sắp tàn!

Bà Phan Thanh Giản, nữ danh Trần Thị Hoạch, người làng quen miệng gọi bà Ba. Chẳng hiểu cô bác xóm giềng gọi bà Ba là gọi thứ hay gọi tên. Vì bà là vợ thứ ba của ông, sau khi hai người vợ trước vẫn sống sớm mữa phần; hoặc đó là cái tên Ba hồi nhỏ của ông. Bà Ba vốn xuất thân con quan Án sát Quảng Trị, gốc làng La Chũ nổi tiếng đất hiếu học thuộc Hương Trà. Lúc nhàn rỗi, bà thường nói: "Không vì là đất hiếu học, cư mang sĩ tử mà mang tên La Chũ! Làng quê La Chũ gánh nặng hàm dài lựa bằng cánh đồng lúa chạy về giữ nước sông Hương?!"

Người cùng thời ở quê ông thường nói vui: "Phan tiên sinh lấy vợ ba là để dễ mất việc nước". Có lẽ đúng chứ chẳng sai. Bà Ba theo chồng vô Nam và quá giang đò về Bảo Thạnh thay chồng phụng dưỡng cha già, nuôi một nách ba con nhỏ. Dù "lạ nước lạ cái" và dẫu nhiều lúc "thân đơn gối chiếc" bà chưa hề hé môi than, nói chi đến chuyện thờ. Bà sống chan hòa và nhơn đức với người thân bên chồng, với lối xóm.

Mỗi lần nghe tiếng chim vịt kêu chiêm, bà quận lòng nhớ cố hương, bà đứt ruột thương cha mẹ, ngong ngóng đợi tin chồng. Trên bốn mươi năm chồng đi làm quan, được bao lần chồng quay về nhà? Có lẽ, lần chồng về ở nhà lâu nhất là lần về chịu tang cha (1843). Chẳng tự nhiên Phan tiên sinh thốt lên:

*Từ thuở vương xe mối chỉ hồng  
Lòng nầy tạc dạ có non sông  
Đường mây cười tớ ham dong ruổi  
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lòng.*

(Ký nội, Phan Thanh Giản)

Bà nhứt mực nghe lời chồng. Vì bà hiểu, Phan Thanh Giản là người sống đạo đức, thanh liêm; người đi từ đói nghèo, lao khổ để làm nên sự rạng rỡ của kẻ sĩ đất Nam Kỳ lục tỉnh; người biết phải làm gì để tỏ rõ tấm lòng trung quân, ái quốc, thương dân. Và lại, thời thơ ấu, chồng bà đã từng nương nhờ cửa Phật dưới sự dạy dỗ của một nhà sư; lớn lên theo việc đèn sách với nhiều bậc túc nho... những điều đó đã hun đúc ở Phan Thanh Giản có cái tâm Từ Bi, có cái lễ sống Nhân-Trí-Dũng. Làm vợ một người như vậy, đáng lắm chứ!

Cho nên, ngày đó bà yên tâm và vui nhận những lời chồng cậy nhờ, cần dặn trước lúc xa nhau:

*Ơn nước nợ trai đành lỗi bạn  
Cha già, nhà khó cậy nhau cùng  
Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt  
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hời lòng!*

(Ký nội, Phan Thanh Giản)

Đã từng là tiểu thơ sống trong nhung lụa nhà quan, bà hiểu ít nhiều cái lẽ: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", có nghĩa, quan trường là nô lệ trong đám người nô lệ, lại càng nô lệ hơn. Chồng bà làm sao thoát khỏi! Nhiều đêm chong đèn gối vá áo cho con, lòng bà lo lắng lắm!

Và rồi, sự lo lắng của bà chẳng sai: Phan Thanh Giản trải qua bảy lần ngã nghiêng ngã ngựa ở chốn quan trường, tới chết thân cũng chẳng yên!

**3** . Chịu nhục thân ( trong ý nghĩa cái thân phận nhục nhã chứ không phải cái thân xác thật như cách hiểu thông thường) mà Phan Thanh Giản chẳng cần được nhục nước; và cái chết của ông không làm vua Tự Đức tỉnh giấc mộng cầu hòa với bầy sói đang lên cơn đói cùng với bọn triều thần bảo thủ sợ mất đặc quyền đặc lợi cố che mắt Hoàng thượng. Một bộ phận không nhỏ thuộc hoàng thân quốc thích, lo ngày mai chẳng là quốc thích hoàng thân khi vua vì dân vì nước, nên cố sức cản ngăn việc canh tân xứ sở.

Song, triều Nguyễn không thiếu những vị vua có tấm lòng. Năm 1886, vua Đồng Khánh đã ban chiếu chỉ: "Khai phục nguyên hàm... tên được khắc lại trên bia tiến sĩ ở Văn Miếu Huế...". Viết về Phan Thanh Giản, cụ Nguyễn Đình Chiểu hạ bút, rằng "Phan học sĩ hết lòng mưu quốc" (Văn tế lục tỉnh sĩ dân trận vong).

Vậy mà rồi, những năm sáu mươi thế kỷ trước, "Hành động giao nộp ba tỉnh miền Tây được Trần Huy Liệu đem ra bàn luận và đã kết tội ông là kẻ bán nước?"<sup>8</sup>.



Sau ngày đất nước thống nhất, có lẽ từ cái kết luận sắc lẹm và lạnh lùng kia mà tên ông đã bị xóa ở các nơi đã trang trọng tôn vinh và thờ phụng. Với ông, người con đất Bảo Thạnh xứ Ba Tri chẳng coi việc ấy ra chi, vì ông chấp nhận nhục thân từ hơn trăm năm trước, lúc mà kẻ “*mẫn tình mẫn tội ông*” còn là hạt bụi trong côi phong trần chưa được trời đất cơ cấu thành hình hài con người. Nếu có xót và đau là dân quê ông, dân Nam Bộ; những người đồng cảm và tiếc thương ông.

Tưởng rằng, chuyện về ông đến đây đã khép lại trong tiếng đồng vọng thực hư của định mệnh. Song, cũng như triều Nguyễn, thời đại trí tuệ và nhân văn, đất nước không thiếu những người có tấm lòng hiệp tâm cùng vượt qua rào cản hẹp hòi, đổ kỹ để đi đến kết luận: “*Phan Thanh Giản là người nổi tiếng về đạo đức, có nhiều đóng góp trong lịch sử dân tộc; nên đề nghị tôn vinh ông, cho khôi phục, tôn tạo những di tích và những gì gắn liền với ông*”<sup>9</sup>. Thế rồi, nhận định và đề nghị ấy đã được giới thẩm quyền chấp thuận.

\* \* \*

“*Trải qua một cuộc bể dâu*” (Truyện Kiều - Nguyễn Du), đất Ba Tri hội tụ những người con ưu tú bậc nhất Gia Định và về sau, là Nam Kỳ lục tỉnh: Thầy Võ Trường Toản, Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu... những con người đó, chẳng cần lưu danh thiên cổ, chẳng màng tôn vinh, phục hồi hay chà đạp, hạ bệ... Tất cả ngồn từ đó, xa xỉ và xa lạ... Cái họ cần, họ màng tới, là mong ai có trọng trách đối với nước đừng làm nhục nước!

Phan Thanh Giản, tự cái tên ông đã phảng phất hương thơm tình đất tình người Nam Bộ. “Dù ai nói

ngã nói nghiêng...” thì ông vẫn mãi là ông, không thể khác!<sup>10</sup>. ■

#### Chú thích:

1. Như các vị Võ Trường Toản, Nguyễn Đình Chiểu... (mộ thầy Võ Trường Toản được Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông... dời từ Gia Định về).

2. Năm 1815, Phan Thanh Ngạn (cha Phan Thanh Giản) đi tù; (*Chuyên khảo về Phan Thanh Giản*, Tập san Sử Địa, Sài Gòn).

3. Ngày 20-6-1867, Pháp chiếm Vĩnh Long.

4. Đêm 3 rạng 4-7-1860, Dương Bình Tâm cùng nghĩa quân đánh chiếm đồn Chợ Rẫy. Trưa ngày 10-12-1861, Nguyễn Văn Lịch tức Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa binh đốt tàu chiến Pháp tại vàm Nhứt Tảo. Đêm 19 rạng ngày 20-8-1864, Trương Định bị giặc Pháp vây do Huỳnh Công Tấn chỉ điểm, ông bị thương và tự sát tại Ao Dinh (Gò Công).

5. Từ 20-6 đến 24-6-1867, Pháp chiếm trọn 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

6. Trích “*Lá sớ gửi vua Tự Đức*” của Phan Thanh Giản trước khi tử nạn.

7. Ngày 4-8-1867 (Cụ Phan thọ 72 tuổi).

8. Trần Huy Liệu, *Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 55, trang 18-19, tháng 10 năm 1963.

9. Cục Di sản và Viện Sử học 2008.

10. “... Tôi khẳng định rằng, Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân mà lo không tròn bốn phận, cụ đã tự làm bản án cho chính: đó là cái chết. Một cuộc đời thanh sạch đáng để lại gương soi cho hậu thế” (Trích *Những suy nghĩ sau hai cuộc Hội nghị về nhân vật Phan Thanh Giản*, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt).

# Viết văn bằng ngôn ngữ thứ hai

HỒ ANH THÁI

**N**gười viết văn giỏi ngoại ngữ đôi khi được hỏi rằng họ có viết văn bằng ngoại ngữ hay không? Thường có ít nhất hai câu trả lời. Phần nhiều trả lời là không. Một ít người đáp rằng có.

**1**. Người ta chỉ có thể viết văn bằng tiếng mẹ đẻ. Đây là câu trả lời của những người khẳng định rằng họ không viết văn bằng ngoại ngữ. Văn chương vốn nối liền với dân tộc bằng một cuống rốn. Sinh ra ở ngôn ngữ nào thì chỉ có thể viết văn bằng ngôn ngữ ấy. Người ta không viết bằng chữ mà viết bằng tâm hồn dân tộc mình, viết bằng văn hóa dân tộc mình. Toàn bộ lịch sử, địa lý, chủng tộc... đã hợp sức để mượn tay nhà văn mà viết ra. Thần bí hóa thì bảo là thần thánh trên trời mượn tay nhà văn mà viết ra. Người ta không viết ra chữ, mà viết ra hồn cốt tâm linh văn hóa của dân tộc mình. Tuyệt đối hóa thì coi tiếng mẹ đẻ là công cụ duy nhất của nhà văn. Đã là ngôn ngữ thứ hai thì dù có giỏi giang đến thế nào, dù có học và thực hành đến hết đời, cũng không bao giờ sử dụng được như ngôn ngữ thứ nhất.

Tôi biết một số bạn trẻ giỏi ngoại ngữ từng có lúc viết truyện ngắn và làm thơ bằng tiếng Anh. Cảm tưởng thực sự là đang đọc những bài tập làm văn học trò. Một thứ tiếng Anh khô khan, cứng nhắc, thiếu hình ảnh, thiếu âm thanh, thiếu sắc độ mờ ảo. Một thứ nỗ lực của học trò theo những khuôn mẫu trong nhà trường. Văn ấy thiếu sự bay bổng tung tẩy của ngôn ngữ thuần thực thiện nghệ, văn ấy không hề đem lại khoái cảm ngôn ngữ cho người đọc. Trái lại, nó gây mệt mỏi và gây thương hại. Có cái gì đó giống như nghe ca sĩ Bắc hát giọng Nam và ca sĩ Nam hát giọng Bắc. Lại cũng có phần như nghe ca sĩ hát giọng giả, một cái giọng nữ cao lại cố làm thành giọng trầm cho thời thượng. Máy bạn viết văn tiếng Anh ấy về sau cũng tự biết, bằng cứ là văn của họ không có người đọc và họ đã bỏ viết bằng tiếng Anh.

**2**. Số nhà văn giỏi ngoại ngữ nhưng không thể viết văn bằng ngoại ngữ chiếm đến 90%, tôi cho là thế. Nhưng trong 10% viết bằng ngoại ngữ thì thành công không nhỏ.

Milan Kundera từ năm 1975 sang định cư ở Pháp, đã thôi viết bằng tiếng Séc mẹ đẻ mà chuyển sang viết tiếng Pháp. Thành tựu tác phẩm tiếng Séc của ông đã đủ gây được sự chú ý đặc biệt trên thế giới. Nhưng những tác phẩm quan trọng ở giai đoạn sau của ông đều bằng tiếng Pháp. Dù vẫn có người cho rằng việc viết tiếng Pháp đã kìm giữ tài năng của Kundera ở mức độ nhất định, thì vẫn phải thấy rằng những tiểu thuyết, đặc biệt là những tập tiểu luận bằng tiếng Pháp của ông, vẫn là hiện tượng được giới văn chương chờ đón.

Cao Hành Kiện sang Pháp muộn hơn, đến năm 1998 mới được cấp quyền công dân Pháp, và cũng chuyển từ tiếng Trung sang viết bằng tiếng Pháp. Tiếng Pháp của ông nghe đâu để viết kịch là chính, và kịch là mảng quan trọng của nhà văn này. Kundera chủ yếu dùng tiếng Pháp để viết tiểu luận, Cao Hành Kiện chủ yếu dùng tiếng Pháp để viết kịch. Liệu có phải khi dùng đến ngôn ngữ thứ hai, không phải là tiếng mẹ đẻ, hai ông lớn văn chương dường như cũng hơi né tránh tiểu thuyết và truyện ngắn, những thứ chủ yếu phải "viết bằng tâm hồn"?

Nhiều nhà văn người Trung Quốc sang Pháp sang Mỹ đã thành công khi chuyển sang viết bằng ngôn ngữ thứ hai. Sơn Táp (*Thiếu nữ đánh cờ vây, Đàn cổ cầm khóa thân*) và Đới Tư Kiệt (*Balzac và cô bé thợ may Trung Hoa*) đều viết bằng tiếng Pháp. Cáp Kim viết bằng tiếng Anh và tiểu thuyết *Đợi chờ* gây xôn xao văn đàn nước Mỹ. Trường hợp Cáp Kim thật đặc biệt, sau khi đi làm nghĩa vụ quân sự ở Trung Quốc, ông mới học tiếng Anh rồi sau đó di cư sang Mỹ. Người ta chỉ có thể thuần thực ngôn ngữ thứ hai đến mức dùng nó viết văn nếu như học thứ tiếng ấy trước mười tuổi. Điều này dường như không đúng với các trường hợp vừa kể, lại càng không đúng với Cáp Kim, người học tiếng Anh khi đã nhiều tuổi, lại sau khi đã mòn mỏi ở quân ngũ. Tuổi ấy dùng ngoại ngữ để giao tiếp xã hội đã khó, viết văn là chuyện càng khó hơn.

Cánh nhà văn gốc Trung Quốc viết bằng ngoại ngữ có sức hấp dẫn riêng mà nhà văn bản địa Âu - Mỹ không có: đây là cái hồn Tàu trong xác Tây. Họ cũng có cái hấp dẫn riêng mà nhà văn Trung Quốc ở trong nước khó có: đây là phương pháp tiểu thuyết hiện đại theo kiểu phương Tây. Cùng một nội dung ấy, nhà văn



ở Trung Hoa lục địa có thể viết một nghìn trang thì nhà văn gốc Hoa chỉ viết vài ba trăm trang. Lối văn của tiểu thuyết chương hồi đông dài miêu tả phong vũ giang san bị loại bỏ. Dùng ngoại ngữ để viết, nhà văn không thể miêu tả tỉ mỉ mây bay gió cuốn, không miêu tả chi li trạng thái tâm lý, mà tâm lý được diễn tả qua hành vi qua biến cố. Tất cả đã được nén lại. Kiệm lời. Cái nén và cái kiệm tạo ra nét độc đáo cho tác phẩm của họ.

Nhưng để chứng minh cho việc có thể dùng ngôn ngữ thứ hai mà viết văn thành công, bằng chứng hùng hồn hơn cả phải là dòng văn học viết tiếng Anh ở tiểu lục địa Ấn Độ. Salman Rushdie có một sự nghiệp tiểu thuyết đồ sộ, đặc biệt là *Những đứa con của nửa đêm*. Arundhati Roy với *Ông trùm chuyện vặt* (bản tiếng Việt là *Chúa trời của những điều vặt vặt*). Kiran Desai với *Di sản của mất mát*. R.K. Narayan với *The Financial Expert*, *The Guide*. Amitav Ghosh với *The Shadow Lines*, *River of Smoke*. Vikram Seth với *A Suitable Boy*. Jhumpa Lahiri với *Người dịch bệnh*... Như đã kể trong một bài viết khác, những tác phẩm mới của họ được người đọc Âu - Mỹ đón chờ, có người trở thành ứng cử viên nhiều năm của giải Nobel văn học, nhiều người đoạt giải thưởng lớn như Booker của khối những nước nói tiếng Anh, như giải sách quốc gia Mỹ, giải Pulitzer... Người ta thú vị với dòng văn chương gốc Ấn khi được thưởng thức một thứ tiếng Anh rất mới mẻ, đầy sinh sắc và độc đáo.

Nói cách khác, các nhà văn gốc Ấn đã làm mới cho tiếng Anh, nhuận sắc cho nó, vào lúc nhiều nhà ngôn ngữ Anh Mỹ cho rằng tiếng Anh đã trở nên xơ cứng và suy giảm khả năng biểu cảm.

Sử dụng ngôn ngữ là một thứ tài năng. Vậy nói cho đến tận cùng: không dùng được ngôn ngữ thứ hai để viết văn thì nguyên nhân lớn nhất là chưa đủ tài để làm chủ ngôn ngữ ấy. Các nhà văn giỏi ngoại ngữ nhiều người thực sự có tài văn chương, nhưng cái tài ngoại ngữ của họ thì chưa đủ độ để viết văn. Không hề gì. Nhà văn trước hết hãy viết bằng tiếng mẹ đẻ, đó là đóng góp lớn nhất và phù hợp nhất của anh ta. Nhà văn trước hết thuộc về dân tộc mình, đi đến tận cùng dân tộc, anh ta sẽ ra được với thế giới.

Có người bảo: đất nước nào có nhà văn ấy. Hàm ý nhà văn chỉ được thấu hiểu hơn cả, được chia sẻ hơn cả, được ưa thích hơn cả ở trên chính đất nước mình. Người hiểu anh ta nhất là dân tộc mình. Hầu như thế.

Nhưng cũng có trường hợp nhà văn hình như phải là đứa con ghê của dân tộc mình. Nhà văn khi ấy phải là người chỉ ra được thói xấu của dân tộc mình, như Dostoyevsky, như Lỗ Tấn, như Elfriede Jelinek... Nhà văn khi ấy cũng phải nổi loạn bằng ngôn ngữ, không hài lòng với ngôn ngữ của dân tộc mình mà tìm cách phá ra. Nhưng đây là một trường hợp khác, và sẽ được bàn ở một dịp khác. ■





# Không gian, thời gian trong mỗi chuyến đi

LÊ HẢI ĐĂNG

**N**ói cho cùng, du lịch là sự dịch chuyển trong không gian, thời gian và chính bản thân ta. Hoạt động du lịch với những sản phẩm đa dạng ngày càng tiến gần tới cuộc hành trình khám phá thế giới bên ngoài và tiến sâu hơn vào thế giới bên trong nhằm tìm kiếm sự thay đổi kỳ diệu. Nhiều chuyến đi giống như cuộc hành hương phi tôn giáo, mang màu sắc thế tục. Sự xê dịch đem lại cảm giác mới mẻ, tinh khôi về miền đất đã qua, ẩn chứa đằng sau là những trải nghiệm phong phú, khác biệt. Vì thế, không gian, thời gian qua từng chuyến đi không bó hẹp biên độ hay hạn độ. Thực tại có thể co giãn hữu tình theo từng nhịp bước ta đi cùng tinh thần dẫn thân.

Tim hiểu quá khứ vừa cho cái nhìn lịch sử - phi không gian -, vừa đem đến khả năng thẩm thấu - phi thời gian - để thực hiện chuyến du hành dài hơn thời gian di chuyển, rộng hơn không gian xê dịch. Bởi vậy, kiến thức về lịch sử, văn hóa, thiên nhiên, đất đai, con người... trở thành hành

trang chỉ lối trong mỗi chuyến đi xa. Những nhà thám hiểm, dân tộc học khi xưa trước khi lên đường phải trang bị kỹ năng sinh tồn trên miền đất lạ. Ngày nay, thông tin, dự báo, dịch vụ, hướng dẫn, điện thoại thông minh... đã được trang bị, cung cấp khá đầy đủ. Nhưng, kiến thức, sức khỏe, tinh thần dẫn thân, ước mơ chinh phục hay đơn giản là tìm hiểu cuộc sống, đất nước, con người qua mỗi miền đất chỉ có chúng ta tự trang bị.

Hành trang mang theo càng phong phú càng giúp con người đón nhận được nhiều hơn từ hiện thực. Bởi, chúng ta không chỉ dịch chuyển trong không gian, thời gian cụ thể, mà còn có thể dõi tầm mắt nhìn về quá khứ xa xăm, cắt ngang qua từng lớp văn hóa ẩn chứa dưới lòng đất hiện tại. Không gian mênh mông, thời gian muôn tuổi theo đó dài rộng, trải khắp trên cánh đồng tri thức bất tận. Lịch sử, ký ức văn hóa ẩn hiện dưới muôn vàn sắc màu lung linh, huyền ảo, vừa thực, vừa hư, chân xác, kỳ diệu. Hiểu biết giúp cá nhân thấu hiểu, rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên, thồn thức



dưới mây trời, gió lộng và đặc biệt, biết mình đang ở đâu trên cuộc hành trình khám phá miền biên viễn xa xôi đang trải dài dưới gót chân.

Tri thức giống như chiếc la bàn đưa ta vào thực tại, rồi xoay chuyển trục không gian, thời gian, để từ hiện tại trở về quá khứ, từ ngoại cảnh vào tâm cảnh nhằm quan sát những thay đổi qua góc nhìn đa chiều. Chủ thể có thể dịch chuyển nhanh chóng từ khoảng thời gian này sang thời gian khác, từ không gian này sang không gian khác, ngắm nhìn bức tranh sơn hà rực rỡ sắc màu.

Sản phẩm du lịch vốn là những giá trị mang tính thỏa thuận. Nó không giống như hàng hóa thông thường. Ở đây, du lịch tác động đến con người theo cách mà người ta tiếp nhận, đón nhận. Nhớ lần đầu tới Bắc Kinh, tôi chưa hề đi tham quan Tử Cấm Thành, Di Hòa Viên hay chinh phục Vạn Lý Trường Thành để trở thành Hào hán theo quan niệm “Bất đáo Trường Thành phi hảo hán” mà lang thang trong những con hẻm quanh co, hữu tình. Chính tại đây, tôi bắt gặp

một Bắc Kinh xưa cũ, cổ kính, nhân văn bên cạnh một đô thị đang vươn mình trở dậy bằng những tòa nhà chọc trời, chen nhau hướng ra đại lộ. Trên nhiều tuyến đường, vỉa hè rộng rãi thênh thang, nhưng thiếu bước chân người, xe cộ lướt qua nhanh, vô tình.

Hai yếu tố có khả năng níu chân du khách chính là môi trường thiên nhiên và nhân văn. Cảm nhận về sự khác biệt đối với con người nơi chúng tôi bắt đầu từ các giác quan, như cảnh sắc thiên nhiên, con người, nhà cửa, phố xá, tiếng cười, tiếng nói, tiếng rao hàng, tiếng chào mời, kể cả tiếng thì thầm của gió, tiếng lao xao trên tán lá cây, mùi cỏ, mùi hoa, mùi dầu gội đầu, vật dụng sinh hoạt, vị của trái cây, bánh, chè, các món ăn, không khí mơn man, dịu dàng trên làn da... dù hữu hình hay vô hình, chợt đến hay trường tồn, tất cả đều tác động trực tiếp vào cảm quan con người.

Thông tin hiện đã tràn ngập, phủ kín nhiều vùng miền trên cả nước. Người phương xa có thể nắm bắt được thông tin liên quan đến chất lượng dịch vụ, hoạt động sản phẩm... nhưng mùi thơm cỏ cây, đồ dùng, phong thổ, đất đai, tình người, nếp sinh hoạt, những âm thanh sống động của cuộc sống chỉ có thể đến tận nơi, nhìn tận mắt, nghe và cảm nhận mới có thể thấy hết được những khác biệt qua từng miền đất. Sản phẩm du lịch nghèo nàn chính là vì chúng ta chưa biết cách tiếp thu, học tập từ sự đa dạng của đời sống. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đặt trong bối cảnh cuối thế kỷ trước từng gắn liền với giữ gìn bản sắc văn hóa. Thay vì khoác lên khu phố, con hẻm bộ đồng phục giống nhau, hãy bảo lưu thuộc tính đa dạng của chúng để cho không gian cư trú chan chứa tình người xứ sở. Cuộc hành trình khám phá không nên dừng bước trước những danh lam, cổ tích, mà phải bước tiếp vào một không gian rộng mở, vô biên bằng cách thẩm thấu, thay đổi giá trị từ thực tại tới lịch sử, từ nếp sinh hoạt đến tín ngưỡng, từ ẩm thực, văn hóa đến nghệ thuật và cuối cùng là tình người đến, ở và đi.

Tình yêu đối với thiên nhiên, cuộc sống phải không ngừng được bồi đắp, hun đúc, nuôi dưỡng qua từng ngày và mỗi chuyến đi. Công tác tâm hồn này cần thiết cho cả người ở lẫn người đi. Nếu ra đi không mang theo một trái tim biết rung động, cảm nhận, yêu thương trước thiên nhiên, đất trời, non nước, con người, văn hóa... thì trở về sẽ có bằng một khoảng trống hoang vu về tâm hồn. Bước chân xê dịch luôn tiềm ẩn thuộc tính hai mặt mà một mặt có nguy cơ làm méo mó cảnh quan, biến dạng môi trường, đặc biệt là hậu quả về rác. Vì, ngành công nghiệp không khói này chứa rất nhiều rác. Chính quyền địa phương cần chấn chỉnh hành vi con người từ bên trong đến bên ngoài, thông qua giáo dục và thực thi pháp luật. Vun đắp tình yêu chính là điều cốt lõi trong hoạt động du lịch. Dù du khách đến rồi đi, nhưng họ sẽ để lại ấn tượng, tình cảm lưu luyến trên những con đường đã đi qua. ■



**1** Những người con Phật khắp mọi nơi đều biết Pháp sư Huyền Trang với cuộc hành hương thỉnh kinh rất phi thường. Ngài đã đi từ Tràng An, kinh đô của Trung Quốc, năm 629 sau Tây lịch, vào lúc 26 tuổi, trải qua không biết bao nhiêu khó khăn do thời tiết khắc nghiệt, địa bàn hiểm trở, sương lam chướng khí, giặc cướp rình rập, lẫn đói, khát... có lúc cái chết như cận kề, thế mà ngài đã đến Tây Vực, nơi có thánh địa Phật giáo, để rồi về lại kinh đô Tràng An với 657 bộ kinh bằng chữ Phạn. Ngài đã đi qua 110 nước, nơi cuối cùng là Vương Xá, mất tất cả 17 năm trước khi về lại Trung Quốc. Ngoài mục đích thỉnh kinh, ngài còn đi chiêm bái quê hương Đức Phật, hành hương theo bước chân của Đức Phật, chiêm bái các thắng tích Phật giáo và học hỏi, thuyết pháp ở nhiều nơi.

Sử sách đã ghi hành trạng gian nan của ngài, riêng tôi, tôi đặc biệt chú ý một đoạn trong sách *"Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả"* của Bhikshu Thích Minh Châu, do Thích nữ Trí Hải dịch từ bản tiếng Anh (Nxb Hồng Đức, 2016, trang 91, 92): *"Pháp sư không bao giờ quên tả chi tiết những bảo tháp và chùa chiền thờ xá-lợi Phật (...) Chẳng hạn, trong vương quốc Ba-lợi-ca có một ngôi chùa mới. Trong chùa này, ở giữa phòng thờ tượng Phật, phía Nam có một cái chậu Đức Phật thường dùng để tắm rửa, chứa đựng một "thốn" nước (...) Ngoài ra còn có một cái răng Phật, dài chừng 2 phân, rộng 1 phân, màu trắng ngà và chất sáng trong. Lại có một chiếc cán chổi của Phật làm bằng thứ cỏ Kusa dài chừng 5 tấc, chu vi hơn 1 tấc. Cán nạm ngọc quý"*.

Lợi lạc thay ngài Huyền Trang được chiêm bái xá-lợi Phật và các di vật của Đức Phật cách đây đã gần 1.400 năm và nay chắc không còn nữa. Hai di vật: một chậu nước để làm sạch thân và một cán chổi để làm sạch chùa, sạch sân, sạch nơi ở. Cái chổi gắn liền với sân chùa, gắn liền với đời sống của người tu. Cái chổi được xem như là hình tượng mà Đức Phật sử dụng như là công án trao truyền cho vị đệ tử của mình, ngài Châu-lợi-bàn-đặc.

**2** "Châu-lợi-bàn-đà-dà hay Châu-lợi-bàn-đặc (Cūdapanthaka) là vị La-hán thứ 16 trong Thập bát La-hán. Khi Đức Phật còn tại thế, ông là con của một vị Bà-la-môn tại thành Vương Xá; sau, cùng với anh là Ma-ha-bàn-đặc (Mahāpanthaka) đều

xuất gia làm đệ tử Phật. Bẩm tánh của ông chậm lụt, ngu độn; khi học giáo lý, tụng kinh, ông đều quên mất, chẳng nhớ một câu một từ nào, thậm chí đến tên của ông cũng quên mất, không nhớ; cho nên người đương thời gọi ông là ngu lộn. Trong kinh *Tăng nhất A-hàm* có kể câu chuyện anh ông thấy vậy bảo rằng, nếu ngu si không thuộc chữ nào thì nên trở về thế tục, không nên ở trong chùa và đuổi ông ra khỏi chùa. Ông ra trước cổng chùa đau xót, khóc lóc thảm thiết. Đức Phật dùng tuệ nhãn thanh tịnh thấy được tình cảnh này, bèn từ tinh thất đến Kỳ-hoàn tinh xá gặp Châu-lợi-bàn-đặc, khuyên nhủ ông nên dùng chổi để quét sạch những vô minh, ngu muội, nghiệp chướng trong người mình. Ngài chỉ dạy cho một câu *"phất trần hư cấu"* (quét bụi trừ nhớp) và khuyên ông nên ngày đêm vừa lau chùi dép của chư Tăng, vừa tụng niệm, quán sát, tư duy và thực hành. Ông chậm lụt đến nỗi khi đọc câu trên thì quên quét, đọc chữ trước quên chữ sau, hay quét thì quên đọc câu kệ ấy. Có một hôm nọ, khi đang tụng câu đó, ông hốt nhiên đại ngộ, chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng ngộ, thần thông của ông rất kỳ diệu."<sup>1</sup>

Nếu cái chổi như là công án thiền, thì cái chổi cũng là vật tượng trưng cho hạnh nguyện của một vị cư sĩ Việt Nam tiếng tăm. Thật là kỳ diệu và phân minh, trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ trước, cả ba miền đều có những cư sĩ xuất sắc mà ngày nay lịch sử Phật giáo đều tán dương công đức, đặc biệt miền Trung có cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám (1897-1969), miền Nam có cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền (1905-1973), và ở miền Bắc có cư sĩ Thiều Chửu (1902-1954). Vì những biến cố lịch sử lớn lao phủ lên số phận con người, cho nên cư sĩ Thiều Chửu không được biết đến nhiều lắm; tuy nhiên ít nhất giới học thuật và nghiên cứu đều biết đến công trình *"Hán Việt từ điển"* để đời của ông.

**3** Cư sĩ Thiều Chửu, tên thật là Nguyễn Hữu Kha, quê quán làng Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội, sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học nhiều đời, thân sinh là cụ Cử Cầu, một nhà hoạt động cách mạng lão thành trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

Từ thuở nhỏ, ông đã được sống với bà nội, vốn là một cô Tú văn hay chữ giỏi ở đất Hà Nội và lại là người Phật tử mộ đạo thuần thành. Do đó, ông đã tiếp cận được nếp sống đạo hạnh, tập ăn chay từ năm lên 8 tuổi, và cũng nhờ bà nội chỉ dạy cận kề về Nho học, nên ông đã sớm tinh thông *Tứ thư, Ngũ kinh*. Được thừa hưởng vốn liếng căn bản quan trọng ấy, khi vào độ tuổi thiếu niên ông được học chữ Quốc ngữ, đồng thời tự nghiên cứu thông thạo các ngoại ngữ Anh, Pháp, Hoa và Nhật. Nhờ thiên tư sẵn có, ông dễ dàng bước vào lãnh vực nghiên cứu giáo lý Phật-đà, và thấm nhuần sâu sắc, nhanh chóng.

Năm Tân Dậu (1921), lúc 20 tuổi, ông đã bắt đầu dạy Nho học cho Tăng đồ quanh vùng, nên có điều kiện trao đổi, tìm hiểu thêm trong việc nghiên cứu giáo lý. Từ đó, nhận thấy mình có túc duyên với Phật pháp, và với khả năng tri thức của mình, ông sẵn sàng hộ pháp. Bằng tâm nguyện và tư thế một người cư sĩ, ông đảm nhận phụ giảng cho Tăng Ni và làm công tác từ thiện xã hội.

Tâm nguyện cao đẹp đó, được ông thể hiện qua nếp sống giản dị, đạm bạc. Ông bắt đầu trường chay và mỗi ngày chỉ ăn một bữa; y phục đơn giản như những người chân quê.

Năm 1934 Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập và ông là một thành viên từ đầu. Ông là người điều hành và cây bút chủ lực của tạp chí *Đức Tuệ*.

Năm 1941, nhằm phát triển công tác giáo dục và từ thiện xã hội, Hòa thượng Trí Hải đã ủy thác cho ông lập trường Phổ Quang và nghĩa trang Tế Độ, cả hai cơ sở này đặt tại ngoại thành Hà Nội. Ông tận tình trông nom và ra sức dạy học. Lớp học có các Tăng Ni theo học; ngoài việc dạy chương trình thế học, Nho học, ông còn kiêm giảng dạy Phật học cho Tăng Ni. Từ những lớp Phật học đầu tiên, có những vị đã trở thành danh tăng sau này như Hòa thượng Tâm Tịch, Hòa thượng Thanh Kiểm..., bên Ni như Ni sư Đàm Tuệ, Ni sư Đàm Ảnh...

Trong thời kỳ chống Pháp vô cùng khó khăn, nhân dân sơ tán, đi đến đâu ông cũng cùng học trò xây dựng trường học, cất nhà cho người nghèo và kiên định giữ đúng thời khóa của bản thân. Vẫn ăn ngày một bữa, đêm thức dịch kinh, chỉ ngủ 3 giờ đồng hồ, 2 giờ sáng thức dậy ngồi thiền, trì chú, rồi tập thể dục, uống trà và đôi phút ngâm thơ... Ông nghiêm khắc với bản thân cho nên với đồ chúng ông cũng đối xử nghiêm minh triệt để, kỷ luật gắt gao khi có sai phạm. Riêng đối với Tăng Ni, tuy là học trò của ông, nhưng ông luôn kính lễ, sách tấn hộ tu học và tận tâm chỉ dạy sở học của mình cho họ<sup>2</sup>.

Thiếu Chử để lại 93 tác phẩm viết và dịch. Ngoài bộ *Hán Việt từ điển* có giá trị vượt thời gian, ông còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật như *Kinh Di Đà, Thủy Sám, Địa Tạng, Kim Cương Bát Nhã, Viên Giác, Pháp Hoa, Dược Sư, Phả Môn, Di Giáo, Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Lễ Sáu Phương, Lục Tổ Đàn Kinh, Khóa Hư*. Các sách dịch khác của ông có thể kể: *Vì sao tôi tin Phật giáo, Phật học cương yếu, Tây du ký...*

Ông cũng viết các sách về Phật học như *Sự tích Phật tổ điển ca, Nhòm qua cửa Phật, Cải tà quy chính, Khóa tụng hàng ngày, Con đường Phật học thế kỷ 20*.<sup>3</sup>

Bút danh Thiếu Chử có ý nghĩa gì? Theo Từ điển Hán Việt do chính ông biên soạn thì Thiếu Chử là “Cái chổi, cái dùng để quét để giặt rửa đều gọi là chử”. Riêng chữ Thiếu, từ điển đó cắt nghĩa:

Thiếu: Hoa lau, cành nứt nở ra hoa, không có bầu có cánh. Nay ta gọi trẻ con thông minh xinh đẹp là điều tú 蓍秀 ý nói như hoa lau một ngọn đã nứt ra hoa vậy. Người ta lại dùng những cánh nó làm chổi gọi là điều trữu 蓍帚 tức chổi lau. Ta quen đọc là chữ thiếu.

Khi lấy bút danh là Thiếu Chử, ông đã thể hiện rõ tâm nguyện của mình là “*cây chổi quét bụi ấy sẽ làm trong sáng Giáo hội qua ngòi bút cải cách của mình*”. Ngoài ra, “*hàng ngày phải lau quét bụi trần tham nhiễm, dùng để gương lòng vẫn đục bởi phiền não vô minh che lấp*”. Ông không trở thành tu sĩ mà chỉ là một cư sĩ, tu tại gia.

**4** Quét chùa, quét sân, việc quá dễ, ai làm không được? Thế nhưng những công việc bình thường như thế, diễn ra hàng ngày, mùa này qua mùa khác, năm này qua năm khác, nếu làm chú tâm, chu đáo, không bình phẩm, với tâm hoan hỷ... thì tất cả đều là phương tiện tu tập chánh niệm. Một vị đại lão hòa thượng đã làm như thế suốt cả cuộc đời tu học và hành đạo. Đó là cố Đại lão Hòa thượng Thích Chánh Trí, trú trì Tổ đình Hải Đức (Huế), đã viên tịch năm ngoài - ngày 22 tháng 3 năm Bính Thân (nhằm ngày 28-4-2016), trụ thế 99 năm, 72 hạ lạp. “Gần một trăm năm trụ thế, cố Hòa thượng đã sống trọn vẹn một đời thanh bần, giản dị, bình lặng, vô ngã vị tha, thương yêu đồ chúng và con cháu, gần gũi với xóm làng. Hạnh nguyện một đời của cố Hòa thượng là “*Cần tảo Già-lam địa*”. Nhờ ân đức của cố Hòa thượng hàng đệ tử nay đã trưởng thành, kế tục quý ngài phụng hành Phật sự tại chốn Tổ cũng như thừa đương Phật sự tại nhiều địa phương”<sup>4</sup>

*“Cần tảo già-lam địa  
Thời thời phước huệ sanh  
Nhược vô tân khách chí  
Diệc hữu thánh nhân hành”*  
(Siêng quét đất già-lam  
Ngày ngày phước huệ sanh  
Tuy không có khách đến  
Cũng có thánh nhân đi). ■

#### Chú thích:

1. Theo Nguyên Tâm, *Từ điển thuật ngữ và điển tích Tam giáo*, Nhà xuất bản Tôn Giáo, năm 2011, trang 141.

2. Trích: *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX* - Tập I, Thích Đồng Bổn chủ biên, Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh ấn hành.

3. Theo Wikipedia tiếng Việt.

4. Trích tiểu sử của cố Đại lão Hòa thượng, được cung tuyên tại lễ nhập bào tháp.

# Việc nhỏ lợi to

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Mới đây, cách lễ Phật đản không xa, tôi được dịp dự lễ Hằng thuận tại chùa Thiên Tôn ở đường An Bình, Q.5, TP.HCM. Lễ Hằng thuận là một hình thức lễ cưới trang nghiêm được tổ chức tại chùa hay thiền viện với các nghi thức Phật giáo, nhằm mở đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc và viên mãn. Theo tên gọi, “Hằng” là thường xuyên, luôn luôn, còn “Thuận” là hòa thuận, đồng thuận, hướng về những điều cao thượng, tốt đẹp trong đời sống. Mục đích của lễ này là để cô dâu chú rể ý thức được vai trò và tầm quan trọng của hôn nhân, từ đó hướng tới cuộc sống gia đình ấm êm, hạnh phúc.

Kết thúc buổi lễ, tôi được mời dự tiệc tổ chức ngay tại chùa, với các bàn tiệc bày biện trang trọng có đầy đủ các món như tiệc cưới tại nhà hàng. Điểm khác biệt là toàn bộ món ăn đều là món chay rất thanh tịnh và bữa tiệc diễn ra trong một không khí thật ấm cúng trang nghiêm.

Thú thật dự lễ Hằng thuận đã giúp tôi có hai điều tâm đắc.

Thứ nhất, lễ Hằng thuận có ý nghĩa tích cực to lớn đối với hạnh phúc lứa đôi. Trong đời sống thế gian, sở dĩ gia đình không hạnh phúc, cuộc sống không hòa hợp là do sự thiếu hiểu biết về nhau, chưa thật sự cảm thông nhau giữa chồng và vợ. Đôi nam nữ lấy nhau, thông thường là vì sự bộc phát của lòng ham muốn nhất thời giữa nam và nữ, không có sự chuẩn bị cho nền tảng hạnh phúc gia đình lâu dài để dẫn đến xung khắc, đổ vỡ sau khi lập gia đình. Rõ ràng, Phật giáo đã đóng vai trò trợ duyên cho các gia đình Phật tử và những thanh niên sắp bước vào ngưỡng cửa hôn nhân, giúp họ có sự hiểu biết làm hành trang xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc bằng cách giúp tổ chức lễ Hằng thuận.

Hằng thuận có nghĩa là đôi vợ chồng luôn luôn sống hòa thuận, tương kính nhường nhịn lẫn nhau, cùng nhau vừa làm tròn trách nhiệm bổn phận của người vợ người chồng trong đời sống gia đình, vừa hướng đến con đường tu tập giác ngộ giải thoát, trên cơ sở giữ gìn ngũ giới, hành thập thiện và tu tập theo Bát Chánh Đạo...

Điều tâm đắc thứ hai đã đến khi dự tiệc sau lễ. Ngồi cạnh tôi trong buổi tiệc là một chị rất vui vẻ. Chị cứ nhắc mãi: “Đũa là để gắp thức ăn cho vào đĩa hay chén chứ không cho vào miệng, cho thức ăn vào miệng là cái muỗng kia kia”. Đúng là mỗi người dự tiệc, ngoài chén, đĩa, ly, còn được cấp cho một đôi đũa và một cái muỗng dùng

cho cá nhân. Đây là lần đầu tiên tôi tập dùng đũa chỉ để gắp thức ăn vào chén chứ không dùng để đưa thức ăn trực tiếp vào miệng; còn để đưa thực phẩm vào miệng, tôi dùng muỗng; và muỗng ấy thì không chạm vào thức ăn chung. Chưa thành thói quen nên tôi cứ quên động tác ấy và chị bạn ngồi cạnh cứ nhắc mãi. Tôi không tán thành hay phản đối cách ăn như trên, nhưng điều tôi tâm đắc là cần ý thức việc ngăn ngừa sự lây nhiễm bệnh qua đường tiêu hóa hay cách ăn uống. Theo thói quen nghề nghiệp, kể từ lúc ấy, hể rảnh rỗi là tôi lại nghĩ mãi về con vi khuẩn có tên là *Helicobacter pylori*.

## Việc nhỏ lợi to

*Helicobacter pylori* viết tắt HP là vi khuẩn sống trong dạ dày có thể gây viêm loét niêm mạc dạ dày-tá tràng. HP còn được xác định là nguyên nhân hàng đầu có thể gây ung thư dạ dày. Năm 2014, tỉ lệ nhiễm vi khuẩn HP ở Mỹ được ước tính vào khoảng 30-67% và trên toàn thế giới là 50-80%. Ở các nước có nền công nghiệp chưa phát triển như nước ta, do yếu kém về điều kiện nguồn nước, thực phẩm và vệ sinh con người, tỉ lệ nhiễm vi khuẩn này chiếm đến 90% dân số. Nếu tránh được các yếu tố nguy cơ và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa nhất định, ta có thể giảm nguy cơ bị nhiễm khuẩn HP.

Thời tôi còn là sinh viên dược khoa, vào đầu những năm 1970, không ai nghĩ là trị bệnh viêm loét dạ dày-tá tràng (VLDDTT) mà lại dùng kháng sinh. Mãi đến năm 1983, Marshall và Warren công bố phát hiện một loại xoắn khuẩn gram âm hiện diện ở niêm mạc dạ dày, trước đặt tên *Campylobacter pyloridis* sau định danh là *Helicobacter pylori*. Và từ đó đến nay người ta dùng kháng sinh để trị VLDDTT khi phát hiện là do con HP.

Vi khuẩn HP sinh sống được tại niêm mạc dạ dày bởi vì chúng thường xuyên tiết ra men (enzym) urease phân giải urê có ở niêm mạc tạo thành ammoniac, ammoniac trung hòa acid dịch vị chung quanh nó tạo thành tiểu trung gian trung tính bao bọc lấy chúng. Chứ nó không phải là mình đồng da sắt gì để có thể sống ở môi trường quá ư nhiều acid là dạ dày. Chính do tiết urease đồng thời với các men khác như protease, lipase làm cho HP gây thoái biến, giảm độ nhầy của lớp nhầy tức làm suy yếu hàng rào bảo vệ niêm mạc và có thể gây viêm loét.

Hiện nay, gần như toàn bộ cấu trúc *gien* của vi khuẩn HP đã được xác định và người ta phân ra làm hai loại: loại “hiền” và loại “độc” (điều này giải thích tại sao có

người bị nhiễm HP nhưng không phát bệnh viêm loét). Loại độc là loại tiết *độc tố tế bào* (cytotoxin) để gây viêm, loét và cuối cùng có thể dẫn đến ung thư dạ dày, loại này có hai *gien* là *cag A* và *vac A*.

Tiệt trừ HP rất khó vì con vi khuẩn này phát sinh tính đề kháng tức chống lại tác dụng của kháng sinh rất nhanh và phức tạp. Để đối phó với tính đề kháng rất nhanh của HP các nhà khoa học Y Dược luôn theo dõi và tìm ra các phác đồ điều trị mới hiệu quả thay cho các phác đồ bị thất bại. Đầu tiên phải dùng *Phác đồ ban đầu ba thuốc* (trong đó có hai kháng sinh). Khi phác đồ ban đầu ba thuốc thất bại phải dùng *Phác đồ bốn thuốc* (có hai kháng sinh). Thất bại nữa phải dùng *Phác đồ bốn thuốc điều trị "liên tiếp"* (sequential therapy, có ba kháng sinh). Mới đây nhất là *Phác đồ "cứu vãn"* (salvage regimen), đây là phác đồ dùng sau cùng khi các phác đồ vừa kể thất bại, đặc biệt dùng phải dùng các kháng sinh mới là levofloxacin hoặc rifabutin. Ôi, trị HP quả là khó ghê gớm!

Việc điều trị HP rất khó khăn nên từ lâu, người ta nghĩ đến phòng ngừa tức không để HP lây nhiễm từ người này sang người khác. Không bị lây nhiễm thì không phải gian nan trong việc điều trị.

Vi khuẩn HP có thể có trong nước bọt, chất nôn và dịch tiết ra từ dạ dày hoặc miệng. Nguy cơ nhiễm khuẩn HP sẽ tăng nếu những chất này được đưa đến miệng hoặc cho tay vào miệng sau khi chạm vào những nơi chứa vi khuẩn. Đối với người dân châu Á, dùng đũa ăn cơm vừa gấp thức ăn vừa và cơm và cho thức ăn vào miệng, thì có nguy cơ rất cao HP sẽ từ miệng người bị nhiễm theo đũa và cơm lây vào thức ăn khi được dùng để gấp.

Như vậy, dùng đũa vừa ăn vừa gấp chính là *con đường truyền nhiễm HP ngẫu nhiên miệng-miệng*. Vì nhiều người không biết bản thân đã nhiễm khuẩn HP nên vi khuẩn có thể dễ dàng lây lan từ người này sang người khác con đường truyền nhiễm miệng-miệng này.

Khi giảng bài cho sinh viên dược khoa về vi khuẩn HP, tôi bị ám ảnh về cách lây truyền của chúng. Các nghiên cứu y khoa đã chỉ ra, HP có nhiều trong nước bọt, mảng cao răng, niêm mạc dạ dày của người bệnh, lan truyền qua người lành chủ yếu thông qua đường ăn uống. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nhiễm HP trong cộng đồng nước ta rất cao là do thói quen ăn uống "chung dụng". Thông thường khi ăn uống người Việt luôn có thói quen chấm chung một chén nước chấm, dùng đũa của mình gấp thức ăn cho người khác để tỏ sự hiếu khách.

Một số người còn dùng đũa "khua khoắng" hết miếng này đến miếng khác trên đĩa chung trước khi gấp được một miếng ưng ý và đưa vào miệng mình và rồi lại dùng đũa để gấp. Thói quen ăn uống này tưởng như thân tình nhưng nó là con đường để vi khuẩn HP xâm nhập vào cơ thể nhanh nhất. Bên cạnh đó, sở thích ăn uống ở hàng quán vỉa hè kém vệ sinh càng làm tăng nguy cơ nhiễm khuẩn HP, thậm chí nhiễm nhiều bệnh lây qua đường miệng khác như viêm gan siêu vi A, viêm gan siêu vi E.

Tôi đã góp ý với sinh viên: "*Để hạn chế nhiễm khuẩn HP và cả sự nhiễm các mầm bệnh lây qua miệng trong cộng đồng, mọi người nên tập thói quen giữ vệ sinh cá nhân và tránh chung dụng trong ăn uống. Nếu có điều kiện, nên dùng phần ăn riêng, nhất là nước chấm. Nếu món ăn bắt buộc phải dùng chung, nên để vào đó một chiếc muỗng sạch dùng chung. Khi dùng đũa cá nhân tránh để đũa chạm vào những phần thức ăn còn lại, gấp nhanh và dứt khoát, không khua khoắng. Không nên dùng chung ly uống nước để đảm bảo vệ sinh cho mình và cho người. Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, không thấm nước bọt khi điếm tiền, lật giấy..."*

Thậm chí cách đã lâu, tôi có viết một bài báo tán dương và mong muốn mọi người dùng "đũa trở đầu". Trong thời kháng chiến chống Pháp, người dân theo kháng chiến vào rừng đã biết hạn chế sự lây nhiễm bệnh bằng cách ăn "đũa trở đầu". Tức dùng một đầu đũa để gấp và dùng đầu đũa kia để và cơm vào miệng. Bài báo ấy đã được viết để bày tỏ ước mong dân mình sẽ ủng hộ, truyền bá với nhau, dạy dỗ con cái cách ăn "đũa trở đầu". Nhưng sau đó tôi nhận thấy cách ăn "đũa trở đầu" có nhiều khó khăn, rất dễ nhầm lẫn hai đầu đũa và nhất là trở đầu đũa và cơm xem không đẹp chút nào. Nay được dự lễ Hằng thuận ở chùa Thiên Tôn tôi biết được nhiều Phật tử đã có một cách ngừa ngừa bệnh lây qua đường ăn uống là "chỉ dùng đũa để gấp thức ăn và dùng muỗng để đưa thực phẩm vào miệng".

Điều quan trọng là mọi người cần có ý thức giảm thiểu đến mức tuyệt đối không có sự chung dụng trong việc ăn uống, nhờ thế mà tránh được sự lây lan, không chỉ với vi khuẩn HP mà còn nhiều loại vi khuẩn nguy hiểm khác. Và với tinh thần sáng tạo, mỗi người có thể có những biện pháp thực hành khác có cùng mục đích sao cho thật thuận tiện. ■



# Hạnh phúc cuối đời

HOÀNG TÁ THÍCH

**H**ôm nay là sinh nhật của tôi. Sinh nhật nhằm một ngày khá đặc biệt mà ai biết một lần rồi thì cũng nhớ, và vì vậy vào hôm đó thì không thể không có một buổi tiệc nho nhỏ để mời bạn bè. Và cũng vì thế mới nói đến chuyện sinh nhật.

Lúc còn trẻ cho đến tuổi trung niên thì sinh nhật lúc nào cũng vui. Thậm chí ngoài năm mươi, vẫn thấy mình còn trẻ, còn mong đến hôm đó để có lý do tổ chức một buổi tiệc gặp bạn bè thân thương, nhận được quà tặng tình cảm trong một dịp có ý nghĩa.

Vậy cho nên:

*Mỗi lần sinh nhật một lần vui  
Chỉ có hằng năm một lần thôi  
Nhận được quà thêm lời chúc tụng  
Lúc nào cũng tưởng mới đôi mươi.*

Ngũ thập tri thiên mệnh là nói cho người xưa mà thôi. Ngày nay người ta làm việc cho đến sáu mươi lăm mới về hưu. Có những công việc có thể làm sau khi về hưu nếu còn năng lực, và cũng để không bao giờ muốn thấy mình già. Tuy nhiên, đến một lứa tuổi nào đó đã được ấn định để cho nghỉ việc thì cũng có nghĩa là người ta cũng đã nhận thấy chung chung, đó là một hạn tuổi phải được nghỉ ngơi. Đến lúc đó thì dù sao, con người cũng bắt đầu mệt mỏi với số tuổi chống chọi mà mỗi lần sinh nhật lại được mọi người nhắc đến. Giá như không có việc gì làm, không có gì để phải lo thì năm này qua tháng khác, sinh nhật là một dịp, một cái cớ, để gặp bạn bè vui chơi, để nhận được quà tặng.

Tuy nhiên vẫn có một điều khác hẳn: Lúc còn trẻ thì quanh mình phần đông là bạn bè cùng một số ít người thân trong gia đình. Khi mới lập gia đình thì chỉ có vợ, có chồng bên cạnh. Sau đó, lại có thêm con cái. Càng ngày thì bạn bè bớt dần, một phần không ở gần nhau, một phần thì đã ra đi vĩnh viễn. Ngược lại, bạn bè ít đi thì con cháu ngày càng đông hơn. Nhà có phúc đức thì vào tuổi già lúc nào cũng có con cháu quây quần chung quanh. Khác nhau giữa bạn bè và con cháu, là giữa bạn bè chỉ có tình thân, với con cháu thì lại vừa có tình thân, vừa liên hệ máu mủ. Dù không có trách nhiệm hay bổn phận với con cháu, nhưng lại có một cái gì đó khác hẳn với bạn bè. Con cháu nội ngoại quần quít bên mình, bỗng thấy cuộc đời thứ hai bắt đầu mở ra và dù mình không dám ao ước được trẻ lại, cũng vẫn mong muốn được gắn gũi với chúng lâu dài hơn. Đó là

cái lý do khiến mỗi lần tổ chức sinh nhật tuổi già sau cái vui chốc lát thì lại có cái buồn lâu dài. Chẳng biết còn có thể ở với con cháu bao lâu nữa. Hoá ra luyến tiếc cuộc đời để phải sợ sinh tử chỉ là tiếc nuối những cái rất gần gũi chung quanh mình mà thôi.

Bởi vậy, lúc về già:

*Mỗi lần sinh nhật một lần buồn  
Một tuổi cộng thêm, già rõ hơn  
Ngoài mặt vui cùng câu chúc tụng  
Trong tâm lại thấm chữ vô thường.*

Có những người của cải nhiều quá, sợ không có thời gian để hưởng cho hết. Lại có những người đam mê công việc quá, sợ chết vì không đủ thời gian để hoàn tất công việc của mình. Chính ra càng nhiều của cải, càng nhiều công việc phải làm thì lại càng dễ tham lam, tham công tiếc việc, càng muốn có thêm của cải, không bao giờ có thể ngưng nghỉ mãi cho đến khi cảm thấy sức khoẻ không còn cho phép thì đã quá muộn màng. Trái lại, người không có tham vọng, không có của cải, nhưng lại có những sợi dây tình cảm buộc mình lại với cuộc đời còn chặt chẽ hơn, khó dứt bỏ hơn mọi thứ khác. Thế cho nên, đã là con người ai ai cũng sợ chết và không muốn chết. Sợ chết không phải vì không biết sẽ có cái gì bên kia thế giới, mà chỉ vì phải từ bỏ một hiện tại đáng luyến tiếc.

Có thể những người không có tài sản, không có tham vọng cũng như không còn những thân nhân gần gũi thì sẽ không sợ chết, nhưng chắc chắn họ vẫn không muốn chết. Những trường hợp không muốn sống, không sợ chết như tự tử chẳng hạn thì lại khác. Một nhà văn đã có nói: *"Tự tử phải là can đảm. Nhưng những người can đảm thì lại không bao giờ tự tử. Vậy thì tự tử chỉ là một trạng thái bất ổn của tinh thần"*. Tóm lại là chẳng ai muốn chết cả.

Người ta đang sống bình thường bỗng nhiên sinh bệnh. Bệnh nhẹ như đứt tay, nhức răng, đau đầu sổ mũi, đau bụng cũng đã làm cho họ đau khổ chứ đừng nói gì đến những bệnh nặng khó chữa. Khi đang đau yếu, chúng ta chỉ mong chóng lành bệnh, nghĩa là được trở lại trạng thái bình thường như lúc trước. Một ngày nằm bệnh cảm thấy thời gian quá dài. Con người khi đang trong cơn hiểm nguy có thể hy sinh mọi thứ "ngoại thân chi vật" chỉ để mong được toàn mạng, vì nghĩ rằng cuộc đời chẳng có gì đáng quý hơn là cái mạng mình. Nhưng khi được an toàn trở lại, ít người





thấy được cái vô thường của cuộc đời, lại vẫn tham lam của cái chẳng khác gì lúc trước. Rồi chỉ thấy mình được may mắn mà vẫn chưa thấy được những cái tầm thường trong tầm tay mình chính là những cái quý giá.

Có những người mơ ước cao xa, có những người ham mê chạy theo sự nghiệp, mãi cho đến khi thực hiện được tham vọng của mình rồi mới chợt nhận ra đó chẳng phải là hạnh phúc cuối đời. Không thành công mà phải gần kề cái chết cũng đau khổ, chết còn không muốn nhắm mắt. Đạt được mục đích rồi thì đã thấy thấm mệt, cũng sợ không còn đủ thời gian để tận hưởng cái thành công của mình. Ai cũng biết, đến khi sức khỏe không còn như xưa, ăn không ngon miệng, ngủ không tròn giấc thì coi như đã đến lúc xong phim cuộc đời.

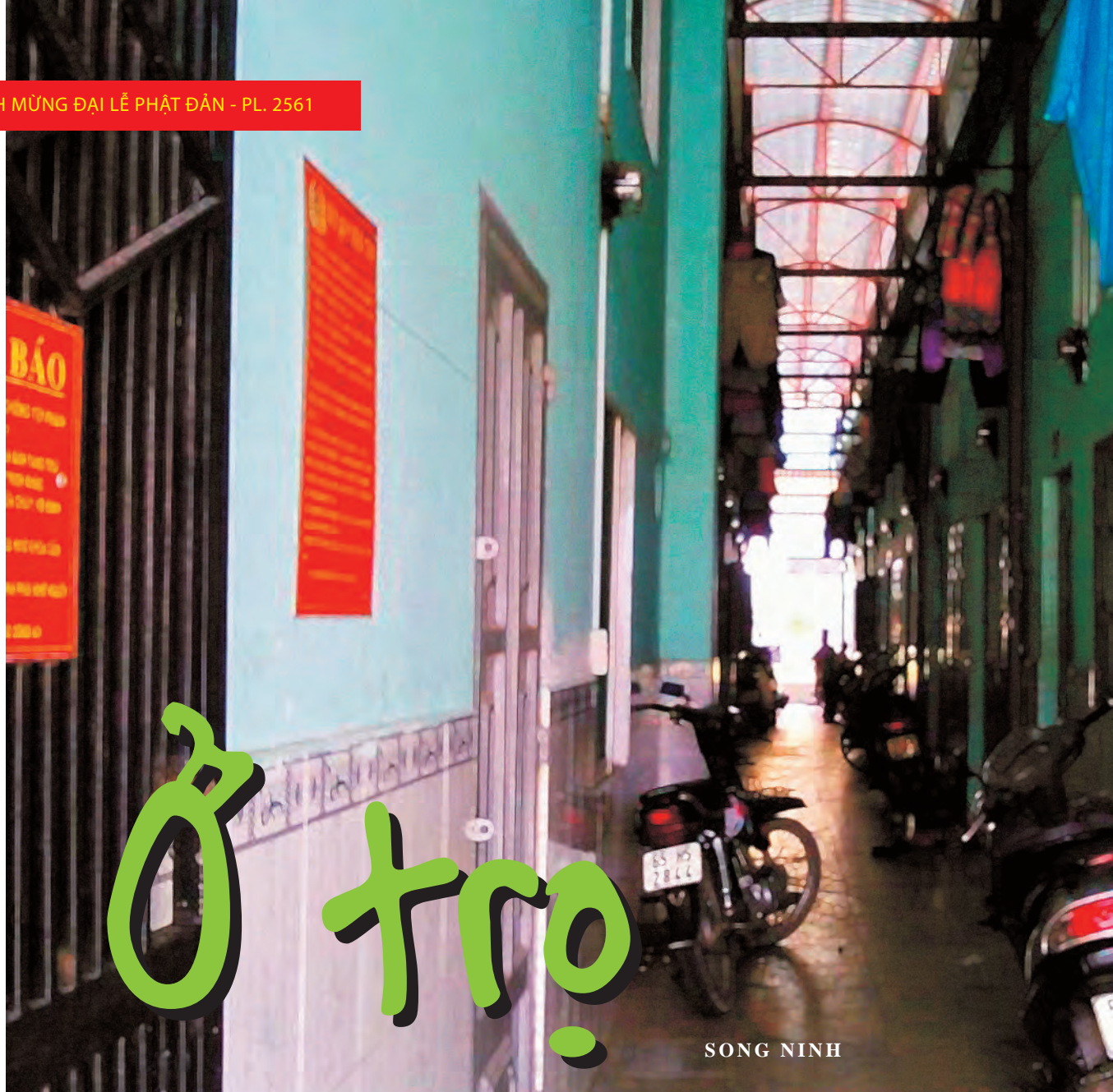
Có những người đam mê công việc đến không để ý đến sức khỏe của mình. Ngay cả khi sinh con đẻ cái cũng không có nhiều thời gian để gần gũi. Mãi đến khi về già, không thể làm việc nữa, chợt nhận ra mình chưa kịp hưởng thụ cuộc đời, mới thấy tiếc cho thời gian qua đã quá ham mê làm ăn, chỉ thấy công việc và công việc. Bây giờ lớn tuổi, có cháu chắt nội ngoại, mới ngồi rảnh rang để tản mạn theo dõi những diễn biến đổi thay của đứa trẻ, như vừa khám phá ra một điều kỳ thú, một sự nhiệm mầu của Thượng đế mà chính họ

không có thì giờ nhận thấy ngay trên con cái họ trước đây. Đó chính là cái hạnh phúc cuối đời của con người. Nếu không có được những cái cảm xúc đó, nghĩa là chúng ta vẫn còn ham mê công việc thì chính chúng ta đã đánh mất cái hạnh phúc bình thường mà vô giá đó.

Có một câu chuyện khôi hài, nghe vui vui nhưng cũng rất bi thảm: Một ông chủ cửa hàng buôn bán sắp chết. Con cái túc trực quanh giường. Đến khi sắp sửa tắt thở, ông thều thào: “*Thằng Hai có đây không?*”. Đáp: “*Có con*”. “*Thằng Ba đâu?*”. “*Thưa ba con đây*”. “*Thế con út đâu?*”. “*Thưa ba, con ở đây*”. Tuy đã hết sức rồi, nhưng ông già vẫn hoảng hốt: “*Trời ơi, thế đứa nào trông coi cửa hàng?*”. Và ông ta ra đi mà không thể nào nhắm mắt được.

Mọi thứ hạnh phúc đều ở trong tầm tay nếu chúng ta nhìn thấy và nhận ra. Lúc đã về già, chúng ta mới biết sợ chết và tiếc rẻ đời sống không phải vì tiếc nuôi của cải làm ra chưa kịp hưởng hết, mà thực ra, chúng ta cảm thấy không đủ thời gian để sống với những người thân thương bên cạnh mình vào cuối cuộc đời.

Vậy thì hãy yêu thương, trải lòng cho mọi người quanh mình lúc còn có thể, để khi xuôi tay nằm xuống, dù có tiếc nuối cuộc đời thì vẫn thanh thản trong lòng đã sống cho mọi người, không bao giờ bị mất đi những người thân. ■



SONG NINH

**D**ãy nhà trọ có cả thủy tầm phòng, mỗi phòng rộng chưa đầy chục mét vuông. Phần lớn là các cặp vợ chồng mới cưới đến đây thuê; còn lại là phòng của mấy chị công nhân công ty may mặc gần đó chia tiền cùng nhau ở ghép; cũng có cả phòng cho sinh viên dưới tỉnh lên trọ học.

Dãy nhà trọ này mới xây dựng nên luôn luôn ở tình trạng cháy phòng; mới buổi sáng người này vừa chuyển đi thì ngay chiều tối hôm ấy lại có người chuyển đến. Quả thật, nơi đây phòng vừa xây mới, giờ giấc tự do, an ninh tốt, giá cả hợp lý nên người ở trọ cũng an tâm khi giới thiệu cho bạn bè đến ở; nhờ vậy mà bà chủ khỏi mất công treo biển, dán tờ rơi vừa tốn kém vừa làm mất mỹ quan đô thị, hoặc phải nhờ đến cơ quan chức năng tạo tâm lý e ngại cho những người có nhu cầu ở trọ.

Bà chủ dãy nhà trọ này vốn cũng là dân tỉnh lẻ lên

thành phố vất vả mưu sinh. Bà cũng từng trải qua cảnh hàng tháng chạy ngược chạy xuôi lo tiền thuê nhà, tiền điện tiền nước. Nhưng rồi may mắn được thần tài gõ cửa, vợ chồng bà trúng mấy tờ độc đắc hơn một tỉ, số bà coi như đổi đời từ dạo ấy. Bà dành một khoản tiền làm từ thiện giúp những người quá nghèo túng khó khăn, một phần gửi tiết kiệm ngân hàng; phần còn lại, bà lại gặp người hiểu biết có tâm hướng dẫn cách đầu tư; bà mua đất cất dãy nhà trọ cho thuê. Đã từng đồng cảnh ngộ với việc đi ăn nhờ ở mướn nên bà cảm thông lắm. Cái gì cho được là bà cho, bớt được là bà bớt. Có người bà còn chẳng lấy tiền cọc, cho thiếu tiền nhà một hai tháng vẫn vô tư.

Người đi ở trọ phần lớn là người dân lao động nên đồng cảm với nhau. Người mới đến ở muốn tìm hiểu điều gì là có người giải đáp ngay. Mới đầu còn lạ lẫm, sau dần quen, họ có thể coi nhau như người nhà thân thiết, giúp đỡ lẫn nhau những lúc đau yếu,



bệnh tật, cả từ việc nhờ coi ngó phòng để về quê ít bữa, nhờ gom quần áo nếu trời mưa, đến việc nhờ mua thức ăn, đi chợ, xin trái chanh, thìa mắm...

Ngay cổng dãy nhà trọ có trồng một cây trứng cá có tán lá rộng hoác đủ vắt ngang những mái nhà, giúp che đỡ cái nắng oi nồng dội lên trên mái nhà lợp bằng tôn lúc nào cũng hừng hực nóng. Nhưng những khi trời mưa, nằm trong nhà trọ nghe tiếng nước mưa đọng trên tán lá cứ tiếp tục rơi lộp độp trên mái, càng u uất thêm nỗi nhớ nhà khôn nguôi.

Xế chiều. Khi ánh nắng vừa khuất sau những tòa cao ốc chọc trời, lụi tàn về phía xa lắc, cũng là lúc xóm trọ rộn ràng tiếng người nói cười vang vọng từ các căn phòng lớn nhỏ, đủ đầy những âm sắc giọng nói đặc trưng của các vùng miền.

Vợ chồng anh ở đầu dãy nhà trọ vốn là người miền Tây, nghe đâu quê tận Lai Vung, Đồng Tháp; hai vợ chồng làm trong khu chế xuất, mỗi dịp về quê

trở lên là mang theo mấy chùm nem Lai Vung thết đãi cả dãy trọ. Hay như vợ chồng chị phòng số bốn người Bình Định. Giọng mới đầu nghe cứng ngắt, mắc cời nhưng tốt tính vô cùng. Chồng làm bảo vệ ngân hàng, vợ làm ở công ty mì gói, mỗi dịp lễ tết được thưởng tiền chị đều quy phân nửa số tiền ra mì để về chia cho các phòng khác trong xóm trọ. Nhất là anh phòng cuối, người Thái Nguyên, vô thành phố đi làm rồi quen chị người yêu quê ở Thái Bình. Dịp Tết rồi hai anh chị dành dụm được chút tiền để về quê ăn Tết bằng máy bay. Hôm vô thành phố, anh chị xách linh kính nào là chè Thái quê anh, đặc sản bánh Cáy quê chị mang vô làm quà. Cả dãy xúm xít bên phòng, nghe anh chị kể chuyện đi máy bay, phải xếp hàng làm thủ tục check-in dài thòng lâu lắc, chưa kể máy bay delay nên mãi mới được... lên trời. Đi máy bay được cái lạ, ngồi trên đó nhắm tịt mắt ngủ cái roạt, mở mắt thoắt cái đã tới nơi, mỗi tội ù tai phát ớn. Mới đầu chị không quen suýt ói mặt xanh, mặt vàng.

Xóm trọ về đêm yên bình. Cả dãy phòng đồng loạt tắt đèn đi ngủ. Thỉnh thoảng có phòng còn leo lét đốm sáng lờ mờ của cô bé sinh viên ôn bài chuẩn bị thi hết môn. Có lúc là tiếng thở dài của ai đó khi gọi điện thoại về quê nghe tin mẹ ốm. Tuy rằng các phòng trọ được phân cách bằng tường gạch, nhưng thỉnh thoảng cũng nghe rõ mồn một tiếng ai đó khóc nức khi chợt nhớ nhà, khiến người nằm phòng bên này cũng rung rung cảm xúc nhớ quê ùa về bất chợt. Dù sao thì ai nấy cũng chỉ biết nén chặt nỗi nhớ vào tim, cố nhắm mắt thật sâu ru mình trong giấc ngủ mỗi mệt.

Rồi có đợt, có cặp vợ chồng nọ chuyển đến cùng đứa con nít kháu khỉnh mới sinh chưa kịp đầy tháng. Tối đến cả phòng được nghe miễn phí chương trình ru con ngủ đêm khuya. Tiếng ru của người mẹ trẻ quê mãi Bạc Liêu ngọt nức nở lòng người. Dĩ nhiên không thiếu những tiếng khóc ngật nghèo của đứa trẻ khát sữa, nhưng ở riết thành quen, những âm thanh lạ lẫm bỗng trở nên thân thuộc quá đỗi. Để khi chiều đến, căn phòng nhỏ náo nhiệt tiếng người qua nựng má thằng nhỏ, ai cũng quý vì nhìn nó bụ bẫm đáng yêu. Rồi chẳng biết từ khi nào, thằng nhỏ có thêm mấy bà mẹ nuôi, ngày đi làm tối về là phóng qua phòng giành nhau ẵm bế.

Thành phố nhiều vô kể những dãy nhà trọ như thế, dung chứa bao con người, bao số phận khác nhau. Những con người từ nhiều vùng đất xa xôi đến thành phố mưu sinh, có cả người tìm về thành phố như là một nơi để chạy trốn.

Còn nhiều lắm bao câu chuyện của những mảnh đời khác nhau trong từng khu nhà trọ như thế, rải rác ở các con hẻm, ngã đường lớn nhỏ khắp nơi, đâu đó trong lòng thành phố. ■

## “Bổn sư”

ĐỖ HỒNG NGỌC



Có người hỏi Bổn sư của tôi là ai?  
Xin thưa, Phật Thích-ca Mâu-ni  
Mà không phải ngài là bổn sư của riêng tôi  
Bổn sư của tất cả mọi người  
Ai chẳng niệm “Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật”.  
Nhưng tôi, ngoài bổn sư còn có vô số các vị thầy  
Ai cũng là thầy tôi  
Ai tôi cũng học hỏi được điều gì quý báu...  
Thầy tôi là Thiện Hoa, Minh Châu, Nhất Hạnh, Thanh Từ,  
Thầy tôi là Trí Tịnh, Trí Quang, Chơn Thiện  
Thầy tôi là Trí Hải, Viên Minh...  
Thầy tôi cả anh em bạn bè nơi này nơi khác  
Bởi ai cũng là Phật sẽ thành  
Bởi ai cũng là Bồ-tát  
Và tôi nữa cũng là thầy của tôi  
Tôi dạy dỗ chính mình bằng lời Phật dạy  
Tôi học vô thường qua mái tóc làn da  
Học vô ngã trong nhịp tim hơi thở  
Học đời là bể khổ  
Có con đường an lạc kẻ bên  
Tôi học Văn-thù hỏi Duy-ma-cật cách quán chúng sanh  
Duy-ma cười ấy là ảo vật của nhà ảo thuật  
Tôi bắt chước lời Phật hỏi Duy-ma quán Như Lai cách nào  
Duy-ma cười, có gì đâu  
Cũng như quán pháp thân của Phật, của tôi, của chúng sanh các loại...

Bổn sư của tôi là nhà khoa học  
Kêu đừng vội tin mình, đừng vội tin ai  
Cứ đến thử đi rồi biết

Bổn sư tôi là nhà giáo dục  
Dạy những điều hạnh phúc đơn sơ  
Từng bước làm người  
Chớ vội chi làm Phật...

Bổn sư tôi là một nhà y học  
Quán tướng tự thân mà thấy vũ trụ mênh mông  
Mỗi hạt cát sông Hằng  
Cũng biết sinh bệnh lão tử  
Biết từng phút giây trong cơ thể  
ngũ uẩn đùa vui...

Cho nên bổn sư tôi  
Vị Phật ra đời đã bước đi bảy bước  
Thất tình lục dục  
Đâu dễ lia xa  
Tham sân si cũng là hạt giống nở hoa

Thôi cứ học từ từ  
“Bổn sư” còn vẫn dạy...

## **Chùa Châu Thới** TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Ta về cài bóng vào khuya  
Độc thân núi đợi từ khi chưa mình  
Tượng thờ còn đó uy linh  
Ngàn năm non nước vẫn tình nguyên sơ

Trái bao duyên kiếp còn mơ  
Thảo am động cũ thơm mùa mây hương  
Ơn Người lấy nhớ làm thương  
Độ đường Nam tiến tụ nương đất này

Hội Sơn xưa Châu Thới nay  
Chuông ngân thả cánh hạc bay lên trời.

## **Nắng** PHAN THÀNH MINH

Nhen lên từ hạt nắng  
Rực hồng ánh bình minh  
Cho sương màu óng ánh  
Cho cỏ lời ru tình

Mùa vui về hành trình  
Câu đồng dao thức ngủ  
Lúa ánh màu no đủ  
Dậy thì vành vạnh trắng

Va vào câu đa đoan  
Vỡ nỗi buồn con gái  
Về đâu thời thơ dại  
Trình nguyên nắng học trò.

## **Khoảng trời xưa** TỊNH BÌNH

Khoảng trời xưa đã rất xưa  
Hàng cây nín gió ngóng trưa sang chiều  
Lá rơi đường cũng hắt hiu  
Chạnh lòng gió cũ đôi điều mộng lung

Người thôi xa khuất muôn trùng  
Đường xưa hoa tím lạ lòng nhớ quên  
Thương con bướm nhỏ buồn tên  
Thẩn thờ cánh rôi về bên hoa sầu

Vần thơ ngày ấy tìm đâu  
Cất vào tim lặng dầu dầu khói sương  
Mong manh thoáng gió làn hương  
Người nơi mộng cũ còn tương tư thăm...?

## **Búp sen dâng cúng Phật-đà** NGUYỄN NAM

Búp sen dâng cúng Phật-đà  
Tâm tư tĩnh lặng Sa-bà tỏa hương  
Chuông chùa vọng giữa trần gian  
Gió ngàn thơm thoảng Chiên-đàn nở hoa  
Vô ưu ở tận miền xa  
Từ tôn thị hiện sáng tòa lưu ly  
Người về cốt cách uy nghi  
Sen vàng bầy đóa bước đi thánh hiền  
Ngàn năm thấp sáng niềm tin  
Đạo - đời hoà quyện an bình thân tâm.

## **Long Tuyền sắc tứ** TRÍ THÀNH

Suối có rồng non sông ngự điện  
Nước có vua thuyền điện ba đào  
Non cao ngắt ngưỡng trời cao  
Long Tuyền sắc tứ ngày nao lấy lừng.

Vận nước xưa ví bằng núi Thái  
Nghĩa cõi bờ khảng khái thái hư  
Chuông thần nặng gánh như như  
Chỉ mảnh chằng dứt danh từ hư không.

Sơn Linh Thửu xuôi Nam sông nước  
Cửu Long Tiên bến rước long vương  
Cõi bờ gìn nghĩa thân thương  
Ơn trời vận nước biên cương vững vàng.

Thuở nguy nan vào sinh ra tử  
Chôn thiên môn còn ngự lòng thành  
Chuông xưa tù ngục sang canh  
Thương người tể độ thiên thanh mệnh trời.



# Người quen kẻ lạ

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

**Đ**ã thành lệ, sáng mừng một Tết, nhóm chúc sắc trong tổ dân phố lại đảo một vòng thăm khắp lượt “*thần dân*” trong tổ. Kiểu đi chúc Tết tập thể như thế thực ra là để che giấu tâm lý sợ trách nhiệm. Bởi nếu đọc hành du xuân ngày đầu năm và lại là người “*đạp đất*”, chẳng may năm đó nhà người ta gặp xui xẻo thì rất dễ bị “*truy trách nhiệm*”. Vậy nên cứ dàn hàng ngang xông vào, nếu cả năm đụng eo sèo rủi ro, chủ nhà cũng chẳng thể trách ai, có chăng là trách chung, mà chung là chẳng nhằm vào ai cả nên chả oán. Là tổ phó dân phố, tất nhiên tôi luôn có mặt trong những chuyến “*vi hành*” đầu xuân như thế.

Cũng một lần đi chúc Tết bà con trong tổ, tôi gặp lại chị; lúc đầu cứ ngỡ, không tin là người bạn học cùng khóa hơn ba mươi năm trước nay lại là láng giềng gần. Chị thay đổi nhiều, tất nhiên; nhưng tôi vẫn nhận ra sau vài câu thăm hỏi. Tôi vui, hào hứng nhắc lại kỷ niệm trường xưa lớp cũ, với những lam lũ thuở thiếu thời, đình ninh nhận được sự đồng cảm. Nhưng đáp lại sự hồ hởi của khách là thái độ gượng gạo, chỉ ừ à cho qua chuyện của chủ nhà; hình như chị không muốn gợi lại một thời khổn khổ. Nhìn vẻ hững hờ, có phần lảng tránh của người bạn học năm xưa, tôi mất hứng, chủ động tắt “*phát*”, chỉ ngồi “*thu*”.

Nhìn chị thay chồng tiếp khách, tôi giật mình nhận ra người quen này nay lạ đến không ngờ. Nếu không được anh tổ trưởng rí tai trước khi vào nhà thì tôi nghĩ chị là sếp chứ chẳng phải bà nội trợ-vợ sếp. Không hiểu tại sao tôi vẫn ngồi lại khá lâu, chứng kiến cách chị đối xử với mấy người đến chúc Tết. Giọng chị vênh lên đầy vẻ trịch thượng trước những thuộc cấp của chồng; cứ luôn mồm gọi em kêu chú, dù chỉ nhìn thoáng qua, tôi chắc các “*chú em*” cũng đều vào hàng anh của chị. Chị cũng chẳng cần giữ ý xã giao như thường thấy ở nhiều người trong ngày Tết. Khi một vị khách hỏi, bức tranh anh ta tặng hôm tân gia sao không thấy; chị gạt ngang: “*Tặng là việc của chú, treo hay không tùy gia chủ!*”. Như để thêm thâm tình, một người đề nghị nâng cốc với chủ nhà nhưng bị phủ đầu: “*Khách không được mời chủ!(?)*”. Ngồi một lát thì có người tới nhà đưa giấy mời chồng chị dự buổi gặp mặt đồng hương đầu năm. Chị nhìn lướt qua mảnh giấy rồi nhả mặt, xỏ giọng bề trên: “*Ông xã tôi có trách nhiệm với cả tỉnh, không thể sa đà vào đồng hương xóm để người ta dị nghị!*”. Chị còn đi xa hơn khi hỏi chuyện cơ quan chồng giống như cấp trên trong cuộc; kể đó là những nhận xét bình luận về công việc và nhân sự, ra vẻ lãnh đạo lắm. Chắc chị chẳng vô tình khi vòng vo kể lể, đúng hơn là “*nêu gương*” những thuộc

cấp của chồng chu đáo, biết điều với gia đình sếp bằng giọng cảm tình không giấu giếm.

\* \* \*

Nhớ lại thời đi học, kỷ niệm “*đỉnh*” nhất về chị là đi trẻ, trẻ quanh năm suốt tháng. Ngoài học đường, cô học trò nhà khó nào thư thả được đâu. Bằng chứng là mỗi sáng đến trường, chị thường đèo theo những bó rau, mớ củ xuống chợ bán rồi mới lật đật đến lớp. Nhiều sáng mùa đông mưa phùn gió bắc, đạp xe ngang qua chợ huyện, tôi nhìn cô bạn học với nón cời áo vá, ngồi thu lu chờ bán từng mủng khoai rổ sẵn mà lòng ái ngại. Hình ảnh ấy cứ ám ảnh mãi trong tôi, dẫu chị đã nghỉ học từ giữa năm lớp 11. Sau này, về họp lớp, tôi nghe các bạn bảo, giờ chị có chồng làm lớn nên khác lắm.

Nhắc chuyện đi học trẻ của chị là nhớ chú Thọ bảo vệ của trường. Chẳng rõ chức danh chính thức là gì nhưng việc của chú là đánh trống, coi ngó cổng cửa trường lớp và nhắc nhở học sinh chấp hành nội quy. Hồi đó, chú mới ngoài năm mươi nhưng tóc đã bạc nhiều; dịp lễ hay thứ Hai chào cờ, chú mới diện “*xi-vin*” đóng thùng; ngày thường, chú bận bộ đồ nâu nên trông càng... cổ kính. Sáng sáng chú đứng ngay gốc phượng gần cổng, lặng lẽ quan sát đám học sinh ủa vào sân trường. Chốc chốc chú lại vẫy một đứa tới gần để nhắc vì quên kéo khóa quần hoặc bảo nhớ chải tóc khi đến lớp. Lắm lúc chú tự tay sửa lại cổ áo hoặc cài lại cúc áo cho một nam sinh nào đó.

Tất nhiên chuyện đi trẻ của cô bạn tôi vừa gặp lại không thể qua mắt chú Thọ. Sau khi đánh trống vào lớp, chú đóng cổng trường; trẻ vài phút, chỉ nhắc nhở rồi cho vô; trẻ hơn thì ghi tên để trừ điểm thi đua. Lúc đầu, cô bạn hay đi trẻ luôn có tên trong “*sổ đen*” của chú. Nhưng rồi, chú đổi ý sau lần thấy cô đèo sau xe bó củi che khuất cả người đứng ngoài cổng khi tiết học thứ nhất đã bắt đầu khá lâu. Có lẽ do không bán được củi nên cô chờ luôn đến trường. Chú Thọ đứng lặng, tròn mắt nhìn rồi bước lại gần hỏi chuyện người đang bối rối với mồ hôi lấm tấm trên trán; sau cùng, chú hé cổng cho vô. Cô còn đi trẻ dài dài nhưng không bị nhắc nhở, phê bình nữa; hơn thế, chú Thọ còn chỉ cho lối vào lớp mỗi khi đến muộn; đó là cái cổng phụ phía sau trường, dẫn vào khu tập thể giáo viên. Được “*xi-nhan*” nên mỗi bận vội vã tới trường sau khi bán xong mớ nông sản nào đó, cô vào học bằng lối ấy. Những bữa đó, cô bước phăm phăm như chạy, mặt cúi gằm, cứ như sợ người khác bắt gặp.

Một hôm, đi ngang hành lang trước phòng hiệu trưởng, tôi nghe vọng ra những lời đối đáp, một gay

gắt bực dọc, một thanh minh giải bày. Tò mò, tôi đứng lại, đồng tai; nghe rất rõ giọng thầy hiệu trưởng chần chừ chú Thọ: *"Sao anh có thể làm như thế? Trong khi anh nghiêm khắc với các em khác nhưng lại ưu ái cô học trò trẻ hết lần này đến lần kia!? Chính các em học sinh đã phản ánh với ban giám hiệu là chú Thọ thiên vị..."*

*"Sự thật là thế này thầy ạ... Hoàn cảnh em đó rất đáng thương..."*. Giọng chú Thọ dứt đoạn rồi nhỏ dần, khiến tôi không thể nghe tiếp.

Chú buồn. Liên mấy ngày sau chú phờ phạc thẫn thờ, ra vô vật vờ. Chú bắt ngờ kín tiếng, hình như ngại nhìn cả đám học sinh vốn *"rét"* chú xưa nay. Đã thế, ngày ngày không còn thấy chú đứng nơi cổng uốn nắn đám người đứng sau *"ma quỷ"*. Không lâu sau, chú chuyển khỏi trường.

\* \* \*

Tốt nghiệp đại học sư phạm, về sở giáo dục chờ nhận công tác, tôi gặp lại chú Thọ. Tái ngộ người xưa, chú cháu đều mừng. Mấy ngày nằm chờ việc, tối nào tôi cũng cuốc bộ từ nhà khách sang phòng bảo vệ của chú chuyện trò đến khuya. Coi tôi như người bạn, chú tâm tình sẻ chia đủ chuyện; lang thang bao đồng rồi lại quay về mái trường hai người từng gắn bó. Giọng chú buồn buồn lẫn nuối tiếc khi nhắc lại việc phải xa ngôi trường ấy. Chú bảo, sau lần gặp thầy hiệu trưởng, chú nghĩ nhiều lắm. Dẫu lãnh đạo nhà trường và thầy cô đều thấu hiểu cảm thông sự ưu ái chú dành cho cô bé đi trẻ nhưng còn học sinh; các em sẽ nghĩ gì về người luôn nghiêm khắc với chúng mỗi khi mắc lỗi nhưng lại bao che người đi muộn. *"Trong khi tôi vẫn hay răn dạy học trò về sự công tâm công bằng nhưng dưới mắt các em tôi đã làm điều ngược lại. Đã vậy, nếu tôi còn ở đó, không những bị các em xem thường mà kỷ cương của trường cũng vì tôi mà phần nào mất đi sự tôn nghiêm"*. Đó là lý do khiến chú chọn quyết định khó khăn: xin nghỉ việc. Nhưng lãnh đạo ngành đã điều chú về sở công tác.

Khi ở cùng khu tập thể của sở giáo dục, tôi thường tạt qua thăm chú. Không con, vợ mất, thỉnh thoảng mới có mấy đứa cháu họ dưới quê lên thăm nên suốt ngày chú thui thủi trong căn hộ chung cư; làm bạn với bầy thú cưng và ti-vi là chính. Sáng sớm và chiều muộn, chú thường bắc ghế ngồi nơi ban-công, nhìn mông lung vô định. Đã có lần tôi định nói với chú, cô học trò nghèo từng được chú che chở năm xưa nay ở cùng tổ dân phố đấy. Nhưng tôi dẫn đo rồi thôi, bởi nói ra chắc chú buồn khi biết người quen xưa đã hóa ra kẻ lạ.

Chú Thọ đã trải những ngày sống khổ cuối đời do bị liệt nửa người. Mỗi lần tôi ghé thăm, chú ngược nhìn với đôi mắt ngấn nước, miệng lắp bắp mà không cất nên lời. Mấy đứa cháu thay nhau lên chăm chú rồi thuê người hỗ trợ; tiền bạc cũng vì thế nói nhau ra đi. Những đồng nghiệp cũ, nhiều cựu học sinh trường huyện hay tin đến thăm đông, bà con láng giềng cũng không nỡ khép lòng ngoảnh mặt. Ban cán sự tổ dân phố đứng ra quyên tiền giúp chú.

Xin được nói ngay, từ khi có chân trong nhóm *"quyên*

*lực"* của tổ, điều tôi ái ngại nhất là đi vận động đóng góp tài chính. Hộ nghèo khó kẹt đã đành, người giàu thì chắc gì ai cũng sẵn lòng mở túi. Vậy nên mỗi lần gõ cửa các nhà làm cái việc không mong đợi ấy, tôi lại mơ hồ lo lo, tưởng như mình đem tin buồn đến cho họ vậy. Ai vui vẻ nộp, tất cho người thu nhẹ lòng; ai cảm ràm nhân nhó, khiến kẻ nhận cũng rầu theo.

Lần đi quyên tiền giúp chú Thọ, tôi nản lòng ngay khi đến nhà cô bạn học ngày xưa. Tất nhiên, *"mở màn thuyết khách"*, tổ trưởng đều nêu vấn đề lý do việc làm, vài nét về người cần giúp nhưng như thế chưa đủ để chị nhận ra người quen thuở trước. Tôi toan nói rõ hơn về người chị từng hàm ơn nhưng nhìn vẻ khinh khỉnh của chủ nhà, thấy ghét nên thôi. *"Ai chủ trương việc này?"*; *"Việc quản lý chi tiêu khoản tiền thu được?"*; *"Có công khai với bà con trong tổ?"*... Đáp lại chất vấn lẫn hoài nghi của chị, tổ trưởng giải thích cặn kẽ, với giọng điềm đạm kiên trì đến nhẫn nại. Chủ nhà chuyển sang kêu ca giữa trời: *"Cứ đặt ra hàng trăm khoản thu, chỉ chết người nghèo!"*. Chị còn đi xa hơn khi dự cảm về những khuất tất phía sau việc thiện: *"Lắm khi đóng góp nhiều nhưng chắc gì đã đến được người cần giúp"*.

Cũng như tôi, tổ trưởng ngồi bất động, nhìn trần trần vào tường rồi cúi xuống, thờ dài. Lâu sau anh bật dậy, bất ngờ lớn tiếng: *"Chị đã nói vậy thì thôi!"*. Anh quay lưng dứt khoát, tôi lặng lẽ đi theo. Ra khỏi ngôi nhà sang trọng ấy, lòng tôi đại đi trong nỗi đau chột đến.

Khi chị nhận ra người quen thì đã muộn; ấy là hôm truy điệu chú Thọ. Đứng lẫn trong đám đông bà con cùng phố, chị lặng nghe trường ban lễ tang đọc lời diếu, trong đó có tóm tắt quá trình công tác của người đã khuất. Chị đứng sững, há hốc nhìn di ảnh nhòa sau khói hương; cúi mặt rồi lại ngược lên, đôi mắt căng tròn bóng nhòa lệ. ■





# Nhạc vi vô thanh

NGUYỄN HIẾU TÍN

... Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.

(Bạch Cư Dị)

**T**ựa như mạch nước ngầm thấm sâu dưới lòng tác phẩm và nằm mơ hồ giữa tri giác cá nhân, âm vang của tiếng nhạc cứ nhát dần theo thời gian và cuộn lấy mây bay vào khoảng không của bao la trời đất. Trong không gian giữa hai hình thái vang âm và thâm lặng đó, âm giai của âm nhạc như chùng lại, nhỏ dần để tiến tới sự tắt hẳn, vô thanh, độ ngân rung trong tịch lặng của nhạc như dẫn ta đến ngưỡng cửa của sự yên lặng và vô tận. Khác với âm thanh vang vọng, tác động trực tiếp vào cơ quan thính giác, còn âm thanh của khoảng lặng đã giải thoát dân khỏi vỏ vật chất, hướng vào chiều sâu của nội giới, giúp ta tìm đến một cuộc "hành hương" về cội nguồn của bản thân mình.

## Âm nhạc của hư không

Nhiều nhà nghiên cứu vẫn cho rằng nghệ thuật là một điều bí ẩn. Và nguồn gốc thật sự của âm nhạc vẫn là một bí ẩn đối với giới khoa học. Mặc dù trên thực tế, đã có không ít lý giải cho vấn đề nguồn gốc âm nhạc. Chẳng hạn như: âm nhạc là kết quả của sự dư thừa năng lượng, trong cơn xúc cảm mạnh mẽ những âm điệu của con người sinh ra tính nhạc (Herbert Spencer); âm nhạc xuất phát từ nhu cầu sinh lý của con người cũng

như động vật muốn thu hút bạn tình (Charles Darwin); âm nhạc bắt nguồn từ ma thuật (Jule Combarieu), từ "tính tò mò" và "niềm vui" (Karl Stumpf),... Tuy vậy, có điều chắc chắn, rằng âm nhạc được hình thành từ những tầng bậc rung động cảm xúc của con người, từ sự tìm kiếm, rong chơi phiêu bồng đây đó của con người với thế giới tự nhiên. Và trong sự giao tiếp đó, thế giới tự nhiên luôn tồn tại bên cạnh chúng ta trong giao thức của những ánh sáng và âm thanh với những bước sóng đầy ma lực và huyền bí. Từ tiếng reo vui của gió đùa với trăng, tiếng nỉ non rả rích của côn trùng, tiếng xào xạc lãm mạn của hoa lá, tiếng hót thánh thót của chim, tiếng gầm gừ mạnh mẽ của thú, nhịp đập trữ tình của con tim... đang tấu lên khúc nhạc thường nhiên của vũ trụ, khiến âm nhạc biểu hiện sự hòa điệu nhiệm màu giữa con người và vạn hữu, nó mang một thứ ngôn ngữ đặc thù của tâm linh, nó dung thông được mọi thứ âm thanh vốn có trong trời đất. Chính vì vậy mà bản sắc của âm nhạc là sự thể hòa thiêng liêng giữa động và tĩnh, giữa cỏ cây hoa ngàn với cội nguồn uyên nguyên tự thể.

Có điều thú vị là trong tiếng Phạn, từ "nada" có nghĩa là "âm nhạc", nhưng trong tiếng Tây Ban Nha nó lại có



nghĩa là “hư không”. Sự trùng hợp ngẫu nhiên này dường như để nói đến điều huyền bí của nghệ thuật âm nhạc, đó là âm nhạc của hư không - âm nhạc của sự tĩnh lặng hoàn toàn, mà các triết gia gọi nó là âm nhạc thuần khiết. Đó là loại nhạc mà không ai có thể tạo ra được, nó giống như mạch nước ngầm trong tâm hồn của chúng ta. Nó là sự hài hòa trong tâm hồn, sự thuần khiết trong vũ trụ - sự hài hòa giữa các vì sao, giữa các hành tinh, giữa các sinh linh bé nhỏ... và chính nó là một dàn nhạc giao hưởng vĩ đại của vũ trụ.

Không phải ngẫu nhiên, nhà soạn nhạc thiên tài người Áo Wolfgang Amadeus Mozart đã “nhìn thấy” và “nghe thấy” âm nhạc của hư không khi cho rằng: “Lặng cũng là âm nhạc”, khác hẳn với quan niệm thường thức của lý thuyết âm nhạc cơ bản: “Lặng là sự ngừng vang”. Theo đó, lặng thuộc phạm trù khả niệm (có thể quan niệm), chứ không phải khả giác (có thể nhận biết bằng giác quan). Hay nói cách khác, lặng đã vượt khỏi ranh giới thường nghiệm, lọt vào thế giới siêu nghiệm. Vì vậy, lý thuyết âm nhạc khác với nghệ thuật âm nhạc. Về mặt lý tính, trong tất cả các phương tiện biểu hiện của âm nhạc, lặng chiếm vị trí khá khiêm tốn, theo nghĩa là sự ngừng nghỉ. Tuy đơn giản vậy, nhưng lặng có giá trị cực kỳ to lớn. Không có lặng, tác phẩm âm nhạc chỉ bao gồm tổng thể âm thanh miên trường, mệt mỏi. Vì, nghệ thuật sắp đặt âm thanh luôn nằm trong mối tương quan giữa hiệu quả vang của âm thanh và những khoảng lặng.

Song, ở ý nghĩa siêu việt như quan niệm của Mozart thì Lặng giống như khoảng trống trong tuyệt tác của những bức tranh thủy mặc Trung Hoa, giống như khoảng trống trong các công trình kiến trúc vĩ đại. Bất kỳ công trình kiến trúc nào, từ kết cấu đồ sộ, quy mô hùng vĩ như quảng trường, nhà hát, nhà thờ, đền đài, đình miếu... cho tới kiến trúc dân dụng, trường học, bệnh viện... dù vô tình hay hữu ý, các kiến trúc sư cũng đều tạo ra những khoảng trống nhằm làm nổi bật cho sự hiện hữu của ngôn ngữ kiến trúc hình khối. Do vậy, sự kết cấu hài hòa này làm nên tính chất đồng đẳng giữa hai hình thái tồn tại, hư không và hiện hữu. Trong tác phẩm âm nhạc cũng vậy, âm thanh vang tựa như phần nổi, còn khoảng lặng chìm sâu dưới lòng giá trị biểu hiện. Do đó, thế giới vô hình của lặng vốn đã không hiện hữu, lại còn tùy thuộc vào khả năng siêu nghiệm của chủ thể tiếp nhận, nên ý nghĩa của lặng được quyết định bởi “căn duyên”, “tài phẩm” của từng người.

Cùng quan niệm với Mozart, Thiền sư Osho giải minh sự bí ẩn thực sự hấp dẫn một kiệt tác nghệ thuật, đó chính là khoảng im lặng trong âm nhạc. Theo ông, các nốt nhạc không có chức năng nào khác hơn để nhấn mạnh vào cái im lặng. Nghệ thuật tối cao trong âm nhạc là đưa cái im lặng thành cái tiếp nhận được. Và ý nghĩa sâu sắc của âm nhạc là làm lộ ra cái trống rỗng. Tất cả các loại âm nhạc, đặc biệt là âm nhạc cổ điển đều

cố gắng nắm bắt âm thanh của sự tĩnh lặng. Chúng ta mơ hồ nhận ra rằng khoảng lặng chính là chỗ khó đàn nhất. Lặng không những khó đàn, mà còn khó nghe nữa. Vì bản chất vô thanh, không hiện hữu. Khác với âm thanh vang, tác động trực tiếp vào cơ quan thính giác của chúng ta tạo nên các hiện tượng tâm lý khác nhau. Còn lặng hướng vào chiều sâu nội giới, chúng ta tiếp xúc với lặng bằng cuộc “hành hương” tìm về cội nguồn của bản thân mình.

### **Âm của vô thanh**

Nhà hiền triết phương Đông Lão Tử đã lắng nghe được sự thâm lặng và vì vậy ông cảm thụ được sự hài hòa của giai điệu. Đối với ông “âm thanh lớn chỉ là một âm giảm bớt”, ông viết: “*Ngũ âm của thang nhạc không có gì hơn là dẫn con người dứt khoát đến chỗ bị điếc, cũng như ngũ sắc làm cho con người ta mù đi vậy. Còn ngũ vị thì làm cho vòm miệng ta tê cứng*”. Tư tưởng này rất sâu sắc khi tiến xa hơn trong việc thẩm định âm thanh. Đó là sự đối lập “âm” coi như sản phẩm của hiện tượng vật lý với “âm điệu”/giai điệu coi như năng lực hài hòa của âm (thanh và âm). Và tư tưởng ấy coi cặp âm và âm điệu cũng như các cặp trong phạm trù đối nghịch khác. Dưới ánh sáng của sự tương phản này, các triết gia đã đưa ra mối quan hệ giữa âm và âm điệu có tỉ lệ nghịch với nhau, và khái quát thành châm ngôn: “âm thanh càng nhỏ thì giai điệu hài hòa càng lớn”. Châm ngôn có vẻ nghịch lý này được Lão Tử bình luận: *Khi ta lắng tai nghe mà không nghe được gì, thì đó là “âm thu nhỏ”. Còn “giai điệu hài hòa lớn” gọi lên một thứ âm thanh mà ta không nghe được. Vậy là khi nào có âm sinh ra thì có sự tách biệt, khi nào có sự tách biệt thì có thanh này mà không có thanh kia và ta không điều khiển tổng thể được. Vì lẽ đó, khi đã có âm thanh sản sinh thì không có “giai điệu hài hòa lớn nữa”.*

Luận về âm nhạc cuối thời cổ đại, sách *Lễ nghi* có viết: “*Bởi thế, người ta không coi âm nhạc là hoàn hảo khi triển khai hết mọi âm thanh, cũng như việc cúng giỗ hoàn hảo khi dâng hết mọi vị. Những sợi dây đàn trước đây chơi bản Thanh Miếu được sơn màu đỏ son, còn đáy của nhạc cụ để hở. Chỉ có một người hát với ba người họa theo. Vậy mà di âm thật lớn. Khi vua chúa cúng giỗ tổ tiên, chỗ hạng nhất dành cho rượu màu sẫm, trên bàn dọn món cá sống. Món canh không có gia vị. Ấy vậy mà ai cũng thấy được di vị...”. Những âm hưởng đầy được đọng lại theo cách nói của người xưa đó là “di”, là “cái còn lại” của âm thanh. Những âm không vang này càng được kéo dài và thấm đẫm hơn lòng người vì chúng không được thực tại hóa dứt khoát, còn chỗ để triển khai, giữ lại cho mình cái gì đó vừa bí mật, vừa ảo, cứ hàm súc như thế mãi. Có lẽ vì thế, các nhà thơ cổ đời Đường thường tôn vinh cái dư âm:*

*“Dư âm vượt qua sông nước rồi đi mãi  
Đến tận chân trời biết tìm nao?”.*

Dư âm được mở rộng tối đa cảnh quan và mở ra trước mắt một thế giới vô biên như cái âm được chiếc đàn tạo ra rồi tan biến vào vũ trụ, cái âm nhạt dần của giai điệu cuối cùng đã thật sự thoát ra khỏi bản nhạc đang chơi để đi vào chốn suy tư tâm niệm. Rõ ràng, một thứ âm nhạc như vậy luôn ở mãi trong đầu chúng ta và “không bao giờ quên được”. Nói âm thanh vang lớn khi mọi thứ âm vang đang dần tắt hẳn được ví như những mùa thu muộn, khi những cánh hoa rơi lả tả, trong những hạt tuyết trắng trong. Lúc đó những màu sắc cuối cùng của năm tháng tàn phai. Và khi ta đến tận cùng của cảm xúc, nơi mà cảm xúc tan biến không dấu vết, lúc đó sự tĩnh lặng, khoảng không, cái dư âm trong âm nhạc cho ta sự cảm nhận, sự thưởng ngoạn một âm thanh kỳ vĩ xuất phát từ tâm, mang lại một trạng thái hạnh phúc mơ hồ trong khoảnh khắc.

### **“Vô thanh thắng hữu thanh”**

Đối với nghệ thuật, khoảng lặng có thể là phút dừng lại của bản đàn hay “một nốt trầm” xao xuyến khiêm nhường trong bản hoà ca của hàng triệu thanh âm, là dấu ba chấm trong một thi phẩm hay khoảng trống – khoảng tối mênh mông trong bức tranh của người hoạ sĩ. Và đối với âm nhạc, cao độ hơn, là sự nhạt dần và tắt hẳn của âm thanh. Khi tiếng đàn đã tắt hẳn, tâm thức con người lúc đó chỉ là sa mạc. Nhưng kỳ lạ thay, sa mạc đó lại phát tiết nên những điệu đàn, cung bậc, tiết tấu, làm tươi nhuộm bốn mùa hoa lá, làm sương khói ngập ngừng, làm con người không cần chụp nuốt âm thanh, mà âm thanh tự kiếm ngõ gác của tâm thức hòa điệu nhịp nhàng. Hiểu được triết lý này, ta mới cảm thấy thấm thía hơn trong không gian bến Tầm Dương sông nước lạnh lẽo, mênh mông trong thời khắc vắng vẻ, tĩnh mịch của mây mờ trăng ẩn, đã lắng đọng tâm tư vào tiếng đàn của người ca nữ trong tác phẩm *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị. Cái khoảnh khắc im lặng ấy như có ý để người nghe hoà mình vào bản đàn, cảm nhận rõ hơn về cái hay của nghệ thuật. Cung đàn đang cao vút, trong trẻo bỗng ngưng chìm xuống, nín lặng, xót xa như lời than, uất nghẹn không thể nói nên lời: “... *Biệt hữu u tình ám hận sinh/ Thử thời vô thanh thắng hữu thanh (Âm thâm đau giận ngắn ngưng/ Tiếng đàn lặng ngắt bây giờ còn hay)*”. Nghe bản nhạc đầu chỉ là nghe tiếng đàn có tiết tấu âm thanh mà tác giả còn cảm nhận được khúc tâm tình ẩn chứa bên trong cái “khoảng lặng”, cái vô thanh của bản đàn ấy. Quả thật tài tình, tiếng đàn như vậy hết sức điêu luyện, đã nói lên được công năng vi diệu của âm nhạc bản thể con người.

Tiếng đàn dứt hẳn đó làm ta chợt nhớ đến cái “vô thanh”, đoạn tuyệt hẳn tiếng dao cầm sau khi Bá Nha tấu lên một khúc nhạc thiên thu, để tiễn người tri âm tài hoa bằng cách tay nâng đàn, đập mạnh vào phiến đá trước mộ Tử Kỳ, đàn vỡ tan nát, ngọc phím vàng rơi lả tả:

*Dao cầm đập nát đau lòng phượng,  
Đàn vỡ Tử Kỳ, đàn với ai?*

Tiếng đàn đã dứt, tiếng nước chảy, thương nhớ tài hoa vẫn còn đó. Sự “vô thanh” của Bá Nha, đã hiển lộ được âm vang của những tâm tình uẩn khúc, những suy tư tinh tế về thế thái nhân tình, khiến cho bản nhạc tri âm hoàn toàn thanh khiết không vương bụi trần. Đó là tình hoa của trời đất, của tình người tri cố, của những tâm hồn cô độc tìm thấy nhau giữa cuộc đời nhiều oan trái. Để rồi mỗi sáng thức dậy sẽ lại thấy lòng mình thanh thản và nhẹ tênh. Bản nhạc vô thanh đó, vẫn vang mãi tiếng đàn như réo rắt, du dương của cảnh “cao sơn lưu thủy” ngay trong chính tâm hồn mình.

Lại nhớ đến thi gia Đào Nguyên Minh, được mệnh danh là nhà thơ của thiên nhiên, thơ của ông đưa sự giản dị đến chỗ khoái cảm. Trong cuốn *“Lịch sử các triều đại”*, có đoạn viết về ông như sau: *“Đào Nguyên Minh không biết nhạc, nhưng ông ta có ở nhà một chiếc đàn rất đơn sơ, không dây và mỗi lần sau khi uống rượu thấy cảm khoái, ông sờ vào đàn để thể hiện những gì mà mình mong muốn”*. Các nhà bình luận âm nhạc cho rằng một cử chi như vậy, đã phô trương đủ tinh nhạc và ám chỉ đến năng lực hài hòa của mọi âm thanh. Bởi lẽ, cây đàn đơn sơ, mộc mạc, không dùng làm trang trí và trước hết là không có dây. Do vậy, nhà thơ không việc gì phải gảy từng âm riêng biệt “trên cây đàn”, vì cái hộp đàn đã chứa trong mình nó - cùng một lúc - tất cả các âm có được, đó là âm thanh của cái vô thanh!

Vì lẽ đó, trong tâm thức người phương Đông, âm nhạc còn đồng nghĩa với sự tĩnh thức. Đối với tôn giáo, âm nhạc du dương trầm bổng trong lời kinh, tiếng mõ, nhịp chuông ngân, những nhạc trong nghi lễ tán tụng hàng ngày, khiến người sơ tâm nguôi bớt lòng trần tục. Cao độ hơn, đó là những âm thanh càn quét mọi tâm thức dao động của hải triều âm, âm thanh viên dung vô ngại vượt ngoài hạn lượng của thế gian, âm thanh của vô thanh từ trong thể thức, và có thứ âm thanh mạnh mẽ đến tận cùng của đỉnh để trở thành vô thanh, rồi cái vô thanh ấy lại tan biến, hòa nhập, cuộn lấy mây bay vào âm điệu hài hòa bao la của trời đất. Lắng nghe được tiếng vô thanh huyền diệu đó, làm cho cá thể sáng tạo vượt ra mọi giới hạn của thời gian và con tim, khiến con tim như chùng lại, đập một nhịp khác thường và vang lên từ một nơi sâu thẳm trong tâm thức. Đó là âm vang đích thực, đầy ma lực hấp dẫn, huyền bí của âm thanh được tấu lên bằng khúc nhạc từ tâm và nhịp điệu hài hòa của cõi vô thanh đó. ■

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Francois Jullien (Trương Thị An Na dịch), 2013, *Bản về cái nhạt*, Nxb Lao Động.
2. Nguyễn Bá Hoàn, 2003, *Trà luận*, Nxb TP.HCM.
3. Minh Ngọc (dịch từ Tao Music Osho), 2007, *Thiền trong hội họa và âm nhạc*, thucduong.vn.

Kính mừng

Đại lễ

Phật Đản

Phật lịch

2561



Tôn tượng

Bồ-tát

Quán Thế Âm

cao 5m

làng đá xanh

  
Hoa Tiên

Thông tin liên hệ: **CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIÊN**  
Showroom: 496/48B Dương Quảng Hàm, phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM  
Tel: 08.6264 6003, hotline: 0918 397 820 - Website: [www.hoatien.vn](http://www.hoatien.vn)

# DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN

Kính mừng Đại lễ Phật Đản PL.2561 - 2017



**APT** CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH  
AN PHU THANH

Chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:  
Sản phẩm được làm từ Gỗ và Đá tự nhiên

- \* Hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp.
- \* Vật phẩm Phong thủy.
- \* Trang sức Phong thủy.
- \* Tinh dầu chiết xuất từ Gỗ Xá xị.



Địa chỉ: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, tp.HCM  
ĐT: 08.3991 8688 Hotline: 0902864455  
Email: huongthuy2505@gmail.com Website: www.anphuthanh.com

**APT** CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH  
AN PHU THANH

281/25/11 Lê Văn Sỹ, P.1, Q. Tân Bình, tp.HCM

## TINH DẦU XÁ XỊ



*Tinh dầu xá xị* hay còn gọi là gù hương được chiết xuất từ vỏ thân, gỗ thân và rễ bằng phương pháp chưng cất hơi nước. *Tinh dầu xá xị nguyên chất* thường có màu vàng nhạt và mùi hương dịu nhẹ mang đậm chất gỗ.

### Tác dụng của tinh dầu xá xị :

- Hỗ trợ điều trị tê thấp, Trị mất ngủ , mang lại cảm giác cân bằng, Thanh lọc không khí

### Lưu ý khi sử dụng tinh dầu xá xị:

- Để xa tầm tay trẻ nhỏ, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng.
- Không dùng tinh dầu thoa lên vết thương hở, vùng nhạy cảm, mắt.

**Tinh dầu hoa Oải hương** là loại tinh dầu nhiều công dụng nhất và rẻ nhất, có khả năng chữa trị mụn, chướng bụng, dị ứng, vẩy nến, vết thâm tím, cháy nắng, hen suyễn, viêm phế quản, chứng đau nửa đầu và đau cả đầu, chứng mất ngủ.

Hoa oải hương có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải, nhưng giờ đây nó đã có mặt phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới. Ngoài ra **Tinh dầu hoa Oải hương** còn được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp trị liệu bằng hương thơm.

tên "Lavender-Oải hương" có thể xuất phát từ "lavare" trong tiếng Latinh, có nghĩa là "rửa sạch".

**Chú Ý: Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được sử dụng.**

Đến với **An Phú Thành** luôn đảm bảo về chất lượng cũng như nguồn gốc của sản phẩm.



**21 Năm Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao**

# KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT

\* 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Quận Bình Thạnh  
Tel: ( 08) 35103956 - (08) 38031193  
+ 180 - 182, Lý Chính Thắng, P9, Q3  
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787  
Fax: (08) 39318343

\*Trần Huy Liệu, P12, Q. Phú Nhuận  
Tel: (08)

39974429-(08)39974430-(08)39974431

\* 55 Hai Bà Trưng ,P6, Q1  
Tel: (08) 38271009

\*269 Trường Chinh, P14, Q. Tân Bình  
Tel: (08) 38490956

\*608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3  
Tel: (08) 38351407

\*638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3  
Tel: (08) 38331230  
Fax: (08) 38331245

\* 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3  
Tel : (08) 39316534

\* 216B - 216C Quang Trung, P10, Gò Vấp  
Tel: (08) 38941621

\* TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F.29-30  
30 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.

\*TTTM AEON VINCOM Palaza Q.9, Taafng2, L2-17  
50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9

\*TTTM BigC An Lạc, Tầng Triệt, Shop 3A  
1231 QL 1A, P. Bình Trị Đông, Q. B. Tân

\*TTTM BIG C City Land, Tầng Triệt, Shop 10A  
99 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q. 7

\*TTTM VINCOM Palaza Gò Vấp, Tầng 3, L3-6  
12 Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp

[www.vinagiay.vn](http://www.vinagiay.vn)

*Kính mừng "Lễ Phật Đản",  
Sân Mây kính chúc Quý khách cùng gia đình  
luôn an lành và hạnh phúc*



**Nhà hàng chay Sân Mây**

771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Q.10, Tp.HCM  
Điện thoại : 3507 1628 - 01278 99 2009  
www.sanmayrestaurant.com

**Sân Mây Café - Nhà hàng chay**

155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
Điện thoại : 08 3910 3939 - 01278 77 11 55  
www.sanmaycafe.com

**Sân Mây Huế**

08 Thanh Tịnh, P. Võ Dạ, Tp. Huế  
Điện thoại: 0931 9999 72  
www.sanmayrestaurant.com

**Hoa Tươi Sắc Thắm  
Thành Tâm Cũng Dưỡng**



**Nước Cắm Hoa  
ASA<sup>®</sup>**

Tiết kiệm 40% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



**CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH**  
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn  
www.facebook.com/ASAsanphammoila

**ASA<sup>®</sup> Spray**  
**Spirit Cleaner**  
Nước Lau Bàn Thờ  
Và Vật Dụng Thờ Cúng  
Đánh Bóng Lư Đồng



**CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH**  
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn - www.facebook.com/ASAsanphammoila



# NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

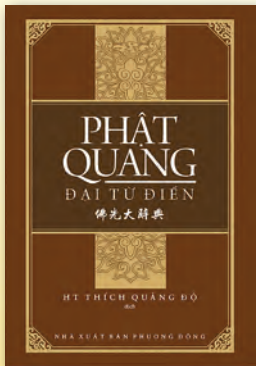
Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM  
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

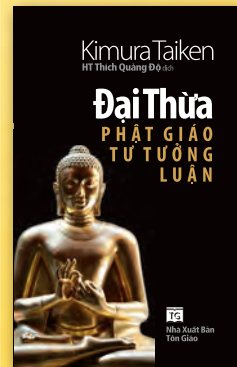
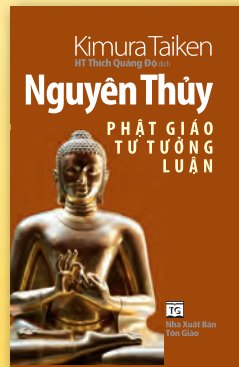
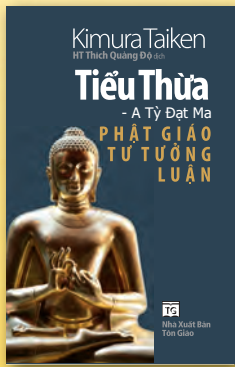
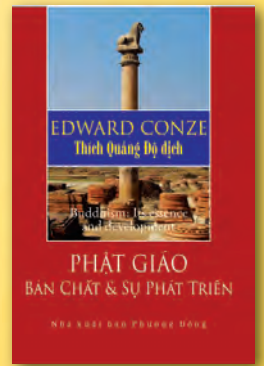
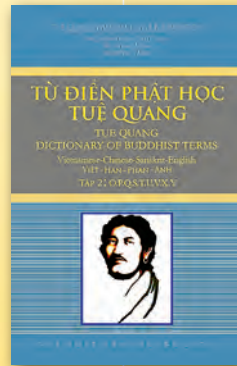
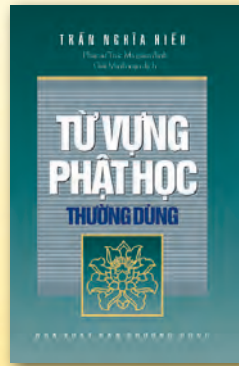
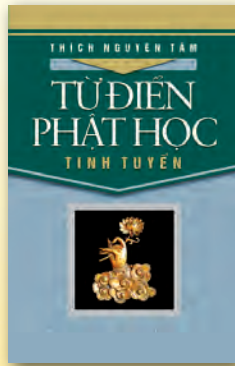
## Chúc Mừng Đại Lễ Phật Đản

Pl. 2561 - DI 2017

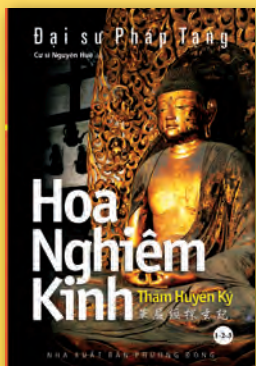
Nhà Sách Văn Thành Kính Giới Thiệu Từ Điển và Các Bộ Sách Lớn



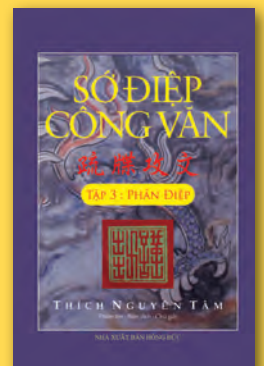
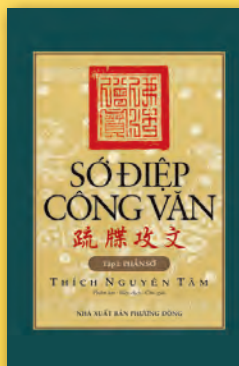
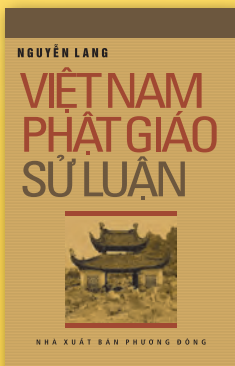
Trọn bộ 8 tập



Trọn bộ 8 tập



Trọn bộ 4 tập



### CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106



## Nhà hàng chay **THIỆN DUYÊN**



### **PHỤC VỤ HƠN 100 MÓN CHAY**

1. Đến với Thiện Duyên khách hàng sẽ được thưởng thức những món ăn thuần chay kết hợp với không gian thanh tịnh của Pháp viện Minh Đăng Quang.

2. Với các dịch vụ: Điểm tâm sáng, cà-phê, a la carte, buffet, tiệc cưới Hằng Thuận, và nhận tổ chức tiệc tại nhà (sinh nhật, đám giỗ,...).

- Để đảm bảo nhu cầu sức khỏe của khách hàng nên nhà hàng chỉ sử dụng các nguyên liệu từ các nhà cung cấp **"rau-củ-quả sạch"** có uy tín.

- Khẩu vị ngon miệng, giá cả hợp lý cùng với Bếp trưởng tay nghề đẳng cấp và đội ngũ phục vụ chuyên nghiệp sẽ làm hài lòng khách khi đến thưởng thức món ăn tại nhà hàng.

- **Giờ đón khách: từ 06h30 đến 21h** (hằng ngày)

ĐC: 505 Xa Lộ Hà Nội, P.An Phú, Q.2, TP.HCM  
(trong khuôn viên Pháp viện Minh Đăng Quang)

ĐT: (08) 66838999 - Mr.Dũng: 01689779755  
Mr.Bình: 0939507303



Du Lịch Phật Giáo

Liên hệ: 0866 810 113 - 0963 339 571 (gặp Pháp Tâm) - 0972 090 977 - 0975 280 504 (gặp Sang)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: [www.dulichphatgiaovn.com](http://www.dulichphatgiaovn.com)

- ✓ Ấn Độ - Nepal : 29 tr - Hỗ trợ Quý Tăng Ni 22 tr (16 N)  
(Delhi - Tứ Động Tâm - Tiểu Tây Tạng - Thủ Đô Kathmandu)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 9tr990 (6N5Đ)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Cao Hùng: 10tr500 (5N4Đ)  
(Cao Hùng - Phật Quang Sơn)
- ✓ Hongkong : 11tr490 (4N3Đ)

- ✓ Myanmar : 10tr900 (5N4Đ)
- ✓ Campuchia - Thái Lan: 4tr300 (6N5Đ)
- ✓ Cam - Thái - Lào - Myanmar : 8tr500 (12N)
- ✓ Hàn Quốc : 12tr990 (5N4Đ)
- ✓ Nhật Bản : 27tr500 (5N4Đ)
- ✓ Bhutan : 42tr500 (7N6Đ)

Đặc biệt

**LUÔN CÓ GIÁ ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRẰNG PHẬT TỬ**

Restaurant



## Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy  
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

**Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ

**Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM  
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469  
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

**Trân trọng kính mời**



# Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng  
 Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...  
 Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân  
 Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM  
 ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

**Kính Mừng  
 Đại Lễ Phật Đản  
 RL.2561**



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn  
 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035  
 “Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế”





**SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center**  
**HỒNG THẢO**  
 Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại một hông:  
 Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

**Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản**  
 ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)  
 77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1  
 HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)  
 Email: hongthao268@yahoo.com.vn



**pháp uyển**  
 DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6, Bình Thạnh, Tp.HCM  
 08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877  
 lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com

**LỚP HƯỚNG DẪN** 

**Thư pháp** theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**
- **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**  
 107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- **Học phí:** 300.000đ/1 học viên/1 tháng
- **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)



Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ**  
 QUANG NGHỆ CO., LTD.  
 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**  
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM  
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506  
 Email: [quangnghecandle@yahoo.com.vn](mailto:quangnghecandle@yahoo.com.vn)  
 Website: [www.quangnghecandle.com](http://www.quangnghecandle.com)



Nhà Song Hồ Trà trân trọng giới thiệu **TRÀ XANH 1509**  
 ★★★★★ ĐẬM CHẤT TRÀ VIỆT

- ☑ Hà Giang
- ☑ Búp và lá
- ☑ Màu xanh
- ☑ 900m
- ☑ Bán thủ công
- ☑ Hương mía lau

Từ nguyên liệu của vùng trà Shan Tuyết giống lá to Hà Giang thuộc thể hệ mới, kết hợp với qui trình chế biến trà xanh thuần cho ra đời một danh trà đậm chất Việt. Khi uống sẽ thấy vị chát mà sau lại ngọt như đời người trải qua gian khó sẽ có trái ngọt cùng mùi thơm ngọt của mía lau. Nhìn màu nước xanh trong chén trà mà cảm được màu thanh bình của cuộc sống

Trà xanh 1509 - người Bắc quen gọi "Trà Chép", người Trung quen gọi "Trà Ông Già", người Nam quen gọi "Trà Quau"

Tặng **1509** túi trà trong Đại Lễ Phật Đản



Trong ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN, chúng tôi **tặng 1509** túi Trà Xanh 1509 cho người yêu trà, từ ngày 27/4/2017 đến khi hết quà tặng. Vui lòng liên hệ tại:



- 6A Lê Quý Đôn, P.6, Quận 3, TP.HCM
- 115 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

- ☎ 0947 798 186
- 📘 Song Hồ Trà
- 🌐 songhytra.com



**CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN**

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com  
 Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- **Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal:** T.11,12/2016: 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật:** 22,5 triệu
  - **Singapore - Malay - Indo**
    - 6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
  - **Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung**
    - 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
  - **Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn**
    - 6N5Đ: 22,5 triệu ( hàng tháng)
  - **Hàn Quốc**
    - 5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
  - **Thái Lan**
    - (Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu( hàng tuần)
  - **Cam - Thái - Lào - Myanmar**
    - 12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tặng 2 suất buffet)
  - **Myanmar - Yangon - Tặng đá vàng - Thanlyin**
    - 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
  - **Xuyên Việt:** 20N19Đ: 7,5 triệu. **Cam - Thái:** 6N: 4,3 triệu
- 🕒 **Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni**



**CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM**

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:  
 - Móc khóa, quà lưu niệm  
 - Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766  
 Email: saigonphukim@gmail.com  
 Website: www.sgpk360.com  
 Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



**VĂN HÓA PHẬT GIÁO** đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

**Giá: 22.000 đồng**

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**

# KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

**Ưu đãi 10% - 30%**

tất cả sản phẩm từ ngày 03 - 10/05/2017  
(nhằm ngày 08 - 15/04 Âm lịch)



**HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663**

**[www.dieutuongam.com](http://www.dieutuongam.com)**



**DIÊU TƯỜNG ÂM**  
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 1  
382B NAM KỶ KHỚT NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM  
ĐT: (08) 38 484 558

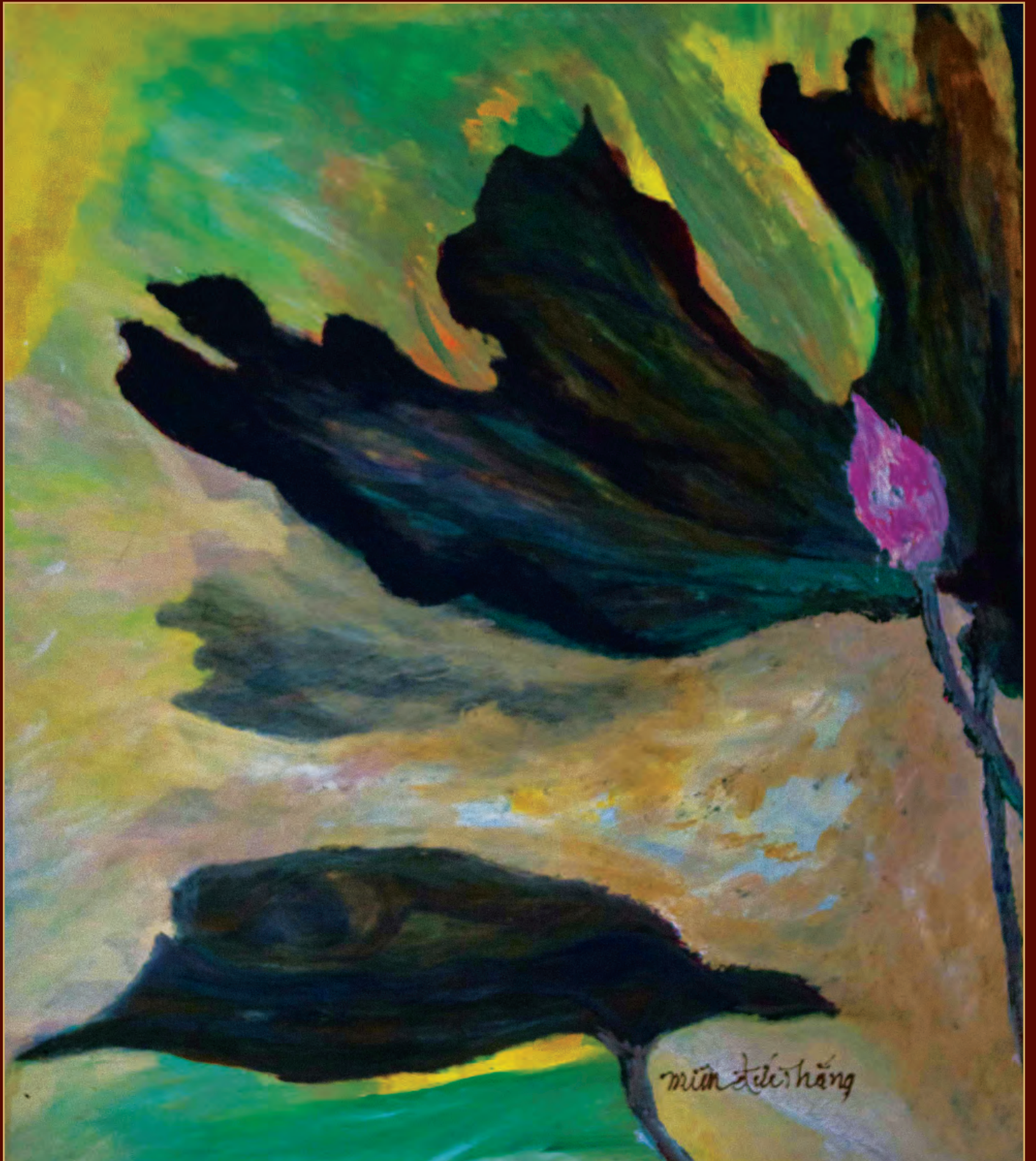
DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 2  
382D NAM KỶ KHỚT NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM  
ĐT: (08) 35 260 150

DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 3  
382G NAM KỶ KHỚT NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM

DIÊU TƯỜNG ÂM 3/2  
212 BA THẮNG HAI, P. 12, Q.10, TP. HCM  
ĐT: (08) 38 684 913

DIÊU TƯỜNG ÂM HÀ NỘI: 112 PHỐ HUẾ,  
P. NGÔ THỊ NHÂM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HN  
HOTLINE: 0903 288 112

DIÊU TƯỜNG ÂM - VIÊN DUNG ĐƯỜNG  
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM



**Tâm ủ một niệm thiền,  
Tay vẽ đóa hồng sen.**

*Miên Đức Thắng*